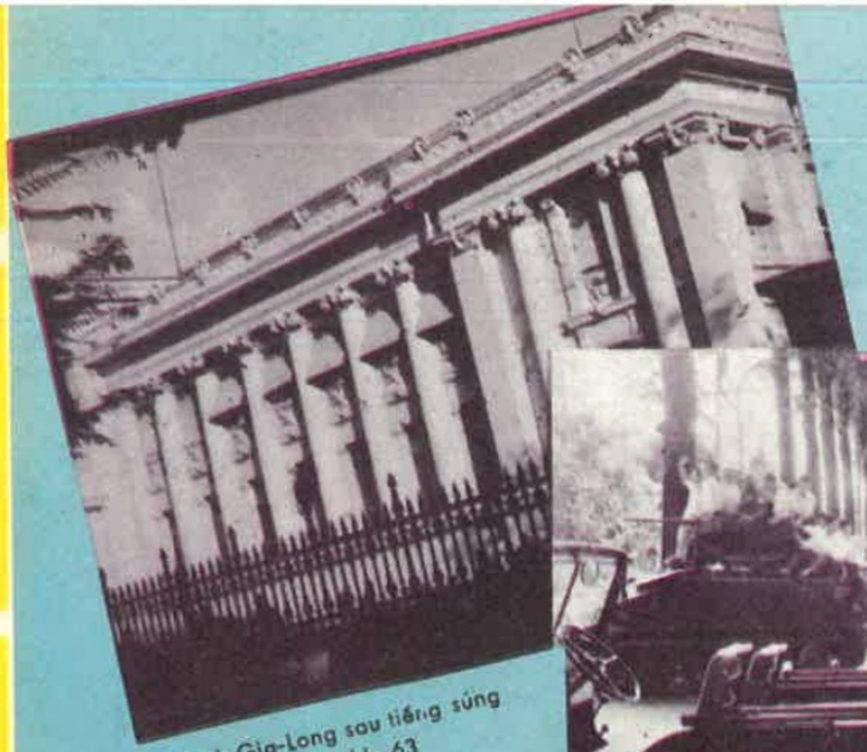

Dinh Gia-Long sau tiếng súng Cách-mạng 1 - 11 - 63

Đoàn thiết-vận-xa M - 113 của Quân Cách-mạng 1 - 11 - 63 đang diễn-hành qua các đường phố Thủ-đô Saigon

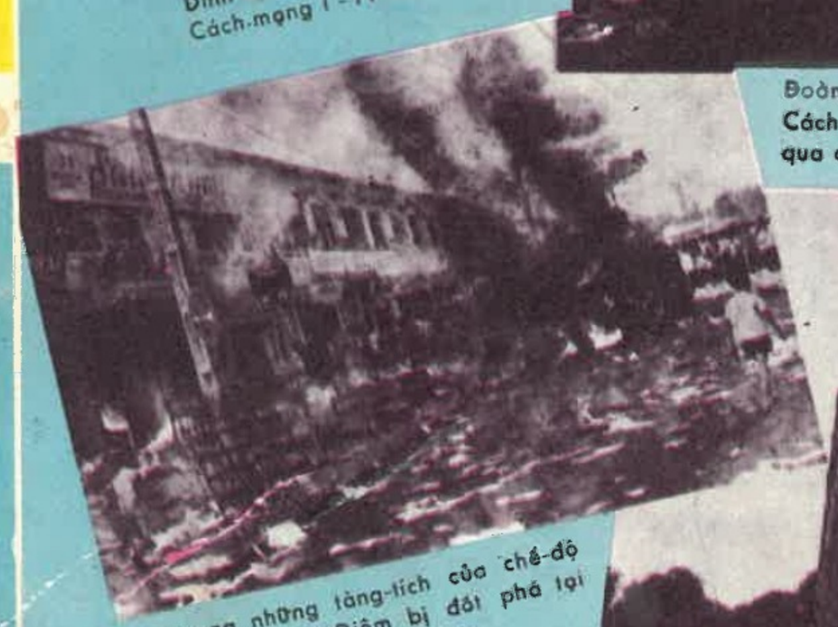

Một trong những tàng-tích của chế-độ độc-tài Ngô-đình-Diệm bị đát phá tại đường Phạm-ngũ-Lão, Saigon.

Tượng « hai Bà Trưng » ở công-trường Mê-Linh bị phá gãy sau tiếng súng cách-mạng 1 - 11 - 63.

Ấn loát OFFSET TRUNG

20$00

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đốc : NGUYỄN - VỸ

138

15 - 11 - 1964

Waron
AP95
V6P57

Người chiến quốc . . . . . THIẾU-SƠN
Quả tim sắt đá . . . . . VẠN-NĂNG
Tâm sự vụn. . . . . MINH-ĐỨC
✱ Martin Luther King, với giải thưởng Nobel Hòa-bình 1964 . . . . HOÀI-KHANH
● Những chuyện tình đẫy nước mắt : La Fayette . . . . . TRỌNG-TẤU
Theo dấu chân hung thủ ung-thư . THĂNG-TIẾN
Người bạn năm xưa (truyện ngắn) HOÀNG-THẢNG
● Mình ơi ! . . . . . DIỆU-HUYỀN
✱ Tuyên ngôn Tao-đàn Bạch-Nga giới thiệu 3 thi sĩ trúng giải . . . . T.Đ.B.N
Ý thức truyền thống trong Văn hóa dân tộc . . . . NGUYỄN-VĂN-ĐẬU
● Những đặc điểm của Thế Vận Hội Đông Kinh 1964. . . . . NGUYỄN-ANG-CA
Hoang dại (truyện ngắn) . . VƯƠNG-KIM-LIÊN
Thân thế và sự nghiệp Freud . . THÁI-DƯƠNG
● THƠ : Lâm-vị-Thủy, Mạc-lệ-Kiều, Hoàng-thị Bích-Ni

(xem mục đầy đủ ở trang 5 — 6)

CARDIOCORINE

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: YẾU TIM, SUY NHƯỢC
MỆT MỎI, NGẤT SỈU

Viện bào-chế NGUYỄN-CHÍ
Số 2, Tự-Đức Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

LE SECOURS

Công-Ty Bảo-Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :
30.32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-Thoại : 20.461

- **Bồi thường mau lẹ**
- **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô
1.000.000$
XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10$
THẦN-TÀI CHẲNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ-THÔNG
TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VII ★ SỐ 138 ★ 15-11-1964

1.— *Mình ơi !*	Diệu-Huyền	7 —	9
2.— *Cuộc đời của Martin Luther King*	Hoài-Khanh	10 —	22
3.— *Theo dấu chân hung thủ Ung thư*	Thăng-Tiến	23 —	29
4.— *Người bạn năm xưa (truyện ngắn)*	Hoàng-Thắng	30 —	36
5.— *Kiếp phù dung (thơ)*	Mạc-lệ-Kiều		37
6.— *Những chuyện tình đầy nước mắt*	Trọng-Tấu	38 —	42
7.— *Tâm sự vụn*	Minh-Đức	43 —	47
8.— *Niềm mong mỏi cuối cùng (TĐBN)*	Lâm-vị-Thủy		48
9.— *Quả tim sắt đá (truyện dịch)*	Vạn-Năng	49 —	56
10.— *Người chiến quốc*	Thiếu-Sơn	57 —	61
11.— *Ý thức truyền thống trong văn hóa dân tộc*	Nguyễn-văn-Đậu	62 —	68
12.— *Sông thu (thơ)*	Hoàng-thị-Bích-Ni		69
13.— *Hoang dại (truyện ngắn)*	Vương-kim-Liên	70 —	75

14.— *Thân thể và sự nghiệp Freud* . . . . Thái-Dương 76 — 83
15.— *Tuyên ngôn của Tao đàn Bạch Nga* . . . T Đ.B N 84 — 91
16.— *Giới thiệu 3 tác giả trúng giải Tao đàn.* . T.Đ.B N 92 — 97
17.— *Thế vận hội Đông Kinh 1964.* . . Nguyễn-ang-Ca 98 — 115
18.— *Giải đáp bài toán trẹo họng* . . . . Nhi bất Uần 116
19.— *Tuấn, chàng trai nước Việt* . . . . Nguyễn-Vỹ 117 — 120
20.— *Jean Paul Sartre giải Nobel* . . . . . P.T. 121
21.— *Mình ơi! (tiếp theo)* . . . . . Diệu-Huyền 122 — 130
• *Trình bày* . . . . . Nguyên-Minh
• *Tranh vẽ* . . . . . Ngọc Dũng

• Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

✱ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Viêt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique •
• Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

Mình ơi!

THẾ-VẬN TOKYO 1964

là Thế - Vận thứ mấy ?

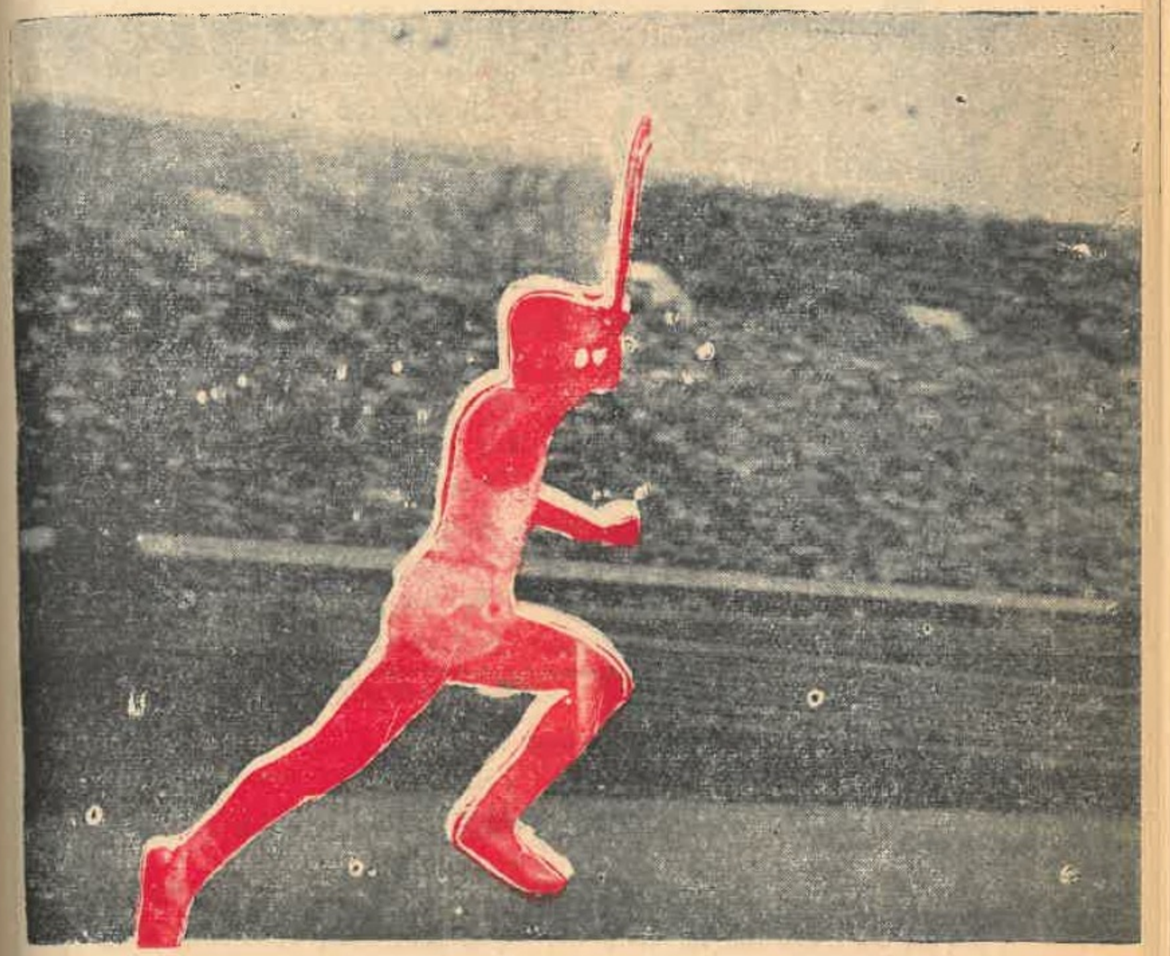

Người rước đuốc chặn cuối cùng, Yoshinori Sakai, sinh ở Hiroshima đúng ngày trái bom nguyên - tử đầu tiên nổ tại Hải - cảng nầy

À Tú ông Tú nghe say-mê bạn Nguyễn-ang-Ca, đặc-phái-viên báo *Dân-Ta* có đi tham-dự Thể-vận Tokyo kể những chuyện vui ở Vận-động-hội Quốc tế 1964 tổ-chức tại Thủ-đô Nhựt-bổn.

Nguyễn-ang-Ca ra về xong, bà Tú hỏi ông Tú :

— Có phải là lần đầu-tiên Thể-vận Quốc-tế được tổ chức tại một nước Á-Châu không Mình, ? Kỳ nầy là Thể-vận thứ mấy ?

— Thể-vận thứ XVIII, và là lần đầu tiên được giao-phó vinh-dự tổ-chức cho một nước Á-châu.

— Mình kể cho em nghe Lịch-sử Thể-vận-Hội Quốc-tế. Tại sao trước mỗi kỳ khai-mạc Thể-vận-Hội lại có cuộc rước Lửa-thiêng từ Hy-Lạp đến Vận-động-trường ? Nước Hy-Lạp có ăn thua gì với Thể-vận-Hội ?

— Tại vì...

— Thong-thả đã, Mình. Mình giảng cho em nghe cái nầy trước đã : tại sao lại có 5 cái vòng tròn tiêu-biểu cho Thể-vận hội ? Em cứ thắc-mắc hoài về ý-nghĩa của 5 cái vòng tròn dính xà-nẹo với nhau đó.

— 5 vòng tròn, gọi là *Pentathlon*, theo tiếng Hy-Lạp, tiêu-biểu cho 5 môn thể-thảo chính của lực-sĩ Cổ Hy-Lạp : Chạy đường trường, nhảy cao, ném tạ, nhảy sào, và vật lộn. Ngày nay, Thể Vận Hội Quốc tế có thêm nhiều môn mới, nhưng người ta vẫn cứ giữ nguyên truyền thống lực sĩ của Cổ Hy-Lạp, là nơi đã có sáng kiến mở ra lần đầu tiên các Hội Điền-kinh.

— Em thấy 5 vòng tròn đó vẽ 5 màu khác nhau : xanh, đỏ, đen, vàng, lục. Ý-nghĩa 5 màu đó là thế nào, hả Mình ?

— 5 màu tượng trưng 5 Đại châu trên Thế giới : màu **xanh** là châu **Âu**, màu **đỏ** là châu **Mỹ**, màu **đen** là châu **Phi**, màu **vàng** là châu **Á**, màu **lục** là châu **Úc**. Bây giờ nếu muốn tìm đến nguồn gốc của Thể Vận Hội, thì phải lui trở về tận năm **884 trước J.C.**, nghĩa là trước đây trên 2.800 năm. Người Cổ Hy-Lạp thờ thần **Zeus**, vị Thần tối cao, Chúa tể của vũ-trụ, cũng như Ngọc-Hoàng Thượng-Đế của Thần-thoại Trung-Hoa vậy. Tại vùng Olympie, giữa một cánh đồng thiêng liêng, người Cổ Hy Lạp có dựng lên một đền thờ thần Zeus. Lễ tế thần Zeus của Cổ Hy lạp cũng đại khái như lễ tế Trời ở Nam-giao của các vua chúa ta xưa. Trong lễ tế thần Zeus, các thanh niên lực-sĩ của xứ Hy Lạp, tụ hội ở Olympie, tranh đua nhau rất hăng hái trong 5 môn điền kinh quan trọng nhất, tiêu biểu sức mạnh của thanh niên Hy lạp. Lần đầu tiên tổ chức cuộc thử tài long trọng đó là năm **884** trước J.C. Rồi cứ 4 năm một lần có lễ tế thần Zeus, thì cũng có luôn cuộc thi Điền-kinh giữa các thanh niên lực sĩ Hy-Lạp.

(Xem tiếp trang 122)

LỄ TẶNG GIẢI TAO-ĐÀN BẠCH-NGA

*** 1964 ***

sẽ tổ chức tại nhà hàng Thanh-Thế (trên lầu), đúng 4 giờ chiều Chủ-nhật 29-11-64, với sự hiện-diện của một số đông anh chị em Văn-Nghệ và Giáo-sư Đại-học Sài-gòn.

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH 1964

Martin Luther King

★ Hoài-Khanh

Theo một nguồn tin của hãng thông tấn UPI đánh đi từ Oslo thủ đô nước Na-Uy ngày 15-10-64 cho biết thì Mục sư Tiến sĩ Martin Luther King, Jr. vừa được giải thưởng Nobel Hòa bình 1964.

Tiến Sĩ King là lãnh tụ của Hội đồng Lãnh đạo Cơ đốc giáo miền Nam Hoa Kỳ, trở nên người thứ mười hai của Hoa Kỳ và người Da đen thứ ba được giải thưởng Nobel.

Giải Nobel Hòa bình 1964 trị giá là 54.600 Mỹ-kim sẽ được chính Quốc vương Na-Uy Olaf đệ ngũ trao tặng tại Đại học đường Oslo vào ngày 10-12-1964

một người da đen đầu tiên đã đưa ra một phương pháp mới để giải quyết vấn đề cũ

Trong một căn nhà bằng gạch, to lớn, màu vàng, hai tầngxây trên một ngọn đồi nhìn xuống khu thương mãi Atlanta thuộc tiểu bang Georgia, Michael Luther King, Jr. ra chào đời vào ngày 15-1-1929. Thân phụ của King là Mục sư một trong những nhà thờ Tin-Lành của người Da Đen lớn nhất ở Hoa-Kỳ.

Ngôi nhà thờ của cha cậu, nơi đây chỉ có những giáo dân Da đen (1) đến mà thôi và King thường nghe họ bàn bạc đến những tình trạng đau đớn bị bạc đãi của họ. Họ thường cầu xin Thượng Đế giúp đỡ.

Năm lên sáu, lần đầu tiên Michael đã nhận thấy rằng cậu không giống với những người khác. Cậu chơi đùa với đứa bé da trắng, nhưng khi cha đứa bé, một chủ hiệu tạp hóa bên cạnh, thấy con ông ta chơi với Michael, y liền ngăn cấm không cho con chơi với cậu, cho con được nghĩ rằng việc đó là hạ cấp ». Bà mẹ Michael đã biết nhiều về các trường riêng biệt cho những người Da đen và trắng vì trước khi kết hôn bà từng là một giáo viên.

Michael cảm thấy không thể hiểu nổi tất cả những việc này và nó làm cậu rất buồn. Từ đó cậu từ chối không chịu đi ra ngoài chơi đùa và quyết định khi ba cậu về cậu sẽ hỏi thêm cho biết về việc này.

Ngay sau khi viên Mục sư về nhà, ông và Michael đã nói chuyện với nhau : « Những cách bất lợi này giữa những người khác mầu da là xấu xa và tất cả những người thiện chí phải cố gắng thay đổi nó. » Cha cậu nói « Có lẽ Thượng Đế đã đặt chúng ta trong một thế giới như một sứ mệnh phải thay đổi việc này. Ba đã từng suy nghĩ và rất thích đổi tên con và ba thành ra tên Martin Luther King. Lúc nào ba cũng khâm phục Martin Luther bởi vì ông ấy đã phá vỡ cái tập truyền bắt con người làm nô lệ đó. Ba muốn con nghiên cứu học hỏi đời sống của ông ấy và hãy cố gắng nắm lấy tinh thần đó của ông ta.

Việc nầy làm cho Michael rất buồn phiền. Mẹ cậu cắt nghĩa cho cậu rõ rằng người Da đen và trắng ở miền Nam Hoa-Kỳ sống riêng biệt và chia đôi vì sự phân biệt, kỳ thị mầu da đã trở thành phong tục từ lâu đời ở đây.

Những tửu quán, khách sạn và các nơi giải trí tốt nhứt chỉ dành cho người da trắng mà thôi. Những người Da đen được đặt để một phần trong các nhóm khác nhau trên tàu hỏa, xe buýt, trong các phòng ngồi đợi, nhà trường và các nhà thờ, mẹ cậu nói « Đó là một hệ thống xấu xa », bà nói tiếp « Nhưng con không nên

1.-- Tác giả bài này lúc nào cũng viết hoa chữ Da đen — Robert M.Bartlett.

Ông đã can đảm đứng dậy giữa thế kỷ mười sáu chống lại những sự đè nén, hà hiếp và tổ chức một sự cải cách vĩ đại đạo giáo, học thuyết và những cách thực hành của giáo hội. »

Do đó, Michael Luther King trở thành Martin Luther King, Jr. Thuở ấu thời Martin rất tôn kính Thánh Kinh, coi như một cuốn sách chỉ nam cho đời sống và cậu đã được dạy dỗ để áp dụng những lời huấn giáo của Jésus vào những vấn đề của đời sống hằng ngày. Martin rất thích nhà trường, sách vở và rất ham đọc sách. Cậu đã học quá khả năng hiểu biết của cậu. « Tôi thích vượt qua trí năng của tôi » cậu nói, «và cậu thường quấy rầy người khác với nhiều câu hỏi ».

Cậu là một đứa bé thích yên tĩnh và trốn tránh bạo động. Khi một học sinh cậy khỏe bắt nạt đánh đập cậu, cậu không bao giờ đánh trả lại. Khi một người đàn bà da trắng ở trong tiệm tát tai cậu và la lên : « Mày là tên mọi Da đen sao dám đạp trên chân tao», cậu cũng ngậm miệng không nói gì.

Năm mười lăm tuổi Martin vào học tại Morehouse, một trường trung học Da đen hoàn hão nhất ở Atlanta, nơi đây cậu được xếp hạng là một học sinh ưu tú. Cậu giúp việc cho Hội đồng chung cho học sinh đô thị, một nhóm học sinh da trắng và đen cố gắng giúp giải quyết vấn đề ở nhà trường và những vấn đề chung của xã hội. Đây là lần đầu Martin giao tiếp với những người da trắng trên căn bản bình đẳng « tôi đã sẵn sàng oán hận giống người da trắng » cậu nói, « nhưng khi tôi đã tiếp xúc với những người da trắng nầy, lòng oán hận của tôi đã dịu bớt để thay vào đó bằng một tinh thần cộng đồng hợp tác. Tôi không bao giờ cảm thấy như một khán giả bàng quan trong vấn đề chủng tộc. Tôi muốn được liên can tới trung tâm của vấn đề này ».

Ông đã cố gắng quyết định chọn lấy những gì cho đời sống của ông. Có lần ông đã nghĩ đến y khoa, tin tưởng rằng với địa vị một bác sĩ ông

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

có thể giúp đỡ xã-hội được. Rồi đến lượt ông thấy quá cần thiết để trở thành một luật sư. Như một luật sư, ông dự tính, có thể giúp vào việc phá vỡ một vài hàng rào luật pháp phi lý đã chận đứng chủng tộc ông. Ông cũng bị lôi kéo bởi giáo hội. Ông ba và cha ông vẫn thường có năng lực và đã là những mục sư rất thành công. Nhưng việc đó chỉ giới hạn trong phạm vi giáo hội. Tôn giáo của những người Da đen, Martin cảm thấy quá dễ xúc động. Nó chuyên chú đến sự tôn trọng tinh thần mà thôi. Ông muốn giáo hội phải nói bằng ngôn ngữ của thời đại ông và đương đầu giải quyết những vấn đề của xã-hội.

Martin là một sinh viên chuyên môn về xã hội học và đã được học bổng về thần học trong ba chủng viện. Martin học ở chủng viện Crozer ở Chester, tiểu bang Pensylvania, tại đây, ông là một trong sáu sinh viên Da đen thuộc nhóm một trăm sinh viên trúng tuyển. Đây là lần đầu tiên Martin ở miền Bắc và lần đầu ông chú ý đến một trường có các sinh viên đen, trắng lẫn lộn. Ông đã hài lòng và cảm động bởi tinh thần điều hòa tồn tại ở đó. Ông chăm chỉ học hành quyết làm sao cho giỏi dang. Ông đọc nhiều nhà triết gia xã hội như : Platon, Aristotle, Rousseau, Locke, Hegel và Gandhi.

Ông rất khâm phục Gandhi và đọc kỹ càng những sách vở của ông ấy. Đây là một người da mầu mà ông ta đã đương đầu với sự đô hộ và phân biệt của người da trắng bằng một thứ vũ khí mới, tinh thần bất phản kháng và bất bạo động đã đánh bại một vài điều tồn hại thống khổ, đè nén dân tộc Ấn-Độ. Đọc Gandhi và Tân ước, King đã tìm ra một phương pháp mà ông nghĩ có thể thực hành việc xoa dịu tình trạng

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

căng thẳng giữa những người trắng và đen ở Mỹ.

Trong năm cuối cùng ở cấp đại học, Martin đắc cử chức chủ tịch lớp học và là sinh viên dẫn đầu trúng tuyển trong lớp, người Da đen đầu tiên đạt đến vinh dự xuất chúng này. Sau khi đọc bài diễn văn kết thúc khóa học, ông nhận một giải thưởng được tiếp tục học để thi lấy văn bằng trong bất cứ trường đại học nào do ông chọn lấy.

Mùa thu 1951 ông theo học tại Đại học Boston để tiếp tục chương trình học thi lấy bằng Tiến sĩ triết học, theo những lớp triết lý ở Đại học Harvard. Ông thích khung cảnh học tập ở Boston và Cambridge, viếng thăm nhiều nơi lịch sử, gặp gỡ nhiều sinh viên khắp nơi trên thế giới nghiên cứu một cách sâu xa các tác phẩm của những triết gia mà ông ưa thích nhất như: Platon, Hegel và Kant — đi sâu vào tư tưởng của những nhà thần học mà họ đã chinh phục ông nhiều nhất như — Friedrich Schleiermacher, Paul Tillich và Reinhold Niebur. Luận án Tiến sĩ Triết học của ông nhan đề là « So sánh ý niệm Thượng Đế trong tư tưởng Paul Tillich và Henry Nelson Wieman» hai tư tưởng gia tôn giáo đồng thời.

Tháng 9 năm 1954, Martin Luther King, Jr. trở thành mục sư của giáo khu Dexter Avenue Baptist ở Montgomery, tiểu bang Alabama. Chẳng bao lâu Martin đã ý thức sâu đậm đến việc trở lại miền Nam. Lúc này ông đã kết hôn với Coretta Scott, một cô gái đẹp có giọng ca cao vút thiên phú và là một giọng hát quan trọng nhất của Trường dạy âm nhạc Tân Anh-Cát-Lợi ở Boston.

Vào khoảng năm mươi ngàn người Da đen và tám mươi ngàn người da trắng trong đô thị nhưng phần lớn những công việc tốt lành đều do những công dân da trắng nắm giữ trong khi những người Da đen làm việc như kẻ tôi tớ và chỉ được lãnh mười lăm hoặc hai mươi Mỹ-kim một tuần lễ. Không có sự phối hợp giữa người Da đen và da trắng. Ngay cả đến những nhà thờ cũng không có sự trợ giúp lẫn nhau và các mục sư cũng không có lấy một hội đề giúp các mục sư thuộc hai

chủng tộc đen, trắng đến với nhau.

Martin tin tưởng rằng sứ mệnh của giáo hội là kiến tạo một tinh thần cộng đồng và ông đã hướng dẫn bàn luận những vấn đề công dân với những con chiên. Ông tổ chức một hội đồng xã hội và chính trị trong giáo khu và khuyến khích mọi người trở nên một cử tri bảo đảm và cũng trở nên một hội viên của Liên đoàn Quốc gia cho sự Tiến bộ của Người-Da-Mầu. Như một mục sư trẻ nói chuyện với những tín đồ và thăm viếng nhà họ, ông nghĩ đến lịch sử bị đè nén xa xưa của họ và tự hỏi những gì mà tương lai sẽ đem đến cho họ. Những người Da đen đầu tiên đến Mỹ nhờ những tên nô lệ trong năm 1619, họ đã bị bắt đem đến từ Phi châu. Đến Mỹ họ tiếp tục sống như những tên nô lệ hơn hai thế kỷ. Mãi cho đến năm 1857, Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ, trong một cuộc quyết định ở Dred Scott, công bố rằng người Da đen có quyền có chút đỉnh tư hữu nhưng phải chịu sự kiểm soát của cải của riêng mình. Để chứng minh việc đối xử sai lầm của họ đối với người Da đen, người da trắng đã lý luận căn cứ vào Cựu Ước, cho rằng Noah đã nguyền rũa giòng họ tên Da đen Ham và lưu đày họ mãi mãi.

Tôn giáo Cơ đốc giáo đã giảng dạy trong những nhà thờ của họ rằng Thượng Đế yêu mến tất cả những con cái của ngài, không hề chú ý đến mầu da hoặc chủng tộc. Tôn giáo nhấn mạnh rằng điều quan trọng về con người không phải do mầu da, tóc tai mặt mũi nhưng do phẩm chất của tinh thần. Và sự quyết định của Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ ngày 17-5-1954 rằng sẽ cho học chung giữa các học sinh đen, trắng trong những trường công cộng Mỹ là một bước tiến bộ.

Tiến sĩ King bỗng nhiên tìm ra tinh thần của người Da đen mới trong giáo khu của ông. Ngày 1-12-1955, bà Rosa Parks, một người thợ may Da đen rất được yêu mến và kính trọng bà đã từng là thư ký của Liên đoàn Quốc gia cho sự Tiến bộ của Người da màu tại địa phương, từ chối không chịu nhường chỗ trên chuyến buýt

theo lệnh của viên tài xế để nhường chỗ bà cho người da trắng ngồi. Theo quy tắc, bốn chỗ ngồi đằng trước với băng khoảng mười người dành sẵn riêng cho người da trắng. Nếu những hành khách da trắng đã ngồi đầy các chỗ dành riêng cho họ mà có một người da trắng khác lên xe buýt, các hành khách Da đen đang ngồi ở chỗ không phải dành riêng cho người da trắng ở phía sau, được gọi phải đứng dậy để nhường chỗ họ cho người da trắng mới lên ngồi vào đó. Nếu một người Da đen nào từ chối đứng dậy và đi ra phía sau xe buýt người đó sẽ bị bắt.

Trong một thái độ oai nghiêm và trầm lặng bà Rosa Parks từ chối đứng dậy và bà đã bị bắt. Vụ án này xử vào ngày thứ hai, 5 tháng 12. Nhóm người Da đen đã đứng dậy. Những tờ truyền đơn in trên giấy sáp xuất hiện : « Điều này phải chấm dứt. Mọi người Da đen phải không đi xe buýt trong ngày thứ hai để phản kháng vụ bắt bớ và xử án này ». Những lời này đã lan rộng ra nhanh chóng một cách tự nhiên. Các mục sư Da đen đồng thanh chống lại việc này. Suốt ngày thứ hai những chiếc buýt gần như trống trơn, tới bảy mươi lăm phần trăm người Da đen đi xe buýt bây giờ hợp nhất quyết không đi.

Cảm thấy sự cần thiết cho một vài tổ chức hướng dẫn đứng sau cuộc chống đối này, Tiến sĩ King đã kêu gọi các mục sư và giáo hữu tổ chức hội cải thiện tình trạng ở Montgomery, và Tiến sĩ King được đắc cử ngay chức Chủ tịch hội này. Liền đó một cuộc mít tinh mở rộng ở đô thị đã lôi cuốn hơn năm ngàn người tham dự. Một bản quyết nghị được chấp nhận. Những người Da đen không đi lại xe buýt cho đến khi : 1) Bảo đảm những người phục dịch trên xe buýt phải đối xử lịch sự biết điều . 2) — Những hành khách ngồi ở hàng thứ nhứt, căn cứ vào chỗ dành riêng thứ nhứt ; những người Da đen ngồi từ sau xe buýt đến trước và những người Da trắng ngồi từ trước đến sau ; 3)— Phải thuê người Da đen phục dịch trên xe buýt trên những con đường người Da đen đi nhiều hơn.

. Và bà Parks bị phạt và trả phí tổn cho tòa mười Mỹ-kim. Tờ báo quảng cáo Montgomery, một tờ báo của người da trắng, đe dọa quyết liệt một cuộc tẩy chay dài hạn và

những người da đen tiếp tục chống đối. Họ lẫn tránh đi xe buýt — họ cuốc bộ, cỡi la, đi xe ngựa trần và những xe hơi riêng nếu họ có. Cuộc tẩy chay « hiền lành vừa được nổ bùng ra ». Biểu ngữ được chấp thuận bởi Hội Cải thiện là « Chánh nghĩa không bạo động ».

Martin đã du nhập ý thức một tinh thần mới trong những người da đen. Xưa họ vẫn thường nói : « Tôi thà làm một cột đèn ở Harlem hơn là làm ông Thống đốc ở Alabama ». Bây giờ thì họ nói : « Hỡi anh em, hãy ở lại đây và chiến đấu bất bạo động, lý do nếu bạn không để họ làm bạn điên cuồng lên, bạn có thể chiến thắng ». Lúc này tiến-sĩ King trở thành tiếng nói của 50.000 công dân. Một lần ông đã bị bắt giam đúng 2 giờ trước khi ông dự bị nói chuyện tại một cuộc mít-tinh công cộng. Nhiều người ở ngoài tôn giáo cũng điện thoại tới nhà và sở ông hỏi thăm, an ủi. Mặc dù bị bắt bớ, tiến sĩ King vẫn cố gắng hết sức để chận đứng lòng căm hờn đã dâng cao và khuyên nhủ các giáo hữu cố tránh mọi sự bạo động và chỉ chống lại bằng sức mạnh của thiện chí mà thôi.

Một đêm, sau khi nhận lời đe dọa qua điện thoại, nhà lãnh tụ hai mươi bảy tuổi, mỏi mệt, chán nãn bò vào trốn trong nhà bếp của ông, quì xuống để cái đầu nằm trên hai bàn tay. Khi ông cầu nguyện trong sự cô đơn và thất vọng, ông tin tưởng ông đã nghe một giọng nói : « Hãy bênh vực sự thực, bênh vực lẽ phải. Thượng Đế ở bên cạnh bạn. »

Rồi từ đó, ông kể lại « Tôi không sợ gì cả. »

Đôi khi ông nghĩ đến tình thế của chủng tộc ông, tại sao họ phải phản kháng và làm thế nào họ có thể đạt tới sự bình đẳng. Làm thế nào khởi nhập cuộc chiến đấu này ? Nhưng ông đã tin tưởng rằng nếu chủng tộc ông theo đường lối bạo động chắc chắn rằng sẽ bị thất bại.

Vậy thì chỉ có một con đường — con đường phản kháng bất bạo động. Bất bạo động không phải là hèn nhát như một số người nghĩ. Nó còn nhiều sức mạnh hơn là sức mạnh vật chất. Phương pháp này có vẻ như thụ động trong vật chất nhưng nó chủ động trong tinh thần.

Tiến sĩ King đã cố gắng giảng giải quan niệm của ông cho các giáo hữu và đám đông mít-tinh: « Tinh thần phản kháng bất bạo động của chúng ta không phải tìm kiếm ở sự đánh bại hoặc làm mất thể diện đối thủ của chúng ta, nhưng có phần chiếm được tình thân hữu và sự hiểu biết của họ. Ông khuyên mọi người bắt đầu cuộc mít tinh bằng cầu nguyện và kết thúc cuộc hội hợp với những lời : « Hãy để chúng tôi cầu nguyện rằng Thượng Đế sẽ ban cho chúng tôi sức mạnh để duy trì bất bạo động dù chúng tôi có thể đương đầu với sự chết ».

Nhà lãnh đạo trẻ giải thích cho những người đi dự cuộc biểu tình. « Trong cuộc tranh đấu cho phẩm giá con người của chúng ta, chúng ta không được cho phép chính chúng ta trở nên cay nghiệt hoặc mắc vướng vào trong những cuộc vận động căm thù. Chúng ta phải cố gắng cắt đứt xiềng xích căm thù. Chúng ta dùng tình yêu để cố gắng chinh phục căm thù, nó không phải là sự rung động của tình cảm ; nó là sức mạnh của Thượng Đế đang ngự trị ở trong chúng ta, tin tưởng trong tinh t hần bất bạo động là nền tảng ch o sự tuyên bố rằng vũ trụ ở bên cạnh công lý, rằng Thượn g Đế ở bên cạnh lẽ phải. Bởi thế ở Montgomery chúng ta đã khởi hành và không bao giờ mỏi mệt bởi vì chúng ta biết rằng rồi sẽ cắm trại ở một cuộc mít tinh vĩ đại trên giải đất h ứa hẹn công lý và tự do. Hoàn tất phương pháp hữu ích của Jésus và Gandhi chúng ta sẽ làm hiện lên từ nửa đêm của khối vô nhân đạo vào trong ánh sáng của bình minh »

Tiến sĩ King bày tỏ rằng chỉ trích n hững người khác chưa đủ ; những người Da đen phải trở nên là những công dân tốt hơn và chứng tỏ rằng họ có thể giúp đỡ cho chính họ. Họ phải trở thành những công dân ưu tú và là những hội viên đáng kính của cộng đồng.

Một đêm, khi Tiến sĩ King đang nói chuyện trước một cuộc hội hợp đông đảo, bà vợ King hướng dẫn một người bạn vào phòng ngủ của vị mục sư khi bà nghe tiếng động ở hiên trước. Bà cho đó là một cục gạch của người nào đó ném vào. Bà dẫn bạn của bà

rời bỏ gian phòng vừa lúc một trái bom nổ tung phòng ngủ.

Từ ngày đó trở đi các thân hữu không bao giờ để ông lái xe hoặc bách bộ một mình ở Montgomery. Đang khi những tuần lễ căng thẳng bởi khủng bố và nổ bom, Martin thường nản lòng, nhưng Coretta đã hiến dâng cho ông sự ủng hộ trung thành « Qua tất cả những sự đe dọa và bạo động » ông thuật lại, « Nhà tôi biểu lộ một tinh thần bình tĩnh đã giúp tôi tiếp tục sứ mệnh. Nhà tôi đã nhận thấy sự vĩ đại của phong trào».

Dần dần những bức thư hiểu biết và ủng hộ đến với ông từ khắp nơi ở Mỹ và từ những người biểu đồng tình trên thế giới. Có cả những quà tặng nhằm giúp đỡ việc duy trì hoạt động của Hội. Những sự khuyến khích đó đã nhìn nhận rằng ông và chủng tộc ông không đơn độc, rằng dư luận chung đã ủng hộ họ.

Giữa cuộc tranh luận với các thân hữu, ông nghe một lời tường thuật rất khích lệ. Mục sư bạn đỡ lên một người phụ nữ Da đen mà chị ta bị ngất xỉu vì đi bộ đến sở làm « Có phải chị mệt v việc đi bộ này ? » Ông ta hỏi.

« Tinh thần tôi đã mỏi mệt từ lâu » chị trả lời.

« Bây giờ chân tôi đã mỏi mệt, nhưng tinh thần tôi được thảnh thơi. »

Ngày 1 tháng 2 năm 1956 năm người phụ nữ Da đen ở Montgomery, ra tòa án địa phương yêu cầu Tòa tuyên bố những luật lệ vận tải phản hiến pháp ở Alabama và Montgomery. Họ chỉ rõ rằng những luật lệ địa phương đã tước đoạt quyền hạn và đặc ân miễn thuế của họ dưới sự tu chỉnh lại điều thứ mười bốn của Hiến pháp Hoa-Kỳ trong việc tìm kiếm sự cưỡng bức những người Da đen dùng xe buýt, mặc dù sự đe dọa và đối đãi không tử tế. Tòa án địa phương quyết định chống lại những người đàn bà này.

Vào tháng ba năm 1956, Tiến sĩ King và tám mươi chín nhà lãnh đạo cuộc tẩy chay khác bị bắt. Họ bị cảnh sát địa phương bắt tại nhà vì những hoạt động tẩy chay của họ. « Nếu chúng ta bị bắt bớ mỗi ngày » King tuyên bố, « nếu chúng ta bị hao hụt mỗi ngày, không để ai lôi cuốn chúng ta đến chỗ thấp kém như làm cho chúng ta

căm thù. Chúng ta phải có lòng trắc ẩn và thông hiểu cho những người mà họ căm thù chúng ta. Bởi vì nhiều người họ đã được dạy dỗ căm thù ngay từ lúc còn nằm nôi. Họ không hoàn toàn chịu trách nhiệm hành động của họ ».

Luật sư biện hộ cố gắng chứng tỏ rằng người Da đen phản kháng lại sự kỳ thị chủng tộc trên xe buýt là đúng. Khi phiên tòa bắt đầu, người ta nghe đám đông ca hát và cầu nguyện ở bên ngoài. Nhiều người trong bọn họ mặc áo có may hình thánh giá trên tay áo và lời nói của Jésus trên thánh giá — « Lạy Cha, hãy tha thứ họ »— để nhấn mạnh cuộc vận động kịch liệt bất bạo động. Tiến sĩ King được biện hộ bởi tám luật sư và phòng xử tràn ngập với những người ủng hộ ông.

Trong khi sự quyết định của Tòa án địa phương ở Mỹ, liên quan với vụ xử 5 người đàn bà Da đen, đã chống án và lên tới Tối cao Pháp viện. Tin từ Kinh đô cho biết rằng Tối cao Pháp viện đã tuyên bố rằng việc phân biệt kỳ thị chủng tộc trên xe buýt ở Montgomery là trái với luật pháp. Người ta đã nói : « Thượng-Đế đã nói từ Hoa-Thịnh-Đốn ».

Ngày hôm sau Tiến sĩ King lên tiếng trước một cuộc mít tinh không lồ : « Tôi sẽ thất vọng ghê gớm nếu bất cứ người nào trong các bạn không đi xe buýt trở lại. Chúng ta, những người Da đen, đã chiến thắng người da trắng. Không gây hấn, không ngạo mạn với những tài xế da trắng. Hãy chứng tỏ lòng kiên nhẫn và cung kính. Không làm cho họ những gì mà bạn không muốn họ làm cho bạn ».

Những người Da đen bắt đầu đi trở lại xe buýt vào ngày 20 tháng 12 năm 1956, sau cuộc tẩy chay 381 ngày, trong khoảng thời gian này công ty xe buýt đã lỗ hết 75 ngàn mỹ-kim. Nhưng sự biến động không thực hết. Những chiếc xe buýt bị bắn, nhà của các giáo sĩ tiếp tục bị bom trong số đó có giáo sĩ da trắng. Nhiều nhà thờ Da đen cũng bị bom nổ phá hoại. Một vài kẻ đã bắn súng săn vào trước cửa nhà Tiến sĩ King.

Cuộc cách mạng bất bạo động do Tiến sĩ King lãnh

đạo ở Montgomery đã được gọi là một phép mầu ở Mỹ, một giai đoạn lịch sử quan hệ đã được khuếch trương, chứng minh tài năng của một vị lãnh tụ Da đen mới đã đạt được kết quả rực rỡ bởi Hiến pháp và Tối cao Pháp viện xác nhận quyền hạn của người Da đen. Như một môn đệ của Thánh Gandhi, Martin Luther King đã giúp sự phát triển thành quả phản kháng bất bạo động và đã hoàn thành lời tiên tri của nhà lãnh tụ Ấn-độ hơn một lần đã nói : « Có lẽ qua những người Da đen, thông điệp chân chính của tinh thần bất bạo động sẽ được giao phó cho thế giới ».

Trong năm 1956, Tiến sĩ King đã được chọn một trong số mười người lỗi lạc nhất bởi tạp chí Time. Một viện thống kê cho biết rằng ông là một nhà lãnh đạo tôn giáo được khâm phục, ngưỡng mộ nhất ở Hoa-kỳ. Ông đã nhận hơn bốn mươi giải thưởng cho việc lãnh đạo của ông ở Montgomery.

Martin Luther King, Jr, là một biểu tượng của thế giới, còn rất trẻ. Ông là người trầm lặng, có giọng nói dịu dàng, cử chỉ khiêm tốn, nhưng với một nhân cách sáng ngời và thiên tài hùng biện. Ông thường suy nghĩ rất cẩn thận trước khi hành động và có tài tập trung tinh thần một thời gian lâu dài trong một vấn đề nào đó. Ông thường mặc đồ xám đen. Một lần ông nói : « Tôi thích có vẻ nghiêm nghị nhưng không thích sự chú ý đến việc làm ra bộ đỏm dáng. » Ông thích xem đá cầu, thích bơi lội và chơi quần vợt, nhưng ở Montgomery, một người Da đen ít có cơ hội để thưởng thức những thú vui đó.

Ông là một nhà vô địch thẳng thắn của Nhân quyền. «Sự phân biệt kỳ thị giữa anh em» ông nói với tín đồ thuộc giáo khu ông « là một mùi hôi hám khó chịu đối với khứu giác của Thượng Đế ».

Tiến sĩ King vẫn tiếp tục phản đối sự phân biệt kỳ thị chủng tộc, mặc dù ông nhận ra rằng việc tù tội hoặc ngay cả đến việc ông bị ám sát có

thể xảy ra cho ông. Tinh thần phản kháng của ông tiếp tục qua sức mạnh của sự nguyện cầu, hợp lý và bằng tình yêu. Phân biệt kỳ thị chủng tộc ông tin tưởng rằng, là điều dẫn đến sự bế tắc hoàn toàn trong từng liên đới giữa con người với con người. Nếu nền dân chủ tồn tại, sự phân biệt kỳ thị chủng tộc phải bị diệt vong. Sứ mệnh của người Da đen không thể ban cho việc làm chậm và ngừng lại. Họ phải thúc đẩy nó tiến tới chỗ chấm dứt hoàn toàn nạn kỳ thị phân biệt đó. Và Martin Luther King chính là một ánh hào quang mở lối soi đường cho chủng tộc ông tiến tới, không phải tiến tới để vượt lên trên và đè nén, nhưng hòa hợp trong tình đồng loại, bằng hữu để cùng nhau góp phần xây dựng lại một thế giới Thương yêu, Hòa đồng và gắng chu toàn sứ mệnh con người một phần nào khi còn sống trên trần gian này.

● ✱

✱ DANH NGÔN

Người càng khôn lớn bao nhiêu lại càng phải tin, càng gần Thượng-Đế, hơn nữa càng thấy rõ Thượng-Đế bấy nhiêu.

Tôi tin tưởng sâu xa ở cõi đời tốt đẹp ấy. Cõi đời ấy, đối với tôi càng thực tế hơn là cái ảo tưởng khốn nạn mà chúng ta đang ngấu nghiến và gọi là kiếp sống.

(Plus l'homme grandit, plus il doit croire, plus il approche de Dieu, mieux il doit voir Dieu...

J'y crois profondément à ce monde meilleur. Il est pour moi bien plus réel que cette misérable chimère que nous dévorons et que nous appelons la vie).

Victor Hugo

✱ THĂNG-TIẾN

theo dấu chân hung thủ

UNG THƯ

NẾU chúng ta biết rằng riêng tại Pháp, căn cứ trên những bản thống kê, trong thời gian sáu phút là có một người dân quỵ dưới tay hung thủ ung thư, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn tại họa khủng khiếp này đang là mối đe dọa thường trực ngay đối với cả những người lạc quan nhất.

Đề đối phó, thực sự người ta có nao núng trước hiểm họa này không ?

Có thể nói, chính vì người ta đã thiếu tổ chức, vì lý do uy tín và tự ái, khiến chưa tựu hợp được mọi nỗ lực để áp dụng những biện pháp « chống » lại ung thư. Một cuộc chống đối ngấm ngầm nhằm vào các « nhà cổ điển » các « quới chức» những công trình phát minh lẻ loi. Tuy nhiên, nếu không có những biện pháp quyết liệt để thắng bệnh ung thư, ít ra cũng có những cách hữu hiệu để ngăn cản sự bành trướng, là kịp thời theo dõi dấu chân hung thủ.

❍ Hung thủ xuất-hiện cách nào ?

Bệnh chứng của ung thư thế nào ? Câu hỏi nầy thực khó mà trả lời thỏa đáng, ngay cả đối với các giáo sư, bác sĩ chuyên khoa, vì những « lý do » của nó đối với họ, cũng hãy còn ở trong vòng... bí mật. Cách đây không lâu, bác sĩ Partmann đã « tuyên bố » một cách rất thành thực, trước các bạn đồng nghiệp ở Hàn lâm viện Y khoa : « Chúng tôi biết hình thức và

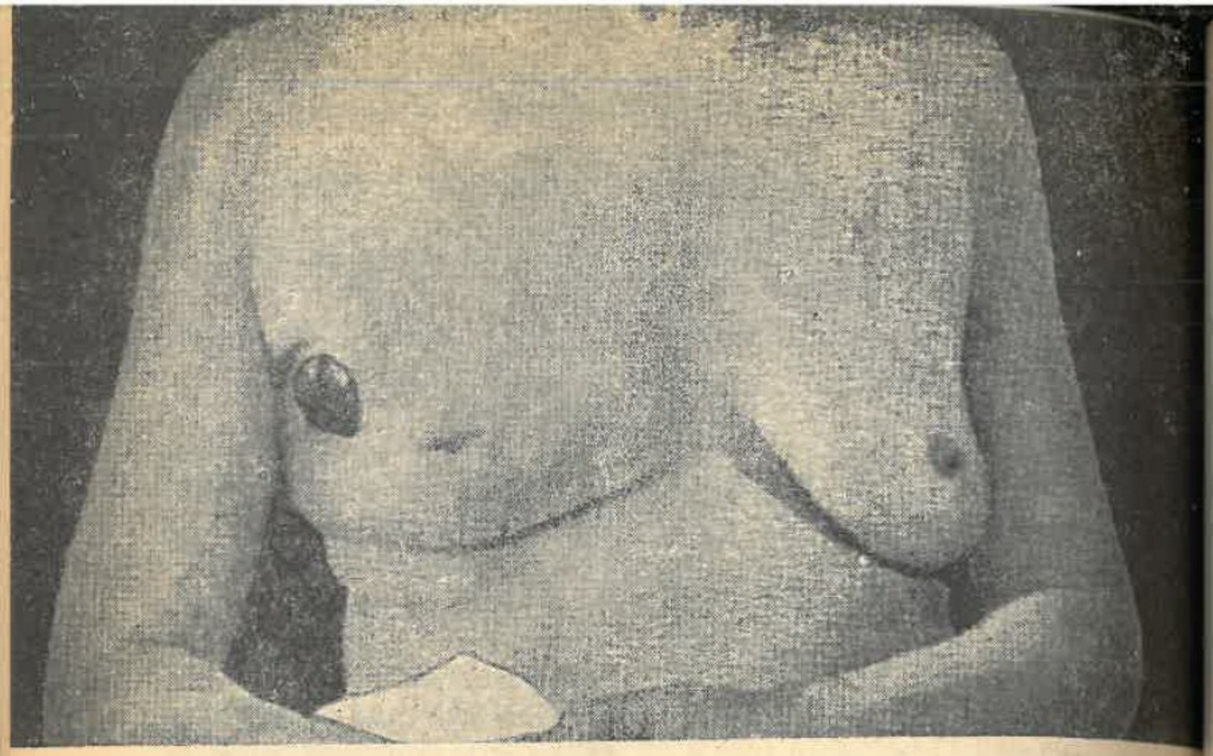

Ung thư ở đầu vú ↑

•

Bác-sĩ Roland Bordet, một trong số các chuyên viên đang ra công tìm tòi phương pháp trị bịnh ung thư

sự tiến triển các bệnh nầy, nhưng tôi không rõ tại sao một tế bào bỗng nhiên trở nên bị ung thư ». Ta có thể lấy một định nghĩa tuy chưa hoàn toàn, rút từ trong cuốn sách tựa là « Để khỏi bị ung thư » của bác sĩ Pierre Chevalier : « Ung thư là một nạm bướu gây ra bởi những tế bào không bình thường và suy nhược, sinh sản thiếu trật tự, gây thương tổn cho bộ phận mang cái mô kiệt quệ của nó ».

Tại sao lại có những tế bào « không bình thường » và « suy nhược ». Phải tìm ra được nguyên nhân — mà nguyên nhân thì có rất nhiều, nhưng những nhà chuyên khoa nghiên cứu cũng còn rất bất đồng ý kiến « kịch liệt ».

Ở đây chúng tôi xin ghi một nhận xét : sự thực hôm nay

không « thực » đến ngày mai. Ngày nay, sau 50 năm, các phương pháp chủng độc để miễn nhiễm như sự kháng độc đắc thủ và kháng độc thụ động đã được người ta coi như... không có, vì đã lỗi thời. Từ lâu, người ta đã tưởng rằng ung thư chỉ là sự rối loạn của những tế bào bị ngạt hơi, rồi người ta lại cho rằng tại... vi trùng. Nhưng có thật « siêu » vi trùng là nguyên nhân đích thực của ung thư ? Không ai có quyết đoán được !

● hung thủ hoạt động

Theo thứ tự từng giai đoạn, Ung thư tiến triển qua các giai đoạn như sau :

Trong thời kỳ thứ nhất hay là thời kỳ ***tiền ung thư***, triệu chứng chưa phát hiện, bệnh nhân và các bác sĩ cũng không biết, kể cả những dụng cụ khoa học để khám phá ra « nó ». Nhưng « nó » cứ âm thầm quyết liệt tiến tới trạng trái bệnh ung thư không bướu (hay chưa sưng lên) để rồi phát hiện.

Trong thời kỳ thứ hai là thời kỳ « nó » tìm chỗ để « định cư » nhưng nếu nội quan tuyến cũng không thể đem « nó » ra ánh sáng được.

Trong thời kỳ thứ ba là giai đoạn xuất hiện rõ ràng, bởi vì lần này thì quang tuyến mới phát giác được nó một cách « ngon lành » vì « nó » đã sưng lên, hay làm bướu.

Nhưng ! than ôi, lúc này đã quá trễ, cũng như một người lao phổi đợi đến lúc con bệnh cực kỳ trầm trọng rồi mới chạy thuốc. Thế cho nên phải theo dõi nó ***trước khi quá muộn.***

Phương pháp tự liệu cổ điển căn cứ vào những « dấu hiệu à-lệc », những thí nghiệm tế bào, quang tuyến. Một vẻ sưng trên vú, một vết lở không lành, những khó chịu trong bộ máy tiêu hóa, một sự khó nuốt khi ăn uống, một sự khô cổ hay những cơn ho bất trị, máu lưu thông không bình thường, tự biến đổi của một mụt cóc hay một nốt ruồi đều có thể là những « dấu hiệu à-lệc » rồi đó !

Theo dõi dấu chân hung phạm không có nghĩa là : khám phá ra sự nổi sưng lên, vì nó tiệm tiến một cách rất « ma-lanh », nhưng là phát giác ra trạng thái.

Tiền ung-thư, bao giờ cũng xảy ra trước khi nó hiện nguyên hình.

Những thí nghiệm « tróc nã hung thủ » sau, đã có rất nhiều các bác sĩ áp dụng, nhưng cũng có một số khác không biết hay chưa hiểu giá trị của những phát minh này :

1) Phương pháp của Lorenz là chích lấy một giọt máu để « phân chất » xem nó có còn bình thường hay không, nhờ một máy « nhuộm màu ».

2) Chương pháp của Mattéi rất được áp dụng, thử máu để phát giác tiền ung thư, sự xâm lấn của dịch thể và sự nao núng của cơ năng tự vệ.

3) Phương pháp của Vernes, phân định lượng co rút của các thể ngâm trong huyết thanh.

Những thí nghiệm trên có thể áp dụng trong những trị liệu pháp đặc biệt, vào lúc còn ở trong trạng thái tiền ung-thư hay ung-thư chưa làm sưng.

● Hung phạm «báo đời»

Bệnh ung thư có di-truyền không ?

Khó mà trả lời xác quyết tuyệt đối được. Dựa trên thí nghiệm cấy ung thư cho những con chuột ở vú, 18 đời họ chuột này về sau vẫn còn mang vết tích báo đời đó. Chưa có thể tuyên bố là nếu cha mẹ bị ung-thư hoặc chỉ một trong hai người thôi thì con cái có bị nhiễm bệnh không ? — Nhưng chắc chắn con cái dễ bị hơn những người khác không bị di truyền trong huyết thống.

Thật ra, thực tế đã phát giác có những giòng họ từ lâu đời bị ung thư, nhất là những gia đình này lại cư ngụ trên những « huyệt-địa » do những giòng điện luân lưu ngầm dưới đất phóng xạ, chắc chắn đã gây ra sự xáo trộn các tế bào nơi những người này. Con số những người bị nhiễm bệnh ung thư vì sức phóng xạ của những luồng điện ngầm dưới đất, ở thung lũng Tyrol là một chứng cớ hiển nhiên. Quý vị nào da nghi chắc sẽ bảo : đó là tại họ hút ống điếu chứ ? Nhưng, còn những người đàn bà thì sao, họ đâu có hút ?

● Hung phạm muôn mặt

Như chúng ta đã biết ung thư chỉ tất cả các loại bướu nguy hiểm, nghĩa là những tổ chức mới phát triển trái với định luật của các tế bào cấu tạo cơ thể, có ý muốn xen vào và xâm chiếm những tổ chức chung quanh nó, hoặc chuyền qua các bộ phận khác của cơ thể bằng huyết quản hay tân dịch quản, để rồi « bám » vào chỗ

mới và « hiện diện » một cách bất thường như vậy.

Vì thế ung-thư có thể gây nguy hiểm cho tất cả các cơ quan cần thiết mà nó « thích » xâm nhập vào những nơi như những đường tiêu hóa, miệng, trực tràng (bao tử, gan, ruột v.v...) tử cung nơi đàn bà, nhiếp hộ tuyến nơi đàn ông, phổi, vú và thực quản.

Nó còn trá hình dưới nhiều cách « làm ăn » nữa. Bệnh *bạch huyết* là sự bất quân bình của 'phoọc muyn» máu diễn ra trong cuộc tấn công đắc thắng của các bạch huyết cầu chống lại với hồng huyết cầu (bạch huyết cầu gia tăng từ 5.000 đến 300.000 hay 400.000 trong mỗi ly khối máu) — chính là một hình thức kinh khủng của bệnh ung thư.

Thảm kịch tang tóc này sát hại rất nhiều trẻ con và thanh niên. Bệnh Hodgkins hay là bệnh sanh nhiều bạch huyết có hột nhỏ, cũng là một hình thức ma quái của ung thư. Nó tấn công các bạch huyết và cũng gây ra tàn phá hủy hoại nhiều như chứng tích-tủy-xám-viên (bại xuội).

● Những phát minh quan trọng

Chúng tôi bỏ qua không nhắc đến các phương pháp trị liệu cổ điển, vì dựa vào tỉ số những bệnh nhân được chữa theo cách trên, thì rất ít ỏi và chỉ có hiệu quả tạm thời. Phương pháp trị liệu được áp dụng ngày nay không phải nhằm mục đích làm cho chỗ bị nổi bướu hay sưng lên mất đi, mà là nhằm tái tạo sự quân bình của các tế bào liên hệ, trước khi quá muộn. Thử đan cử những thứ thuốc sau đây.

« *Eubioton* » chế tạo tại Thụy sĩ do nhà sinh vật học Pháp Roland Bordet, sau rất nhiều lần tìm kiếm đã phát minh ra. Đây là một hợp chất rút ra từ một số thân mộc dưới biển, nhất là các thứ rong biển.

« *Vibrolysine* » của Lorenz có công dụng chống lại sự bất quân bình của tế bào và loại bỏ ra những độc tố tai hại và chất đản hạch khỏi những bướu. Lorenz cũng nổi tiếng về phương pháp phân chất máu đã nhắc đến ở trên

« *816* » của giáo sư, Estripeaut nhằm bài trừ sự diễn tiến hỗn loạn của ốc xít hóa mà theo giáo sư nó là căn nguyên của bệnh ung thư.

«*Depolarisol* của bác sĩ Ropars

nhằm mục đích khử-cực chỗ bị nhiễm ung thư cũng như một y sĩ khử cực một cái pin Leclanché để cho nó tiếp tục chạy

Theo bác sĩ thì bệnh ung thư gây ra bởi từ hậu quả của một sự khử cực kém cỏi.

« *Peroxydases-Synthéthiques* » của bác sĩ Solomidès có công chiệuhống ung thư chắc chắn và mang lại dưỡng khí cho các tế bào bị thiếu.

« *T.M.B.* » của Roger des Allées rút ra tinh chất từ trong tử cung của những con gà mái non, chất khoáng, sinh tố thiên nhiên. Hợp chất dinh dưỡng này đem lại cho tế bào bị mất quân bình một cách khả quan.

Các phương pháp khác

Bác sĩ Pierre Chevalier dùng phương pháp điện-tử để tự liệu nhằm đem lại cho bộ phận bị nhiễm bịnh một năng lượng điện thế nhằm đem lại sự quân bình, gây ra bởi một cao dưỡng điện.

Một nhà phát minh khác, Maurice Hercout đưa ra áp dụng một loại dinh dưỡng có hiệu lực đặc biệt đối với chứng bịnh này — tổng hợp các chất ma nhê si, bầu yếu tố và sinh-xúc tác. Phân lượng để cho người bịnh dùng tùy thuộc trường hợp. Nó có một tiềm năng khử độc và tái lập quân bình cho các tế bào. Hiệu quả đem lại vô cùng tốt đẹp, nhất là vì đã được đem thí nghiệm cho những người bệnh hiểm nghèo nhất một phương pháp tự liệu khác để trị những bịnh ung thư ở ngoài da do bà Battentier đưa ra. Bà xử dụng một cái máy cao lãnh (làm cho lạnh lại ở độ cao) nhằm « cô lập » cái bướu ra khỏi những tế bào mạnh, để làm cho biến đi mà không để lại một vết thẹo nào.

Phương pháp dùng bầu yếu tố của Ménétrice — môn đệ của nhà bác học Alexis Carrel, phương pháp lấy bệnh trị bệnh (homéopathie), phương pháp xử dụng từ tính đều đã đem lại những kết quả tốt đẹp trong sự chống lại bệnh hiểm nghèo này.

Vấn đề dinh dưỡng

Một trong những nguyên nhân chính yếu khiến cho bệnh ung thư phát triển, vì cơ thể người bệnh thiếu chất ma-nhê-si, theo lời giáo sư Delbet. Chất này có thể tìm rất nhiều nơi rau, trái, nhất là cải xanh và lúa mì đâm mộng.

Một chất cần thiết khác nữa là *chất đồng*, có nhiều nơi ngũ cốc, các trái cây có nhân, hạnh đào, măng tây, hạt dẻ, hành, ác-ti-sô, ngò tây. Những thứ này tốt hơn là nên ăn sống cũng như nên ăn những đồ tươi hơn là đồ đóng hộp. Những khói do các xưởng máy hay các loại xe có động cơ nhả ra cũng phải kể là những động lực tiếp tay cho hung thủ hoạt động mạnh.

Người ta không thể sống hết nơi đồng bái được, nhưng nếu có thể, ta nên đi « xả hơi » ngày cuối tuần ở miền quê, để thu hút không khí trong lành một chút.

Ngoài ra, phải nói đến thuốc lá cũng một tòng phạm nguy hiểm, có thể bớt, nếu chưa bỏ hẳn được, nhiều chừng nào hay chừng nấy.

Trong « lịch sử » những người hút thuốc, dường như ung thư chỉ « ngán » có mỗi một nhân vật; thấy mặt là thấy ngậm một cây xì gà gộc. Đó là chính trị gia Winston Churchill có lẽ nhờ lớp lịch thanh « độc đáo » của nhân vật « điển hình » này đã đóng kín trên cái lớp vách phổi chai cứng lại, nên ung thư không « đột kích » được chăng ?

Tóm lại, chữa bệnh không bằng phòng bệnh — và cách hay nhất để ngừa bệnh là biết dinh dưỡng bằng những thức ăn bổ dưỡng, ngon lành lại rẻ tiền đó là các loại rau trái đã kể đến ở trên.

Và, nếu sau mỗi lần ngã bệnh hoặc thỉnh thoảng đi khám nghiệm thử để luôn luôn « đề cao cảnh giác » trong việc theo dõi dấu chân hung thủ đáng sợ kia, ta có thể kịp thời đối phó bằng những dược liệu và phương pháp tự liệu tân tiến nhất.

— Từ nay phải chừa cái tính ăn cắp tiền đi nghe không !

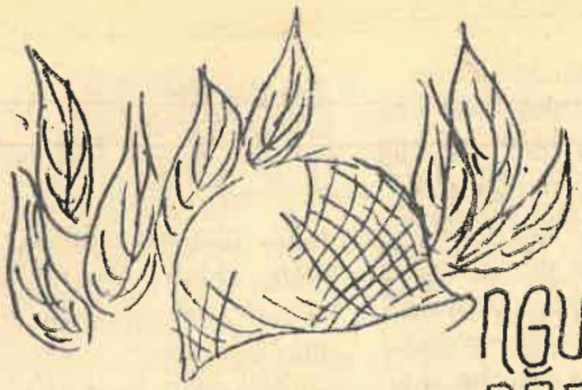

NGƯỜI BẠN NĂM XƯA

TRUYỆN NGẮN

✱ HOÀNG-THẮNG

NHÌN Văn oai nghiêm trong bộ chiến phục sáu túi, ba bông hoa mai vàng óng ánh ở cổ áo, bộ mặt nghiêm nghị, đôi mắt sáng long lanh yêu đời, da đen sạm, tôi đã ngần ngơ trong một khoảng thời gian ngắn. Thú thật tôi không nhớ Văn là ai cả, nếu không phải chính miệng anh thốt ra.

— Kìa Hoàng, cậu quên mình rồi sao ?

Tôi ấp úng nói :

— Xin lỗi... tôi.,, tôi không nhớ ông là ai.

Văn dơ tay lên trời :

— Trời đất ! Cậu không nhớ mình thiệt ư ? Ông... ông cái khỉ khô... Tớ là thằng Rát đây.

Có nhớ ra chưa ông nội ?

Trời đất ! Tôi đã nhớ ra rồi. Thằng Rát ! Thằng Rát Văn ! Đã bao năm rồi tôi không gặp lại Văn nên giờ đây tôi không nhận ra được người bạn thân cũng phải.

Tôi reo lên :

— Rát... à quên... Văn đấy ư ? Cậu thay đổi hoàn toàn nên mình không còn nhận ra được nữa. Hồi chúng mình mất liên

lạc với nhau, cậu...

Văn cười thích thú :

— Tớ nhỏ con, ốm yếu, gió nhẹ thổi cũng bay đi chứ gì ?

Tôi ngượng nghịu gật đầu.

Văn sắn tay áo để lộ những bắp thịt tay dắn chắc, cười nói :

— Cũng nhờ ở trong quân đội nên mình mới có tấm thân rắn chắc như đồng thế nầy, và cậu cũng nên nhớ dùm cho một điều này nữa nhé : chỉ với cậu mình mới nhắc lại chữ *rát* đấy nhé ! Đừng có tưởng bở hoài nghe không ?

Tôi lại thêm một lần nữa mắc cỡ vì những lời nói thẳng của thằng bạn cũ.

Quả thật Văn bây giờ không giống một chút nào Văn hồi nhỏ, khi quen với anh em tôi. Từ thể xác con người, tới điệu bộ, lời nói đã hoàn toàn khác hẳn. Văn đã là một con người khác. Và con người khác này là do nhờ ở trong quân đội, như chính Văn vừa nói.

Trong lúc tôi mải suy nghĩ thì Văn lên tiếng :

— À, còn anh Đông đâu ?

— Anh ấy bị kẹt lại ngoài Bắc ?

Văn chép miệng :

— Thế à ! Thật đáng tiếc. Nếu có anh Đông ở trong này để giờ đây được hàn huyên nói chuyện có khoái không ?

Tôi chợt như nhớ ra vội hỏi :

— Cậu làm thế nào mà biết được mình ở đây ?

Văn cười hì hì :

— Con nhà binh mà. Phải tháo vát chứ.

Đôi mắt Văn trở nên mơ màng :

— Sự thật mình cố ý tìm cậu đã lâu lắm rồi mà không làm sao biết được. Có lần nghe nói cậu sang Lào làm ăn.

Tôi ngắt lời :

— À, mình cũng có sang Lào và Thái-Lan nhưng chỉ có tính cách du lịch mà thôi.

Văn tiếp :

— Cũng vì nghe tin cậu sang Lào làm ăn nên mình mới không đi tìm nữa. Và mới hồi tối qua đây, mình vừa ở mặt trận về, bất ngờ gặp cô Hương... À cậu còn nhớ cô Hương ở cùng phố với bọn mình hồi trước không ?

Tôi gật đầu :

— Bây giờ đã có ba con rồi.

Văn cũng gật đầu :

— Đúng đó. Cô ta cũng bảo mình như thế. Và cũng chính Hương cho mình biết địa chỉ của cậu. Hương phê bình cậu nhiều chuyện lắm đấy.

Tôi băn khoăn vội hỏi :

— Chuyện gì thế? Lành không.

Văn cười :

— Đừng lo. Lành hay không thì Hương cũng chỉ là một cô bạn hàng xóm mà thôi.

Hương bảo cậu bê bối lắm. Tối nào cũng đi uống la de chẳng tối nào ở nhà cả. Nhiều khi cô ấy dắt các cháu tới thăm cậu thì chỉ thấy cửa đóng im ỉm. Lần nào cũng vậy, nhà bên cạnh đều nói : « mấy cậu ấy đi nhậu rồi ! »

Lại còn chuyện tình ái lằm cằm nữa. Sao không lấy đại một người nào đó mà cứ yêu ba lăng nhăng hoài vậy ?

Tôi gãi cằm đáp :

— Về chuyện Hương tới thăm hoài mà không gặp thì có thật. Cậu tính xem, buổi tối rảnh rỗi quá, chẳng biết làm gì thì đi uống cho qua thì giờ vậy thôi.

Còn chuyện lấy vợ thì mình thấy ngại quá sợ mất tự do này, sợ về vấn đề sinh sống này, rồi con cứ năm một ra đời thì có mà đói.

— Cậu nói thế đâu được. Giời sinh voi giời sinh cỏ chứ ! Nếu cậu cứ có ý nghĩ yểm thế như vậy thì tới năm nào cậu mới lấy vợ ?

Tôi pha trò :

— Khi nào trúng số một triệu.

Văn cười hô hố :

— Thôi ai can iu. Chờ như vậy thì còn khuya...

Tôi hỏi lại :

— Thế còn cậu ? Mấy nhỏ rồi?

Văn ngập ngừng :

— À... à, mình cũng chưa có vợ con gì cả.

Tôi cười hất hàm hỏi :

— Lúc nãy cậu trách tôi vậy với cậu thì cậu giải thích chuyện chưa vợ con với tôi ra sao ?

— Ồ với mình thì dễ ợt. Đời sống quân nhân nay đây mai đó, có phải thời bình đâu mà tính chuyện lấy vợ. Theo riêng mình nghĩ, những lúc như thế này sống độc thân thú lắm.

Tôi cười lớn :

— Thật là trí lớn gặp nhau. Vậy mà còn trách người ta.

Văn cũng cười :

— Trường hợp của cậu khác. Cậu là dân civil, cuộc sống gắn liền với đô thành lấy vợ là phải.

— Nhưng mình thấy lúc này sống độc thân khoái lắm.

Văn nhún vai :

— Mỗi người một ý thích mà. Nhưng mà thôi, dẹp chuyện vợ con ra một bên, chúng mình ra tiệm làm một mách tẩy trần đi.

— Ý kiến hay !

Ngồi bên ly rượu, mặc cho Văn ngồi tán gẫu một cô chiêu đãi, tôi liên tưởng tới những chuyện hồi xa xưa, tôi nghĩ tới hồi chúng tôi còn nhỏ, khu vực của chúng tôi ở.

Nghĩ tới Văn hồi nhỏ, tôi nhận ra ngay một cậu bé gầy và xanh xao mà chúng tôi tự đặt tên nó à thằng Rát.

Nhà nó ở bên cạnh nhà ông bà chúng tôi. Hằng năm, cứ độ hè về, sau vụ bãi trường là anh em chúng tôi lại thấy nó về đó ở và mỗi lần về là mỗi lần chúng tôi thấy nó lớn hơn trước nhưng vẫn gầy với nước da trắng xanh và đôi mắt nhút nhát như con gái

Rát thui thủi chơi một mình ở trong vườn. Nó hái hoa với dáng điệu rón rén và mỗi khi dứng áp má vào hàng rào sắt thì đôi mắt nó mơ màng. Khi nó nằm xem sách ở ghế xích đu thì phải có tấm mền đắp bụng.

Thỉnh thoảng một bóng người đàn bà hiện ra ở cửa lớn, dịu dàng gọi nó và trìu mến thoa đầu nó khi nó chạy lại.

Chúng tôi thường đáo qua cổng nhà thằng Rát, một biệt thự quét vôi màu xanh lạt với cái tên rất đẹp : biệt thự Thiên Hương. Anh tôi, hơn tôi ba tuổi, rất nghịch ngợm và « ác » nữa. Mười bốn tuổi, nhưng anh tôi đã to mập và đen như tượng đồng.

Có lẽ vì thấy nó rút rát quá, trái ngược với tính nết của mình nên anh tôi rất ác cảm với nó.

Vì thế nên thỉnh thoảng...

— Này Hoàng! Mày nhìn xem thằng Rát đang nhìn chúng mình. Có lẽ nó muốn gây chuyện với anh em mình chăng? Sang đánh nó đi, đánh đi...,

Thỉnh thoảng, khi chúng tôi tới sát hàng rào sắt chỗ thằng Rát chơi thì cũng vừa lúc mẹ nó đi tới, đôi mắt dịu dàng, người cũng gầy và trắng xanh như nó Bà mỉm cười hiền dịu nhìn chúng tôi. Thỉnh thoảng, vào những hôm trời mưa, chúng tôi thấy Rát ngồi nơi chiếc dương cầm trong phòng học, va tiếng nhạc vang mãi tới chỗ chúng tôi đứng, tiếng nhạc trong và êm nhẹ như những giọt nước mưa.

Có những buổi tối, chúng tôi nhìn thấy Rát áp má vào cửa kính, năm ngón tay đặt vào mặt kính, tỏa ra như những cánh hoa.

Chúng tôi luôn luôn theo dõi Rát như theo dõi một quân thù. Và một hôm, hách dịch như một ông tướng, anh tôi cho tôi hay sẽ có một cuộc đột kích biệt thự Thiên Hương.

— Ngày mai chúng mình sẽ dần thằng Rát một trận. Mày— anh tôi chỉ tôi — đi trước có nhiệm vụ ném đá...

Tôi cảm thấy đó là một hành động không tốt nên vội trả lời :

— Nhưng em thấy đó không phải là một trò chơi!

Anh tôi cau mày :

— Mày sợ ư ?

Sáng hôm sau, với hai túi áo đầy đá sỏi, chúng tôi lặng lẽ bò chung quanh biệt thự để tìm Rát. Tên « địch » này vẫn không biết có kẻ định hại mình, đang đi thong thả trong vườn, người càng xanh hơn trong bộ quần áo lính thủy mầu trắng.

Bông hồng lớn ở tay rớt xuống đất khi hòn sỏi đầu tiên trúng người nó. Rát ngước mắt nhìn ra hàng dậu sắt và nhìn thấy chúng tôi. Nó đứng sững sờ và tôi nhìn thấy sự sợ hãi hiện trên đôi mắt, trên làn da tái xanh, xanh như hàng giây leo bao quanh biệt thự.

Chợt anh tôi dúi vào tay tôi một hòn sỏi lớn :

— Ném đi nếu mày không hèn.

Tôi không hiểu rằng ma quỷ đã sui tôi ném hòn sỏi lớn đó hay là vì không muốn mang tiếng là hèn... Tôi nhắm mắt lại, một tiếng kêu lên. Mở mắt ra, tôi thấy Rát ngã ngồi ra đất. Mặt trắng bệch, một giòng máu chảy dài từ trán xuống cằm.

Sợ hãi, chúng tôi vội chạy trốn như những kẻ sát nhân đã gây ra một vụ án mạng.

Nửa tháng trôi qua chúng tôi không thấy thằng Rát. Chúng tôi luôn luôn ngó sang nhà nó để chờ đợi một sự mới lạ. Chúng tôi không dám nói với bất cứ một ai câu chuyện vừa qua. Mỗi lần thấy « đội xếp » đi qua nhà là quả tim chúng tôi lại đập thình thịch tưởng có thể vỡ lồng ngực được. Anh tôi cũng không nô đùa nữa. Riêng tôi, đêm đêm nằm ngủ chỉ mơ thấy Rát chết, trán thủng một miếng lớn, hoặc có khi đánh tôi, chửi mắng tôi.

Tôi hối hận quá, cơm không muốn ăn, người gầy dạc hẳn đi đến nỗi mẹ tôi lo sợ tưởng tôi bịnh nặng. Nhưng người có biết đâu là tôi đang bị lương tâm cắn rứt vì đã quá nghịch ác.

Ngày ngày tôi chỉ thơ thẩn ở vườn, mắt luôn luôn nhìn sang nhà Rát.

Cho tới một hôm tôi đã trông thấy Rát. Tự nhiên không chủ định, tôi chạy ù tới cổng sắt, mở cổng ra và lách vào. Rát vẫn bình thản không sợ hãi khi thấy tôi ào tới.

Khi đến nơi, tôi nắm chặt lấy tay Rát và nghẹn ngào. Nước mắt đầm đìa, tôi không dám nhìn Rát và Rát cũng im lặng, tay cũng nắm tay tôi.

Khi tôi ngẩng đầu lên tôi thấy Rát cười. Nụ cười cởi mở làm tôi yên tâm. Tôi nói :

— Tôi tưởng tôi đã giết cậu. Tôi sợ quá Rát ạ!

Thế là Rát cười ròn rã, tiếng cười ngay thẳng, vui vẻ, hồn nhiên như đã đánh tan hết mọi ưu phiền đã ám ảnh tôi từ bao hôm nay.

Rát lay tay tôi nói :

— Sao gọi tôi là Rát? Tên tôi là Văn cơ mà. Tôi có chết đâu, tôi bị bệnh sởi đấy. Này nhìn xem, trán tôi có sẹo đâu.

Tay Rát — chính là Văn — soa nhẹ trên trán đã nổi gợn lên một vết sẹo nhỏ.

Rát nói tiếp :

— Thôi đừng nói chuyện đó nữa. Hãy theo tôi, tôi dẫn đi xem vườn hoa thích hơn.

Và dọc theo những lùm cây Văn đã thủ thỉ cùng tôi. Tôi được biết cha Văn mất đã từ lâu và vì Văn yếu ớt nên mẹ Văn không cho đi chơi xa và luôn luôn săn sóc Văn.

— Mẹ tôi không lúc nào muốn rời tôi. Bà cụ tưởng tôi hãy còn bé lắm (!) nên coi tôi

như một con búp bê. Không cho tôi được đi chơi đâu một mình, bà bắt tôi chỉ được quanh quẩn ở nhà.

Lắm lúc nhìn sang bên nhà anh, thấy các anh vui chơi nô đùa tự do tôi thấy thèm quá.

Tôi nắm chặt lấy tay Văn rồi chạy nhanh về nhà. Văn không hiểu gì cả vội gọi với theo nhưng chỉ năm phút sau tôi đã trở sang cùng với anh tôi. Khi về nhà, tôi đã nói sơ qua chuyện của Văn cho anh tôi biết.

Sự thật anh tôi cũng hối hận lắm, nên khi được biết tôi đã làm quen với Văn và Văn không giận ghét gì mình, anh tôi liền bảo tôi dẫn sang.

Văn vui mừng ra mặt khi thấy anh em chúng tôi quay trở lại. Văn rối rít gọi mẹ và bữa đó chúng tôi được ăn bánh no nê.

Từ bữa đó, ba chúng tôi chơi với nhau rất thân. Thời gian cứ dần dần trôi. Chúng tôi lớn lên cùng năm tháng và xa nhau vì thời cuộc.

Và giờ đây, giữa Saigon rộng lớn tôi đã gặp lại Văn, một Văn to lớn khoẻ mạnh hiên ngang, oai hùng. Lẽ dĩ nhiên là hơn hẳn tôi rồi.

●

Tiếng cười lớn của Văn làm tôi giật mình. Văn, tay cầm tay cô gái miệng nói lớn :

— Xem đường tâm đạo của em tôi biết em được đắt giai lắm. Những dấu gạch ngang lu bù đây này. Chính tôi bây giờ cũng đang muốn dâng trái tim của tôi cho em đó.

Cô gái cười tít mắt, tay đấm thùm thụp vào lưng Văn.

Văn quay sang hỏi tôi :

— Từ này giờ ly của cậu vẫn còn đầy, tôi chắc cậu còn mải nghĩ tới chuyện đâu đâu chăng ?

Nghĩ tới em hả ?

Tôi gật đầu :

— Ừ !

— Ai đấy ! Có ngon không ?

Tôi chậm rãi đáp :

— Rát !

Đôi mí mắt Văn chớp nhanh, anh nói nhẹ :

— Cảm ơn Hoàng !

Cô chiêu đãi lắng tai nghe chuyện cũng lên tiếng :

— Cô gái nào mà lại có tên kỳ cục dzậy ? Rát ! Rát !

Cả Văn và tôi cùng cười. Cười rũ rượi. Cô gái chỉ biết ngồi im lặng, đôi mắt tròn ngạc nhiên...

● ★

kiếp phù dung

★ MẠC-LỆ-KIỀU

Sao nhung nhớ mãi từng đêm cấu xé
sao môi hồng còn trĩu nặng đau thương
em lang thang đếm lệ dưới mưa buồn
mùa trở lạnh cho ý sầu thêm đậm
những giấc mơ xưa, tủi hờn gặm nhấm
lũng tay gầy với ngón nhỏ cô đơn
vá víu yêu thương, dấu diếm chuyện buồn
mua kỷ niệm, bằng suốt đời lạnh vắng
trái chín tin yêu ủ nhiều xót đắng
trơ vơ hồn, hằn vết rạn con tim
tiếng khóc đêm đêm, rét mướt ân tình
làn tóc rối giết dần, thu lối mộng
từng bước anh đi, dặm ngàn lẻ bóng
áo thay màu, nguyện ước cũng phôi pha
gió núi, ngùi trông nhân dáng phai nhòa
và lặng lẽ chỉ mình em gục khóc
tha thiết quá, mùa Đông nào chợt giấc
gẫm sự buồn nghèn nghẹn mấy tâm tư
sao chia ly không đôi chữ tạ từ ?
hai khúc hát, một đoạn đầu chung ý
em, Kiếp Phù Dung, nẻo đời ngã quỵ
tả tơi rồi cánh mộng lứa xuân yêu
có trối trăn thêm trong ánh ráng chiều
buồn lịm tắt em về theo đất lạnh.

✯ TRỌNG-TẤU

✯ ✯ ✯

LA FAYETTE

o TÌNH-YÊU VỊ THÀNH-NIÊN CÔ 14 TUỔIVÀ CẬU 16 TUỔI LẬP GIA-ĐÌNH

NGÀY 11 tháng 4 năm 1774, tại thành phố Ba-Lê, người ta đã cử hành một lễ cưới «hai đứa bé con». Cô dâu là nàng Adrienne d'Ayen mới có 14 tuổi, và chú rể Gilbert-Paul de La Fayette khi ấy cũng vừa tròn 16 cái xuân.

Ở vào thời kỳ đó trai gái lấy vợ lấy chồng rất trễ, nên khi được chứng kiến đám cưới « đôi trẻ » này, mọi người đều cho là lạ lùng hi hữu. Thuở đó người ta quan niệm rằng đàn bà con gái tới ba mươi tuổi vẫn chưa gọi là già, và các nàng « tam thập » mới lập gia đình cũng chưa đến nỗi muộn. Vì thế nên mọi người đã bàn tán đến cái đám cưới của đôi uyên ương « non choẹt » này. Người ta nghĩ rằng tại vì đôi lứa ấy quá ham sống vội, nên mới tính chuyện xây dựng hấp tấp. Cũng có những kẻ khác e ngại cuộc tình duyên khó bền bỉ v.v...

Sau một năm lấy nhau, khi đó Adrienne 15 tuổi, nàng đã tỏ ra si mê chồng đến một mức độ vô tả. Lúc nào nàng cũng dính chặt bên chàng như sam, không rời ra lấy nửa bước. Nhưng rồi, có mối tình đẹp nào trên đời này là không điểm tô theo vài nét buồn đau,

chia ly hoặc nhớ thương?

Năm ấy, La Fayette 19 tuổi. Chàng đáp tàu đi Tân Thế Giới để bắt đầu một cuộc sống phiêu lưu, và cũng khởi sự từ đó tiến lần lên con đường danh vọng để trở thành một vĩ nhân thời đại.

Bị lôi cuốn bởi giấc mộng độc lập của Mỹ-quốc, và sau này bởi những sự biến động của một nền chính trị — mà chính nó đã tạo chàng thành Đại-tướng La Fayette — người con trai mới lấy vợ, luôn luôn vắng mặt trong gia đình. Adrienne cứ phải sống trong cảnh vọng phu, hy vọng ngày trở về tái ngộ của người chồng trẻ. Mỗi khi La Fayette trở về với những chiến công rực rỡ, Adrienne lại càng cảm thấy yêu chồng như điên như dại. Nàng muốn ngất xỉu đi khi người bạn đường, trong nếp áo chỉnh tề, bước chân tới ngưỡng cửa gia đình. Lắm khi, trước tình yêu say mê nồng cháy của mình, người vợ trẻ đột nhiên thấy mình gần như là lỗ bịch. Mỗi lúc nghĩ tới mối tình phu phụ, nàng lại mắc cở đến đỏ mặt, và có lẽ đỏ cả từ đầu tới chân. Tuy nhiên, trước mối tình cuồng si đó, nàng vẫn tránh tất cả mọi cử chỉ có thể làm phiền lòng người mà nàng tôn sùng như một thần tượng. Sau này, chính La Fayette cũng phải nhìn nhận sự thực ấy :

— Mặc dầu nàng mong mỏi lúc nào cũng được dính liền bên tôi, mặc dầu nàng yêu tôi với một mối tình cuồng si tột độ, nàng vẫn không hề tỏ ra khó tính hay ghen tuông hoặc giận hờn tôi bao giờ...

● Adrienne xin được ở tù chung với chồng

Hồi khủng-bố-thời-Đại (1) khởi đầu La Fayette đã bị phóng lưu và rơi vào tay người Áo. Ông bị giam giữ tại đồn Mỹ Olmutz. Adrienne tính đi theo chồng và muốn được ở trong ngục thất với người bạn đường muôn thuở. Rủi thay, chính nàng cũng lại bị bọn quá khích bắt giam, và nhốt trong một ngục tối của họ. Mẹ nàng, chị nàng và bà nội nàng, nối tiếp nhau ngã gục một cách can đảm trên đoạn đầu đài của bọn quá khích. Riêng phần nàng, nhờ ngày 9 Thermidor (27-7-1794) cái ngày kết thúc một chế độ khủng bố, nên đã được trả tự do và thoát khỏi lưỡi dao tàn bạo của đao phủ thủ.

Vừa được tha ra, người vợ trẻ không may này đã vội vã lên

1) Một chế độ cách mạng đã đè nặng lên nước Pháp từ khi Hòa-Bình Dân Chính đảng (Girondins, một chính đảng trong cuộc cách mệnh Pháp) bị lật đổ ngày 31-5-1793, cho tới khi Robespierre bị hạ bệ, ngày 9 Thermidor, tức là 27-7-1794.

đường đi tìm chồng tại chốn ngục thất sầu thảm của nước Áo. Trên bước đường đi tới xứ người, nàng có dắt theo hai đứa con gái tên là Anastasie và Virginie.

Bị giam mình trong ngục tối, thân xác người anh hùng chiến sĩ bị tàn phá đến tiêu mòn. Trong phòng giam, trên một chiếc chõng tồi tàn ọp ẹp, người thanh niên bảnh trai và hiên ngang trước kia, giờ đây chỉ còn như một bộ xương với lớp da khô đét bọc bên ngoài. Chàng sống vô cùng khổ cực với những cuộc tấn công ngày đêm của chấy, rận, rệp. Mặc dầu vậy, đối với Adrienne, La Fayette vẫn là người đàn ông đẹp nhất đời nàng. Nàng rất sung sướng được vào ở trong nhà lao một lần nữa. Chế độ lao tù ở đây vô cùng hà khắc. Trong suốt thời gian tình nguyện ở tù, nàng đã phải ăn bốc. Tất cả các tù nhân đều bị ăn mặc rách rưới và dơ dáy như những kẻ ăn mày. Nàng đã có dịp tỏ bầy cảm tưởng trong tập ký ức như sau :

« Thật là cả một niềm hạnh phúc lớn lao cho tôi khi được phép vào ở tù chung với chồng tôi. May mắn thay, các con tôi cho đến nay vẫn chịu đựng nổi lối ăn uống thiếu vệ sinh ấy. »

Ông bà La Fayette và hai cô con gái đang ở trong ngục thất.

Vì sống thiếu vệ sinh, sức khỏe của nàng mỗi ngày một tệ hại. Cuối cùng, theo lệnh của chồng, nàng đã phải viết một bức thư kêu nài gửi lên cho ông Bộ-trưởng Chiến-tranh, trong đó có một đoạn như sau :

« Sức khỏe của tôi càng ngày càng suy yếu. Tôi trân trọng yêu cầu ông Bộ Trưởng cấp cho tôi một giấy phép cùng giấy thông hành để tới Vienne trị bịnh.

Chừng bầy tuần lễ sau thì nàng nhận được giấy trả lời : «Bà La Fayette được thông báo cho biết rằng bà được phép ra khỏi nhà tù với điều kiện là không bao giờ bà xin trở vô đó nữa.»

Adrienne mỉm cười đau đớn và trả lời rất dản dị :

— Nếu người ta ra giá theo kiểu đó thì tôi nhất định không nhận. Nghĩ đến chuyện phải xa lìa chồng, tôi cảm thấy rùng rợn quá !

★ Mình là người khó ai bì kịp

Nàng cương quyết ở lại trong tù với chồng. Tuy bị bịnh tật hành hạ đến cực độ, nhưng Adrienne vẫn tỏ vẻ sung sướng vô cùng. Nàng đã níu giữ được cho mình một gia sản quý báu nhất đời: Đó là nghĩa phu thê.

Sau khi gia đình nàng được trả tự do. Adrienne mang bịnh trầm trọng. Rồi từ khi đó, tình trạng sức hhỏe của nàng không còn tìm lại được sự sung mãn như xưa nữa.

Trong những ngày tàn của cuộc đời, Adrienne đã tìm thấy một niềm hạnh phúc vô biên mà nàng hằng ước mơ. Đôi vợ chồng này về cư ngụ tại La Grange, trong một ngôi nhà cách Ba Lê 14 dặm. La Fayette sống với gia đình và chuyên lo việc ruộng rẫy.

Những ngày ấy chính là những ngày tươi đẹp nhất đời họ. Họ đã có dịp ôn lại tất cả những dĩ vãng đau khổ xa xưa.

Nàng từng nói với chồng :

— Phải có một sức mạnh của Thượng Đế mới có thể tái tạo nổi được một cuộc hạnh phúc như thế này. Mình là người khó ai bì kịp.

Và nàng thường nhắc nhở như sau :

— Em thầm cám ơn Thượng Đế đã giúp em chịu đựng được tất cả mọi đau khổ trên đời, để luôn luôn được sống vì anh, sống với bổn phận của người vợ...

● Em là tất cả của anh

Cái chết của Adrienne là cả một bản tình ca tuyệt tác. Nàng nói :

— Em sung sướng quá ! Còn gì hạnh phúc hơn là được làm vợ anh ?

Khi cảm thấy mình không còn

Adrienne tức Bà La Fayette

sống nổi nữa, nàng cố dương to đôi mắt ngắm người nàng yêu lần cuối cùng :

— Anh có hài lòng vì em không ? Anh hãy chúc phúc cho em đi !

La Fayette cầu phúc cho vợ, đoạn cũng yêu cầu nàng làm lễ giáng phúc cho mình. Đây là một chuyện hiếm có và khá dị thường vì trong Cựu Chế, chỉ có người chủ gia đình mới có quyền làm lễ giáng phúc cho những người thân mà thôi.

Adrienne cầu phúc cho chồng với một vẻ mặt dịu hiền vô tả, đoạn nàng nắm tay chàng đưa lên mắt mình, trong ý muốn nói là nàng dành cho chàng cái đặc quyền vuốt mắt mình lần chót. La Fayette không cầm nổi nước mắt, chàng đã bật khóc lên nức nở. Những tiếng nấc ấy đã kéo Adrienne ra khỏi thế giới hư vô, vì chính lúc đó nàng đã mê loạn rồi. Adrienne cố lắp bắp :

— Có thật không ? Có phải anh đã yêu em thực sự không ? Ôi, Em sung sướng quá ! Anh hôn em đi !

Nàng cố thu tàn lực đưa tay lên choàng qua cổ chồng, đoạn thì thào:

— Em là tất cả của anh !

Đó là những tiếng nói cuối cùng của nàng.

Trong một bức thư viết cho Latour Maubourg, người bạn chí thiết của chàng, La Fayette đã thú nhận :

— Tôi không còn muốn ngóc cổ dậy nữa. Tôi chỉ muốn ôm lấy nàng mãi mãi...

Sau khi Adrienne chết, La Fayette sống thêm 27 năm nữa. Ngày ngày chàng tự nhốt mình trong phòng để chiêm ngưỡng bức chân dung người vợ xấu số. Trong khi hấp hối, chàng vẫn còn giữ trên tay miếng mề đay trong có hình ảnh và mớ tóc của người vợ hiền.

● ✱

✱ **MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH**

BẠN đã hết buồn chưa, hay nỗi buồn của chúng ta, (những đứa con của người mẹ đang bị đánh đập) hết làm sao được. Chúng ta chỉ có thể hết buồn ngày nào mà người dân Việt được thở lần không khí thoải mái, tai không nghe tiếng súng, mắt không phải nhìn những cảnh tang tóc đao binh.

Bạn cũng như tôi, hết buồn làm sao được, mọi người đều sống trong cái tình trạng « Wait and see » (Đợi xem) thật là dễ ghét, đợi cái gì và xem cái gì bạn nhỉ ? Lắm người hỏi, Minh Đức ngu thế, về làm gì, đi đâu cũng chẳng được, ở nhà thì mỗi tuần có một ngày chủ nhật mà rồi cứ bị hết « đảo chính », đến biểu tình, đến đưa đám v.v... Muốn tung tăng ra dạo phố cũng ngập ngừng. Nhưng ai bảo ngu thì xin chịu, chứ được sống và chứng kiến những năm tháng lịch sử như thế này dầu sao cũng cứ thích. Mặc dầu buồn... con người thật là phức tạp bạn nhỉ.

Mấy hôm nay Minh-Đức của bạn đang chạy tìm nhà, suýt nữa phải nhờ đến bạn. May có một người đã chịu mua nhà cho Minh Đức thuê rồi, bạn có mừng giùm không ? Ngày nào có nhà mới, Minh-Đức sẽ mời bạn đến và tha hồ cho chúng ta vụn. Chắc bạn sẽ chế riễu sao từ độ về đây mới có mấy tháng mà nghe đi tìm nhà hoài, chỉ vì ở đâu cũng chưa yên.

Về đây bạn quá nên nhận được

không biết bao nhiêu thư của các bạn mà đành khất vậy. Ngày nào chúng ta gặp nhau, quả đất tròn mà bạn, và Saigon bé xíu, miền Nam chỉ có một Saigon, thế nào chúng ta chẳng gặp nhau. Ngày nào gặp Minh-Đức sẽ chắp tay lên xá lỗi bạn, và thấy cái mặt của Minh-Đức thế nào bạn cũng tha ngay (sẽ cố làm cho thảm thương). Chỉ xin bạn cứ tin rằng trong lúc vụn với bạn là vì nghĩ đến bạn, thật mà, bạn tin đi.

Lắm bạn còn hỏi sao Minh-Đức không đăng thơ. Có lẽ vì cuộc sống thúc đẩy, nôm na mà nói thì thơ đối với người dân Việt nó rẻ quá, ai cũng sản xuất được thơ. Mỗi người dân Việt là mỗi người thi sĩ.

Vừa có một đứa con tinh thần của Minh-Đức ra đời, tên là Mơ. Biết rằng nhà phát hành rất sợ thơ nhưng cũng đành cho ra vậy, chẳng lẽ lại làm sao bây giờ.

Phải thú thật rằng về Saigon khó viết ra thơ. Một bà bạn làm báo, phàn nàn có nhiều người khó tính lắm, gửi báo biếu mà báo mất, họ viết thư về cằn nhằn — «Mình gửi đã 3, 4 năm liền, tại sao thiếu một số họ không ra mua ở sập báo cạnh nhà giùm đi». Đấy hẳn cũng vì cái tính lười, chứ chẳng phải họ tiếc gì 10 đồng bạc. Bạn có thấy thế không, hay là bạn cũng đồng ý rằng mọi người đều thích đọc báo biếu. Lắm nhà văn nhà thơ gầy tóp vì văn chương toàn bán ký-lô cả.

Đã mách thì mách cho luôn, Minh-Đức còn có một ông bạn dự định làm tờ báo Xuân mà muốn khổ báo phải thật to, trù rằng nếu không bán được văn thì bán giấy cho người ta gói đồ. Thật đáng thương cho nhà văn ở xứ ta ? Minh-Đức đã tìm ra lý do vì sao thơ khó bán, chắc văn cũng thế, người nào cũng có thể trở nên văn sĩ một cách rất dễ dàng và vì cái quan niệm vợ người thì đẹp văn mình thì hay nên không cần đọc văn người khác.

Lỗi tại người xứ ta tài hoa quá chăng ? Hay bạn có một lời giải nào khác. Nhà báo gào lên những câu « Người có lương tâm không mướn báo », còn nhà văn thì nói gì bây giờ.

Hôm qua gặp một cô phát ngôn viên, cô Phượng ở đài phát thanh, cô nàng bảo ngay : « Chỉ vụn với Minh-Đức trước khi đi ngủ » và nàng muốn Minh-Đức cắt tóc ngay nhưng Minh-Đức trót hẹn là đến 15 tháng..., vì ngày ấy mẹ sinh ra.

Con chó của Minh-Đức lớn rồi,

nó đã bớt mong manh hơn trước nữa, đố bạn biết tại sao Minh-Đức nuôi chó. Chẳng phải để dắt nó lên thiên đàng như trong cổ văn Ấn-độ đâu, bạn có biết chuyện ông vua Yudhisthira khi đưa vợ và các em lên núi Himâlaya và núi Meru không. Đi giữa đường mọi người đều chết, ông vua còn sống đến cửa nhà trời nhưng cửa không mở vì có con chó. Yudhisthira cằn nhằn bảo rằng : « Thế thì thôi, đừng bắt tôi vào, vì tôi không thể xa lìa một sinh vật mà tôi đã thương ».

Thật là siêu nhân, người thường như chúng ta chưa lên đến trời đã đá cho con chó một cái văng đâu mất. Bạn có tin rằng mình có thể từ chối được cảnh thiên đàng vì con chó không được vào chăng ?

Nói lăng nhăng lại bị rầy, có người bảo Minh-Đức đi đây đi đó nhiều mà sao ít ngạc nnhiên. Những kẻ ấy chắc ngày họ ra ngoại quốc họ sẽ ngồi suốt ngày để ngạc nhiên. Thế mà về quê hương có rất nhiều sự làm cho Minh Đức ngạc nhiên, ngạc nhiên đến khờ cả người. Nhưng thôi, ngày nào gặp nhau chúng ta sẽ vụn riêng.

Hôm nọ đưa chú Thề con trai lớn của BS. Anh-Tuấn sang Pháp, thường lệ ở Paris tôi hay lên Orly chơi để bớt buồn, nghe tiếng máy bay, tiếng cô chiêu đãi viên báo giờ máy bay đi hay đến. Những thứ ấy nó hay gợi cho mình cái ý lên đường. Thế mà, khoe với bạn, hôm nọ lên sân bay, nghe đủ thứ âm thanh, lòng mình vẫn chẳng thấy thèm đi tí nào cả. Mới về có mấy tháng Minh-Đức còn muốn ở, ở cho đến bao giờ thấy lòng bạn lạnh ngắt, mỗi tâm hồn như mỗi nấm mộ, lúc ấy sẽ lại làm va-li.

Có bạn bảo Minh-Đức đưa ngày, tháng, giờ để bạn chấm cho một lá số tử vi xem sao gì chiếu mệnh mà ngốc thế và bao giờ chết. Minh-Đức đang đợi hỏi lại ông anh vì không biết rõ, ngày nào bạn Hải chấm xong số Minh-Đức sẽ khoe với bạn xem có hay không. Chúng ta sẽ xúm lại hành hạ một bữa, bắt ông ấy chấm cho tất cả các bạn của Minh Đức.

Ngày nào rời quê hương. Kỳ nầy Minh-Đức của bạn định đi đường bộ không thèm đi máy bay mà cũng chẳng đi tàu thủy. Nhưng hình như muốn đưa một chiếc xe ra khỏi nước phải có rất nhiều điều kiện.

Bạn có muốn quá giang không ? Thật là bán da gấu bạn nhỉ, vì

xe mới « còm-măng » đến tháng hai năm 1965 mới có, mà bây giờ đã đòi cho bạn quá giang. Hơn nữa, đi chung với Minh-Đức bạn chịu sao nổi, con mèo kêu, con chó sũa điếc tai bạn ngay. Chưa kể là rận chó, rận mèo sẽ nhảy vào áo bạn và bạn sẽ thù Minh-Đức từ kiếp nầy sang kiếp khác.

Kỳ nầy nghỉ lễ mấy ngày mà ai nghỉ đâu chứ Minh-Đức của bạn vẫn phải cong lưng viết. Sáng dậy sớm viết, tối thức khuya, viết. Suốt ngày nếu không đi ra Tòa báo hay đi mua sách thì cũng viết Mách cho bạn thương, muốn có hôm nào rồi đi mua hàng về may một bộ áo dài mà mãi không tìm ra cái quãng thì giờ rỗi ấy. Thì giờ nó đi đâu mất ấy bạn nhỉ, thế mà bảo làm sao chúng ta có thì giờ để gặp nhau, để vụn với nhau.

Về đây gặp nhiều, nghe nhiều, thấy nhiều, hình như con người cũng dâm ra trần tục Năm xưa, mỗi khi nhận thấy đầy tai đầy mắt quá, đố bạn biết tôi phải làm gì ? Nếu gặp mùa đông thì tìm đến những vùng núi có nhiều tuyết phủ, ở độ vài ngày là bớt. Mỗi sáng, bạn thử tưởng tượng mình mặc áo ấm, mở cửa sổ phòng trọ đứng hướng mặt ra phía núi. Mầu trắng của tuyết chỉ ở những nơi nầy mới còn nguyên vẹn, còn tinh khiết, còn giữ cái sắc xanh trong. Trời vẫn vắng mà vì dưới 0 độ nên tuyết không tan. Ta có thể ngồi hằng giờ, tai sẽ khỏi bị quấy rầy vì những thứ âm thanh trần tục. Vào mùa không còn tuyết thì đi kiếm những vùng hẻ lạnh, những vùng ấy ít người đến, mình chỉ việc mang va-li xuống ở vài ngày. Buổi sáng sớm mở cửa nhìn ánh nắng chiếu xuống bể.

Về đây chưa đi đâu, mặc dầu biết rằng quê hương ta rất quyến rũ, có đủ thứ cho người say mê, biết làm sao bây giờ, đành tìm đến những quyển sách, nhưng đấy cũng chưa chắc đã làm mình bớt trần tục.

Làm sao, người ngoại quốc đến đây họ có một điểm ưu tiên là không hiểu tiếng ta, khỏi nghe những câu chửi ầm ỉ của trẻ con mỗi lần ra chơi đùa với nhau ngoài đường. Có bao giờ bạn lắng nghe, chắc không nước nào mà tiếng nói của trẻ con được tự do như thế. Đừng bảo rằng chúng nó chẳng có bố mẹ, và cũng đừng bảo vì chúng nghèo nàn quá. Sự giáo dục có là một sự xa xỉ không bạn nhỉ. Hay tại trẻ con nghe bố mẹ ở nhà cũng nói mỗi câu đệm một chữ chửi như vậy. Bạn

có cách gì cứu giúp cho cái tai của chúng ta hay bạn cũng đành chịu như tôi.

Mấy hôm nay trời mưa nhiều, trời quên nghĩ đến những người đi gánh nước thuê. Làm trời kể cũng khó đấy chứ, có phải chỉ việc đêm đêm ngồi nhìn nước nầy nước khác lên đèn mà thôi đâu.

Có một nghề rất dễ làm giàu, bạn có muốn Minh-Đức chỉ cho không, chẳng phải mua vé số như nhiều người khác vẫn làm đâu. Nghề mở nhà cầm đồ, nhưng không phải cầm đồ nữ trang hay máy ảnh, cây đàn. Ở đây bạn chỉ cầm cái Lương-Tâm của con người, bạn cứ thử sẽ thấy mỗi ngày khách ra vào nhộn nhịp và bạn sẽ giàu.

Thế nào cũng có người kêu Minh-Đức ăn rồi nói bậy. Hết kiểm duyệt rồi mà, tha hồ nói chứ bạn. Chỉ xin bạn đừng nghĩ nhầm rằng Minh-Đức mới về nước có mấy tháng mà đã nghe phàn nàn, không phải đâu, chúng ta vụn với nhau đấy thôi. Có kẻ bảo Minh-Đức về đây sướng như con cá bơi trong nước, thế mới biết rằng ai có quê hương nấy chứ.

Vừa đọc một đoạn văn rất hay, nhớ đến bạn, chắc kỳ nầy hay kỳ sau phải đăng lên Phổ-Thông cho bạn cùng đọc. Đấy khôn ; là quý nhau đó sao.

Kỳ nầy Trung-Thu không có trăng, bạn chắc cũng buồn như tôi, kể bạn nghe có một năm tôi đi ngắm trung thu ở Ý, nhưng ngắm nhầm, ngày 14 mà tưởng rằm, tức ghê. Hôm ấy trăng đỏ như máu, giống hệt một quả bóng đỏ ai đá lên trời chứ chẳng có vẻ gì là mặt trăng cả. Thế mà Minh-Đức cũng cố nhìn để tỏ ra không vong quốc, ngày mai lại nghe bảo chưa phải rằm, xấu hổ lạ.

Bạn có thích uống trà ướp sen không. Mỗi lần đến nhà bà Phát được uống thứ trà đó, ngon ghê. Thảo nào ông ấy viết ra văn. Mấy ông bà ăng-lê làm tàng, đi đâu mang trà mang ấm, có người còn mang luôn cả nước lạnh để đun trà uống cho khỏi mất mùi vị, mà thứ trà của họ đỏ ngầu chứ có ngon lành gì đâu. Cho họ uống một lần trà mạn sen của xứ ta chắc về nhà họ sẽ đập hết ấm chén.

Ngày nào Minh-Đức dọn nhà rồi sẽ đi mua trà ấy pha mời bạn uống, tha hồ chúng ta vụn bên nhau. Hẹn bạn kỳ sau.

niềm mong mỏi cuối cùng

Con phố không đèn con phố ngủ
Hàng cây không gió hàng cây rầu
Tôi chẳng còn em tôi vẫn nhớ
Hoàng ơi, trời phương em nơi đâu...

Tôi đi đầu cúi tay bưng mắt
Ngày xuân thôi có kẻ lên lầu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Đời đã không là riêng của nhau.

Xứ sở vô tình tôi chạy trốn
Trời ơi khanh tướng với công hầu
Nhìn tay chẳng biết còn bao ngón
Kỷ niệm vừa cho đủ xót nhau.

Tôi ngủ quên vòng vây tuổi nhỏ
Giấc mơ buồn đẹp đến muôn đời
Mai này tôi chết tôi xin được
Làm con tàu đưa em ra khơi...

✱ **LÂM-VỊ-THỦY**
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

TRUYỆN NGOẠI QUỐC

QUẢ TIM SẮT ĐÁ

✱ Vạn-Năng dịch

MẪU chuyện tôi sắp kể các bạn nghe đây, tuy có vẻ hoang đường, nhưng không xa thực-tế. Có thể nó là một bài học xử-thế cho bất-cứ những ai khi may mắn đắc thời đắc vị mà không tự kiềm điểm bản thân, và không cần nghĩ đến NGÀY MAI !

Xưa kia, giữa một thời đế quốc La-mã đang thạnh hành, có ông Mễ Sa (Méchard) là người có tiếng NGHIÊM-KHẮC nhưng VÔ-TƯ hơn hết. Phàm những lúc thi hành nhiệm vụ, ông chỉ biết có Phép Công, không để cho Tình Cảm xen vào phá rối việc của ông. Bởi thế, trong thời ấy, khi nói đến ông Mễ Sa, người ta chỉ thấy có Nguyên Tắc và Luật Lệ ; chớ không thấy có Nhân Đạo và Khoan Hồng !

Lúc ông còn làm Chưởng lý tại thành La mã, ông có dâng lên nhà vua một bộ luật, được nhà vua chấp thuận và ban hành. Trong đó tuy có nhiều chi tiết linh tinh ; nhưng chung qui chỉ gồm vào hai điều tổng quát :

— Một là *lưu đày chung thân* những người Khinh tội.
— Hai là *kết án tử hình* tất cả những kẻ Trọng tội !

Các thứ vi phạm được liệt vào loại Án Nhẹ là : cờ bạc, say rượu, ăn cắp vặt, lượm của rơi ngoài đường, ăn mày, vô nghề nghiệp, bội tín, mãi dâm, nói dối, vô lễ với người trên v.v...

Ngoài ra, bất cứ một vi phạm nào khác (không trùng với các tội kể trên) đều bị liệt vào loại Án Nặng.

Và để chứng tỏ mình là chính thực vô tư, ngay sau khi được ấn vua cất chức lên địa vị Thượng thơ bộ Hình, ông Mễ Sa đã không ngần ngại thi hành ba án lịnh đầu tiên đáng được người đời ghi nhớ mãi, là :

1)— Chặt đầu ông Chú ruột về tội oa trữ đồ gian !

2)— Treo cổ người em Út về tội đào ngũ !

3)— Lưu đày đứa con duy nhứt về tội yêu cô gái láng giềng mà không trình ông hay trước !

Ngoài ba vụ kể trên, ông còn kế tiếp không biết bao cách trừng phạt ghê hồn khác. Tính bổ đồng mỗi ngày ông lên án tử hình không dưới 50 người. Và số tội nhơn bị ông lưu đày lên những chốn rừng thiêng nước độc không có ngày về như con trai ông, kể có hàng vạn trong mỗi tháng !

Ông Phúc Sơn vốn bạn đồng liêu, và bà Lệ-thi vợ ông đã từng khuyên ông : nên nới tay cho kẻ phạm được nhờ, vì biết đâu trong các vụ do ông xét xử lại chẳng có kẻ bị hàm oan, hoặc vô tình lầm lỡ ?

Nhưng ông Mễ-Sa bất-chấp, ông hành-động theo lương-tâm ông, ông không cần nghe ai tất cả, cho dầu những lời khuyến-cáo đó có lý-do chính đáng đến đâu !

Khi sự bực mình đã đến tột độ, một hôm bà Lệ-thi đã phải có thái-độ cương-quyết đối với ông. Trước hết bà nói :

— Con người sống giữa xã-hội cũng như con cá sống dưới đầm-ao. Cá không nước là cá sẽ chết, con người mà thiếu Tình-cảm thì đời sống sẽ khô-khan vô-vị, và có khi nó chỉ là hậu-quả gây mầm cho Tội-ác mà thôi !

Ông Mễ-Sa nghiêm giọng trả lời :

— Nhân-danh Đại-diện cho thần Công-lý, tôi xin nói rõ để bà xác-nhận lần nữa về sự quan-trọng của người hành-luật : nhiệm-vụ của tôi là phải Nghiêm-trừng tội-ác để Bảo-vệ An-ninh Công-cộng. Nghĩa

là tôi chỉ có bổn-phận diệt-trừ kẻ phạm ; chớ không có quyền buông-tha hay dung-dưỡng những kẻ bất-lương !

— Nhưng kết-quả việc làm của ông, ông thấy thế nào, ông có biết chưa ?

— Có chứ ! mỗi ngày tôi đã trừ được biết bao kẻ phạm, bà không thấy à ?

— Tôi đã Nghe và Thấy quá nhiều, số người phạm tội đã không thấy giảm ; ngày lại tăng thêm gấp bội ! Nhờ chính-sách hà-khắc của ông mà Nhà Tù của đế quốc La Mã hiện nay được nhiều hơn Trường học, đó là kết quả việc làm của ông ! — Tôi tưởng ông nên thay đổi thái-độ là hơn ?

— Được rồi ! để rồi tôi sẽ thay đổi thái-độ...

- Chẳng hay ông thay đổi thế nào đó vậy ?

Ông Mễ-Sa từ từ giải thích :

— Từ trước, tôi còn phân loại để được tiện bề cho các cuộc xét xử : phàm kẻ nào phạm vào Trọng-tội mới Bị lên án Tử - hình, kẻ nào phạm vào Khinh tội thì được lưu-đày chung-thân. Có lẽ vì sự quá dễ-dãi và quí khoan-hồng ấy của tôi mà thiên-hạ đã xem thường kỷ-luật, nên hầu hết các trại giam bây giờ đều chật ních, không còn có đủ chỗ để mà lưu-trữ bọn người ngoan-cố nữa ! Trước sự-kiện oái-oăm này, buộc lòng tôi phải áp-dụng một biện-pháp khác thích-nghi và chắc chắn sẽ hiệu-quả hơn... là từ nay trở đi : bất cứ kẻ nào phạm pháp là phải lên đoạn-đầu-đài tất cả, khỏi cần phải phân-biệt là khinh tội hay trọng tội gì nữa !

Bà Lệ-Thi đâm hoảng kêu lên :

— Ôi ! nếu cứ đà này mà tiến, tôi e rồi đây cả dân-tộc La-mã sẽ không còn một người nào có thể sống sót được với bàn tay khắc-nghiệt của ông !

Ông Mễ-Sa đã không ngần-ngại trả lời :

— Thà không sống sót một người nào, hơn là còn một người mà người đó phạm tội !

Bà Lệ-Thi tuy đã quá chán, song cũng còn cố-gắng khuyên chồng :

— Sống NGÀY NAY, ông nên nghĩ đến NGÀY MAI. Đừng quá chủ-quan như những kẻ : được hồi nào vuốt mặt hồi ấy ông ạ ! Kiếp

sống của con người chẳng qua như một canh bạc khi được khi thua, có chắc gì đâu ! Trong lúc đắc-thời đắc-vị, ông may-mắn được có chút quyền trong tay, sao ông chẳng chịu thi-ân cho đời nhắc-nhở ? Nó có hay-ho tốt đẹp gì những cái sát-phạt, giết-chóc mà ông mải cứ mê-thích đeo-đuổi, rồi biết đâu một ngày mai kia, rủi ra sơ-hở chuyện gì, từ trên chiếc ghế ba chân, ông bị xô nhào xuống hố, khi đó còn ăn làm sao và nói làm sao với người thiên-hạ ?

Ông Mễ-Sa cười nhích môi :

— Việc làm của tôi luôn-luôn sẵn có lý-do, ấy là Nguyên-Tắc và Luật-Lệ, thiên hạ sẽ không viện được lẽ gì phàn-nàn tôi được !

— Nhưng ông có dám quả-quyết rằng bao-nhiêu vụ án đã bị đem ra xét-xử theo bộ hình-luật đặc biệt của ông có tránh khỏi những điều nhầm-lẫn hay không ?

— Đó là luật-lệ thì không bao-giờ có sự nhầm-lẫn. Vả lại, người cầm luật cũng không hề có cố-ý kết án oan cho người vô-tội. Nhỡ ra, nếu có người bị kết án oan, theo tôi nghĩ : Mười Vụ Án Oan vẫn chưa quan-trọng bằng Bỏ Sót Một Kẻ Phạm được thong-thả ngoài vòng pháp luật !

Bà Lệ-Thi lắc đầu than dài :

— Thật là một câu bất-hủ đáng được người đời ghi-nhớ ! Chất óc của ông quả là chất óc kỳ-thị đối với các lớp nạn-nhơn xấu số, ông coi họ đồng loạt như-bọn kẻ thù, tất cả đều đáng bị bỏ rơi, không một ai đáng được cứu-vớt, nên ông mới thốt được những lời như thế ! Ông Mễ-Sa ơi ! trong khi ông chăm-chăm nhìn về một phía, mà ông quên khảo-sát toàn-diện ! Bọn người phạm-pháp do đâu mà có, ông có biết không ? Nào có phải đó là cầm-thú hay cỏ-cây như ông đã nghĩ ! Không, không ! họ vốn xuất-phát từ các từng lớp xã hội, từ vua tới quan và từ quan tới dân, chưa chắc mấy ai hoàn-toàn trong sạch tránh khỏi lỗi lầm, trong đó có khi là bạn-bè thân-thuộc hoặc chính bản-thân ta nữa. Xã-hội La-mã chúng ta hiện giờ có thể chia làm hai hạng : một hạng Đã và Đang ở tù, một hạng Chưa và Sắp bị ở tù ! Hạng đang bị tù vì rủi-ro, vụng-dại, không bề-thế để chạy án được; hạng chưa bị tù hoặc bị tù nhờ có thế-thần và khéo che-đậy. Trong số tội-nhơn tương-lai ấy, biết đâu chẳng có tên ông !

Ông Mễ-Sa vẫn chưa chịu lép :

— Nếu sau nầy chẳng may tôi có phạm tội, tôi cũng không tha-

thứ cho tôi đâu bà ạ ! Chính-sách nghiêm-trừng của tôi chỉ nhằm mục-đích xây dựng một xã hội hoàn-toàn lành-mạnh. Nghĩa là tôi không muốn có một người nào phạm tội nhuốc-nhơ trong khối dân La-mã.

— Nhưng ông quyên rằng : con người là con Người chớ không phải là Thánh đâu nhé ! Vả lại, từ lúc sơ sinh *con người vốn đã dính liền với tội-lỗi kia mà* !

— Pháp-luật không bắt buộc nhà cầm luật phải quan-tâm điều đó, mà chỉ cần căn cứ vào hành-động của kẻ phạm tội để định-đoạt cách trừng-phạt thế nào cho thích-đáng thôi.

— Đành vậy rồi ! Nhưng ngoài luật-lệ cần còn có tình-cảm, bởi tình-cảm là điều-kiện then-chốt cho mọi cách xử-sự ở đời. Chẳng hạn như : khi Vui nghĩ đến cơn Buồn, lúc No nghĩ đến khi Đói. Lúc có Quyền, ta nên thi ơn bố đức cho mọi người được hưởng nhờ, không nên gây chuyện khủng khiếp làm cho thiên-hạ phải đau thương tang-tóc. Nghĩa là khi ta có Địa-vị, ta chỉ nên biểu-lộ đức-độ Bác-ái Khoan-hồng, chớ không nên có những thái-độ Oai-quyền Hách-dịch. Đây là tôi muốn nói bên cạnh sự Nghiêm-Trừng, ta cần có lượng Khoan-dung để « *dung hòa* » những mối bất-đồng giữa tình đồng-loại. Nếu không, ông chỉ là một tên đao-phủ chuyên việc giết người, không biết thương-hại là gì. Luật nhơn-gian thường có sai lầm ; chớ luật Trời không bao giờ có sai sót được. Ông nên bình tâm suy-luận kỹ đi !

Ông Mễ-Sa đã chẳng động tâm, lại còn nở một nụ cười ngạo-nghễ :

— Hay quá ! bà giảng cho tôi nghe một bài học xử-thế thật là cao-kỳ tuyệt-diệu ! Nhưng may ra nó chỉ có thể lung-lạc được các ông thầy dòng, hoặc các nhà sư ăn chay niệm Phật ! Còn tôi, thì tôi rất tiếc bài học quí giá của bà sao nó lại kiêng-kỵ thế nào mà chẳng chịu chui vào tai tôi !

Câu chuyện đến đây, bà Lệ-Thi không còn đủ kiên-nhẫn chịu-đựng được trước thái-độ tàn-nhẫn của đức ông chồng, khiến bà phải thốt lên một câu dứt-khoát :

— Nếu vậy, kể từ phút nầy ông có thể coi tôi như một khách qua đường và cũng như ông không thể là chồng tôi nữa. Nghĩa là tôi không thể chung sống với một con người khô-khan sắt-đá chỉ

có Tham-vọng và Khắc-nghiệt, mà chẳng chút Lòng Nhân và T... cảm như ông !

Ông Mễ-Sa lạnh-lùng đáp :

— Tôi không có gì cần phải điều-chỉnh các việc mà tôi đã làm, cũng như tôi không hề luyến-tiếc một người đàn-bà ngược giòng lý-tưởng như bà ! Tôi chỉ biết Hành-động theo Lương-tâm và ý-chí tôi thôi !

Bà Mễ-Sa trả lại một câu thích-đáng :

— Phải rồi ! chỉ có cái thứ lương-tâm khắc-nghiệt của ông nó mới phù-hợp với những việc làm phi-nhân phi-nghĩa của ông, chớ sao !

Nói đoạn, bà Mễ-Sa vội-vã ra đi, đi tìm một lối thoát bằng cách gieo mình xuống hồ tự-tử. Nhưng cái chết của bà đã không giác-ngộ được ông ; trái lại việc làm của ông từ đó có phần căng - thẳng hơn nhiều !

Cũng trong ngày ấy, tại nhà ông Phúc-Sơn có cuộc hội - nghị tay ba, gồm có : Lữ-Tống chủ hiệu kim-hoàn lớn nhất thủ-đô, Phan-sĩ-Măn là tên quân hầu của ông Mễ-Sa và chủ nhà là ông Phúc-Sơn. Ngoài ba nhân-vật đó, không ai được biết cuộc hội-đàm bí-mật ấy họ bàn tán những gì !

Rồi thì dưới bóng mặt trời mọi việc đều cứ lặng lẽ trôi qua, cho đến một ngày kia...

Viên ngọc kim cương của ông Mễ Sa để dẫn giấy tại bàn viết của ông bỗng nhiên biến mất ! Ông Mễ Sa nghi quyết cho Phan sĩ Măn đã đánh cắp vật quí của ông, vì đã hơn một lần, khi ông mới mua viên ngọc ấy về, hắn đã không ngớt trầm trồ ca ngợi về màu sắc long lanh chiếu ngời của viên ngọc ấy !

Tức thì nơi ăn chốn ở của Phan sĩ Măn bị lục xét không sót một đường tơ kẽ tóc nào. Đồng thời tất cả bà con nội ngoại hai bên bị đòi hỏi tra tấn đủ thứ cực hình.

Sau cùng, ông Mễ Sa truyền lịnh mổ bụng Phan sĩ Măn, vì ông nghĩ rằng có lẽ hắn đã nuốt vào bụng để phi tan và tiện thể cất kín trong đó khỏi sợ tiết lộ. Nhưng vẫn không tìm thấy viên ngọc.

Qua ngày hôm sau, tại giữa sân chầu trước sự hiện diện của ông Mễ Sa, ông Phúc Sơn nói lên một câu nảy lửa :

— Tâu Hoàng thượng, thần đã phạm phải một tội đáng bêu đầu...

Vua ngạc nhiên hỏi :

— Khanh phạm tội chi ?

— Thưa tội ăn cắp viên ngọc của quan Hình bộ...

Cả triều thần ngơ ngác nhìn nhau. Vua lắc đầu tỏ vẻ hoài nghi :

— Có lý nào ! ta không tin được ! Một viên cận thần đáng mến của ta làm chi có một hành động bỉ ổi như thế ! Vả lại, theo lời của quan Hình bộ, chừng như ông ấy đã tìm lại được viên ngọc từ ngày hôm qua kia mà !

— Thưa không ! tên lính hầu của ông Mễ Sa hoàn toàn vô tội ; kẻ trộm viên ngọc của quan bộ Hình chính là ngu thần đây vậy !

Vừa nói, ông Phúc Sơn vừa móc ra viên ngọc trình lên vua xem giữa lúc mặt mày ông Mễ Sa tái ngắt không còn chút máu. Nhà vua đưa mắt nhìn ông Mễ Sa đầy sự hoang mang. Nhưng ông Mễ Sa không nhận :

Tâu hoàng thượng, có lẽ ông Phúc Sơn đã đến hồi loạn óc hay sao ấy ! Vì viên ngọc của thần bị đánh cắp, thần đã tìm lại được từ trong dạ dày của Phan sĩ Măn kia rồi mà !

Vừa dứt lời, ông Mễ Sa liền bị ông Phúc Sơn điềm mặt :

— Ông Mễ Sa, có phải vì sợ mang tiếng giết người vô tội mà ông không đủ can đảm nhìn viên ngọc nầy là vật sở hữu của ông ? Nhưng thôi được ! trong phút chốc nữa đây, bệ hạ và cả triều thần sẽ có dịp xác nhận về giá trị con người của ông Mễ Sa !

Nói đoạn, ông Phúc Sơn đề nghị cho đòi Lữ Tống chủ hiệu kim hoàn đến để đối chất. Một chập sau Lữ Tống đã đến, vua liền phán hỏi :

— Lữ Tống ! người cứ công tâm mà nói, viên ngọc nầy nhà ngươi đã bán cho ai ?

Chủ hiệu kim hoàn hai tay tiếp lấy, vừa nhìn qua y trả lời :

— Tâu trình bệ hạ, đây là viên ngọc của hiệu tôi đã bán cho quan Hình bộ cách nay mươi hôm với giá hai nghìn đồng vàng, có giấy tờ sổ sách hẳn hoi.

Bao nhiêu cặp mắt đều dồn về một phía, nhà vua quắc mắt nhìn lão Mễ Sa :

— Thế này là nghĩa gì vậy hở ông Hình bộ ? Ông đã giết

người một cách rất oan, hôm nay còn toan dối gạt tới ta và cả triều thần nữa à ?

Ông Mễ Sa tái mặt, nhà vua nói tiếp :

— Ta trao quyền hành pháp cho ngươi, cốt là để trừ gian giệt nịnh, chớ ta có bảo ngươi giết người vô tội bao giờ đâu ! Từ ngày ngươi nhậm chức, những vụ án bừa bãi như thế nầy đã bao nhiêu vạn lần rồi ?

Ông Mễ Sa điếng người không thốt được, ông Phúc Sơn thay lời :

— Có lẽ con số ấy nó dài thường thượt, nên ông Mễ Sa không sao thanh toán nổi trong giờ phút nghiêm trọng này !

Rồi ông quay lại nói với ông Mễ Sa :

— Mặt nạ của ông đã rơi rồi đó, cuộc đời xoay vần có vay có trả, hôm nay đã tới lượt ông ! Tôi tưởng ông cũng có thừa can đảm mà chấp nhận một cuộc hành quyết ghê tợn mà từ trước ông đã quen làm.... ?

Nhà vua lại nhấn mạnh thêm :

— Mễ Sa ! tội ngươi đã đáng, ngươi còn dẫn đo nghĩ ngợi gì nữa ? Hãy tự xử đi cho ta xem, đừng đợi ta truyền lịnh.... !

Mãi đến bấy giờ lão Mễ Sa mới nói lên được một câu sám hối :

— Hỡi Trời ! trong khi tôi mãi cứ chăm-chăm vạch lá tìm sâu để buộc tội và hành tội kẻ kia người nọ, thì chính tôi lại chất chứa dẫy đầy tội ác, thế mà tôi có ngờ đâu ! Thật tôi là kẻ không đáng sống !

Nói đoạn ông Mễ-Sa rút gươm tự-tử.

Liền trong khi đó, ông Phúc-Sơn đứng lên giải-thích vì sao có cuộc hội-nghị tay ba tại tư dinh ông từ mấy tuần trước. Khiến cả triều thần và nhà vua đều thông cảm được việc làm rất dụng-ý của ông, vua bèn chỉ định ông thay thế ông Mễ-Sa để cởi mở tất cả những gì mà ông Mễ-Sa đã trói buộc vào dân La-Mã.

Và đồng thời một tượng đồng cũng được dựng lên giữa thành La-mã để tượng trưng cho vị thần Bác-ái tức Phan-sĩ-Măn đã hy sinh một cách anh dũng để cứu dân La-mã thoát cơn ác mộng !

● ✶

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

ĐIỀN TỬ PHƯƠNG

✶ Thiếu-Sơn

Ngụy-hầu là người biết chiêu-hiền đãi sĩ nên đã qui-tụ được nhiều nhân tài. Nhưng trong số quần - thần ông chú-ý tới một người mà ông kính-trọng hơn hết. Người đó là Điền-Tử - Phương. Điền - Tử-Phương có cái đặc-biệt hơn người là ông khinh-thường phú-quí mà không sợ nghèo-hèn. Cảm tình tri-ngộ ông về làm quan với Ngụy-Hầu nhưng ông sẵn-sàng rút lui bất cứ lúc nào nếu người ta không cần tới ông nữa. Ông khinh-bỉ những kẻ kiêu-căng ngạo mạn bất chấp họ ở địa-vị nào, dầu là hạng con vua, cháu chúa ông cũng không coi ra gì cả.

Sau khi Nhạc-Dương đã chinh-phục được nước Trung-Sơn, Ngụy-Hầu liền nghĩ tới việc phải có người thân-tín gởi qua trấn-thủ thuộc-địa mới nầy. Ông bèn phong cho con ông là Thế-Tử Kích làm Trung-Sơn-quân để cai-trị nước Trung Sơn. Ngày Thế-Tử ra đi vừa gặp Điền-Tử Phương ngồi trên một cái xe cũ đi tới.

Thế-Tử vội-vàng xuống xe, vòng tay đứng ở bên đường. Xe Điền-Tử Phương chạy ngang qua

mà người ngồi trên xe làm bộ giả lơ không thèm ngó lại. Thế-Tử bất-bình khiến người ngăn xe Tử--Phương lại rồi đến trước hỏi rằng :

— Tôi xin hỏi ngươi : giàu sang hay khinh người, hay nghèo hèn hay khinh người ?

Tử-Phương cười rồi nói :

— Từ xưa tới nay chỉ có người nghèo hèn mới kiêu với người được. Quốc quân kiêu thì xã-tắc không đứng vững. Đại-phu kiêu thì tôn-miếu không bảo-toàn. Sở-Linh-Vương vì kiêu nên mất nước. Trí-Bá vì kiêu nên hại nhà. Vậy thì giàu sang không nên ỷ-thị là rõ rồi. Còn như những người nghèo hèn chẳng qua ăn rau, mặc áo vải, không cầu lụy ai, thông tham muốn của đời gặp khúa có lòng chiêu hiền đãi-sĩ thì vui mà đi tới, nếu tương đắc chì cũng gắng ở lại, không thì cứ đi tự-do, nào ai cấm đặng ? Cho nên Vua Võ-Vương giết được vua Trụ mà không khuất được Bá-Di và Thúc-Tề. Thế mới biết nghèo hèn là quí vậy.

Thế Tử Kích nghe Điền Tử Phương nói hết lời, có bộ hổ ngươi, tạ lỗi rồi đi thẳng. Ngụy-hầu nghe Điền-Tử Phương không chịu khuất Thế-Tử lại càng kính-trọng hơn nữa

Chuyện Điền-Tử Phương chỉ có thế mà thôi, trong truyện không chép gì thêm nữa. Nhưng chỉ có thế mà thôi cũng đủ cho ta một bài học quí giá.

Trước hết thái-độ của ông ta là một thái-độ khiêu-khích, thiếu lịch sự và thiếu cả xã-giao.

Phải chi Thế-Tử Kích chọc tức ông trước thì ông mới có cớ đề phản-công. Đằng nầy Thế-Tử đã xuống xe, vòng tay bên đường tỏ vẻ cung-kính, sao ông nỡ ngoảnh mặt ngó lơ và làm cho người ta mắc cỡ. Vì chạm tự-ái nên Thế-Tử Kích mới hỏi gay gắt Điền-Tử Phương. Sang với hèn ai có quyền khinh người? Hỏi như thế chứng tỏ rằng ông vẫn không quên mình là con vua và sẽ thay thế cho nhà vua trên ngai vàng. Cao sang như thế mới có quyền khinh người, chứ nghèo hèn như nhà ngươi được

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Vua cha nâng đỡ đâu có quyền khinh người ?

Ông muốn làm cho Tử-Phương phải xấu-hổ về nguồn gốc của mình được người ta đưa lên địa-vị cao sang, sao không biết điều mà lại còn làm phách.

Thái-độ đó đã làm mất hết giá-trị của thái-độ lúc xuống xe, vòng tay trước mặt họ Điền và tố-cáo sự giả-dối của ông. Ông không cho rằng có Điền-Tử-Phương ở Triều Ngụy là một danh-dự cho vua cha và tăng thêm uy-tín cho xứ sở. Ông chỉ nghĩ rằng Ngụy-hầu đã đem một thằng nghèo đói lên địa-vị cao-sang, nó là kẻ phải nhớ ơn mãi mãi và không bao giờ được hợm mình và kiêu-hãnh. Có lẽ đã biết rõ tâm-lý của Thế-Tử nên họ Điền mới chọc giận ông ta để lột mặt nạ khiêm cung lễ-nhượng chỉ có ở hình thức mà không có ở tâm hồn. Nhờ đó mà ông phơi bầy hết tâm-thuật để nhơn đó mà cho ông một bài học chua cay.

Bài học đó thấm-thía, lắm bổ ích. Vua mà khinh người thì mất nước, quan mà khinh người hư việc Triều-đình. Thế thường thì bọn vua quan hầu hết là bọn người khinh bạc. Họ mị dân nhiều hơn là họ thương dân. Và dầu họ có thương dân chăng nữa thì cũng chỉ vì họ muốn chinh phục lòng dân để người ta hết lòng với họ chứ không phải họ thương dân vì dân là chủ của nước, vì dân đã hy-sinh cho nước rất nhiều và họ chỉ là những người công-bộc của dân như quan niệm của ta ngày nay.

Điền-Tử-Phương là một người cao sĩ không thích vinh hoa, không ham phú-quí, không sợ đói, không sợ nghèo, cảm tình tri-kỷ của Ngụy-hầu mà phải có mặt ở Triều-Đình nhà Ngụy. Nhưng ông thừa biết từ Ngụy-hầu sắp xuống hầu hết là những kẻ lợi-danh. Họ đã có quyền thế và sang giàu tới tột-đỉnh họ cần có tiếng tăm là biết đãi-sĩ, chiêu hiền. Ông thọ hưởng chẳng bao nhiêu nhưng ông gây uy-tín cho họ nhiều lắm. Người dân trong nước thấy có ông nên tin-tưởng. Lân-quốc thấy có ông mà kính-trọng.

Tôi liên tưởng tới chuyện thực

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

dân Pháp sau khi cướp được nước ta đã vất-vả nhiều lần tới năn-nỉ cụ Đồ-Chiểu lánh giùm một số tiền trợ-cấp hoặc lên Saigon để chúng trả đất lại cho ông.

Cụ Đồ lúc đó bỏ đất lìa nhà thêm mù lòa bịnh tật. Cụ xuống dạy học ở Ba Tri và sống nghèo, sống khổ để ủng hộ bằng uy-tín cuộc kháng-chiến của nhân-dân hồi đó.

Vì thế mà cụ đã từ-chối tất cả những ân-huệ của giặc để nêu cao tiết tháo của giới sĩ-phu và để giữ vững tinh thần bất hợp tác của dân-tộc chống xâm-lăng.

Cụ nói với viên chủ tỉnh Beutre xuống Ba-tri thăm cụ : « *Đất của Vua còn mất, sá gì đất của tôi.* »

Thái độ của cụ, lời nói của cụ đã ghi vào lịch-sử và minh-họa ý-kiến của Điền-Tử Phương trên đây. Chỉ có những người như Bá-Di, Thúc-Tề mới có quyền kiêu-ngạo chứ bọn cao sang quyền-quí hễ kiêu-ngạo thì sẽ dễ mất cả quyền-quí lẫn cao-sang. Vì tất cả cái gì họ có đều do sự đóng góp và công-phu của người khác. Người ta không đóng góp nữa, không phụng-sự nữa cơ-nghiệp của họ đều sụp-đổ tiêu-tùng.

Còn người nghèo thì có gì đâu mà sợ mất, họ có lợi-dụng ai đâu, có bóc-lột ai đâu mà sợ người ta chống lại ?

Nhưng họ đi ngược dòng thế-tục, họ đã hy-sinh rất nhiều mới giữ được tư-cách của mình.

Không phải ai cũng có thể làm được như Bá-Di, Thúc-Tề vì rau vì đắng lắm và vì con người còn thích ăn ngon, mặc đẹp, thích bơ, sữa và dollar. Hơn nữa những cái đó còn giúp cho người ta được lên mặt lên mày với thiên hạ.

Lội nước ngược dòng nhiều khi bứt hơi, không chịu nổi nên biết bao nhiêu người thả trôi theo dòng nước và rồi cũng bị lôi cuốn vào những cạm-bẫy lợi danh để mang tiếng với lịch-sử.

Những người giàu sang nếu nghĩ tới nguồn gốc giàu sang của mình càng không nên khinh người.

Nhưng nghèo hèn mà khinh người cũng chưa hẳn đáng khuyến khích.

Vì người nghèo cũng có cái vốn tinh-thần cần phải giữ là đức hy-sinh là lòng liêm-khiết, là tinh-thần bất-khuất đối với quyền-thế và giàu-sang. Nếu ỷ mình trong sạch mà khinh người thì còn đâu là giá-trị. Biết bao người nghèo đói như mình, mình có quyền gì khinh họ ?

Có khinh là chỉ nên khinh bọn trọc-phú; bọn hiếu-danh, bọn hoạt-đầu chính-trị, bọn đế-quốc thực-dân và những tay sai nô-bộc của chúng.

Ở Thư-viện Vạn-Hạnh của sinh-viên Phật-tử có câu đối như sau :

Ăn được rẻ rau làm nổi thế-gian muôn việc khó,
Uống cùng nước suối ngắm xem thiên-hạ mấy người hiền.

● ★

✱ HAY QUÊN

Trên đường Lê Lợi, một thương gia đang đi, gặp một ông lão ăn xin chìa tay ra, nói :

— Ông làm phước cho tôi 1 đồng.

Thương gia móc túi lấy ra 1 đồng cho ông lão.

Đi quanh quanh một hồi đến đường Lê-Thánh-Tôn, thương gia lại gặp ông lão ăn xin và lão lại chìa tay ra :

— Ông làm phước cho tôi một đồng.

Thương gia ngạc nhiên :

— Tôi vừa cho ông hồi nãy đó.

Ông lão vội vàng nói :

— Ủa quên, xin lỗi ông.

Nói xong, ông lão móc trong túi ra một viên phấn đỏ, gạch một chữ thập vào bụng thương gia vừa nói : xin lỗi, làm vầy cho dễ nhớ.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

ý - thức
truyền thống trong

VĂN - HÓA DÂN - TỘC

★ Nguyễn văn Đậu

Vai trò hệ trọng của Văn-Hóa đã được Lão- Tử diễn tả qua câu nói : « *Làm thầy thuốc mà lầm thì giết một người, làm chính trị mà lầm thì giết một nước, làm văn-hóa mà lầm thì giết muôn đời* ».

Chính bởi cái sự chi phối một cách vừa thâm trầm vừa mãnh liệt của Văn-Hóa đối với cuộc sống, mà Văn-Hóa được coi là một hiện-tượng có địa vị ưu thắng trong đời sống tinh-thần của nhân loại.

Một cuộc cách-mạng, có thể cải-tạo cuộc sống của người dân, nhưng nếu không ý thức vai trò Văn-Hóa trong công cuộc kiến-tạo thì cuộc cải tạo đó chỉ có tính cách giai-đoạn. Đọc lịch-sử Cách-Mạng Pháp 1789, hay Cách-Mạng Tân-Hợi ở Trung-Hoa, không ai không nhận thấy, chính Văn-Hóa đóng vai trò hướng dẫn cách-mạng, rồi sau đó đóng vai trò củng cố cách-mạng và kiến-tạo xã-hội.

Chúng tôi muốn, nhân ở đây bàn về khía cạnh ý-thức truyền thống văn-hóa.

Lịch-sử Việt-Nam là lịch-sử của chiến-tranh và của bị-trị. Những thời kỳ độc-lập tự chủ mà đời sống của nhân-dân không bị đảo lộn, rất ngắn ngủi : Từ nhà Đinh (968-980), nhà Tiền Lê (981-1009), đến nhà Lý (1010-1225). Từ 968 đến 1225, 257 năm — không là bao nhiêu. Và đối với ngày nay, đó chỉ còn là một vang bóng. Trước 939, Việt Nam lệ thuộc Trung-Hoa. Sau đó, nhà Trần với cuộc xâm lăng của quân nhà Nguyên (1282), nhà Hồ với cuộc xâm lăng của quân Minh (1407), đều là những sự kiện có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với văn-hóa dân-tộc, nhất là chúng ta hiểu chính-sách văn-hóa mà nhà Minh đã áp dụng khi chiếm được Đại-Việt. Cuối đời Hậu-Lê, những triều đại suy yếu dần, rồi xuất-hiện mối tương tranh Trịnh Nguyễn (1558), cuộc khởi nghĩa của Tây-Sơn (1773) đều là những hoàn cảnh làm cho đời sống tinh-thần bị xáo trộn. Tiếp tới tiếng súng của người Tây-phương bắn vào Đà Nẵng (1858), mở đầu cho một giai đoạn lịch sự đen tối nhất của ta, nền văn hóa cổ cựu của Đại-Việt bị lung lay trước sự xâm nhập cuồng nhiệt của tinh thần văn hóa Tây phương.

Sự thực, ý thức văn hóa truyền thống được nêu lên, chính là do tình trạng hỗn loạn của các hoàn cảnh lịch sử như thế. Trong cuộc sống hàng ngày, ý hướng chúng muốn xa lìa những tinh thần cố hữu của dân tộc được thể hiện mỗi ngày một rõ rệt. Những thành công rực rỡ của khoa học Tây-phương là một sự lôi cuốn đủ khiến người ta mờ mắt để phủ nhận tinh thần cố hữu trên kia, một sự phủ nhận khốc liệt và tàn bạo.

Cách đây hơn 30 năm, nhóm Tự Lực Văn-Đoàn đã tìm hiểu theo ý hướng phủ nhận đó. Hoàng-Đạo, một nhà nghị-luận, có tư tưởng mới và quá khích nhất nhóm, đã phát biểu trong *Mười điều tâm niệm : theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự (điều tâm niệm thứ nhất)*.

Tuy nhiên, lấy con mắt ngày nay mà nhìn những hành động đã đi vào lịch sử đó, không thể tránh được thiên lệch. Tự Lực Văn-Đoàn có vai trò lịch sử của nó. Ở vào thời kỳ đó, sự tranh đấu theo những quan niệm mới mẻ lại là cần thiết. Nhưng ta phải giới định phạm vi của nó trong một giai đoạn nhất định, và đừng cho giá trị của nó là vĩnh cữu. Chẳng hạn, ngày nay nếu còn có những chủ trương như Tự Lực Văn Đoàn, chắc chắn là ta không thể chấp thuận

Một điểm đáng chú ý ở đây, là cái tinh thần cực đoan thiếu linh động của Tự Lực Văn-Đoàn, mà ta có thể nhắc đến lời phê bình của Dương Quảng Hàm, trong *Việt Nam văn học sử yếu* : *Phái ấy, vì có thành kiến sẵn, nên chỉ trông thấy điều hay, thành ra trong sự mô tả, phán đoán có phần thiên lệch.*

Đối với Tự Lực Văn-Đoàn, điều đáng trách là sự tạo nên một ý thức sai lầm trong sự *nhìn* văn hóa.

Tự Lực Văn-Đoàn, cho đến nay, tinh thần thực tiễn của Tây phương như dồn đuổi cái tinh thần có phần kém thực tiễn Á Đông khỏi đầu óc đa số dân chúng. Giờ đây, ta chỉ còn nhìn thấy ánh đèn sáng chói nơi những lục địa xa xôi, hay những giấc mơ vượt từng không gian của hỏa tiễn. Tất nhiên, đây là những giấc mơ đẹp và cần thiết cho sự tiến bộ. Nhưng trong sự mơ ước tiến bộ đó, đừng quên rằng một sự mơ ước suông, một thái độ đua đòi, để đi tới chỗ coi rẻ chính truyền thống của mình, chỉ là một sự phản bội.

Tinh-thần ái quốc hẹp hòi và quá khích không có ở dân-tộc Việt-Nam. Tư tưởng quốc-gia cực đoan nhất mà ta thấy ở Lý-Thường-Kiệt qua hai câu thơ :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
(Nước Nam do vua nước Nam ở,
Rõ ràng đã được định ở sổ Trời),

lại là quan niệm tất yếu trong hoàn-cảnh tướng họ Lý này. Tinh-thần bao dung và khéo dung hòa là tinh-thần cố hữu của dân-tộc. Chẳng thế mà suốt trong bao thế hệ, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo đã sống chung với nhau, đã tạo nên một tình-trạng tốt đẹp cho Văn-hóa dân-tộc với những nét đặc trưng của nó. Tinh thần *tam giáo đồng qui* đó trở nên đồng-hóa với tinh-thần *dân-tộc*.

Chẳng phải ngày xưa, mà ngay bây giờ nữa, tinh thần bao dung và dung hòa cũng được thể hiện qua tình-trạng sinh-hoạt các tôn-giáo mỗi ngày mỗi trở nên phức tạp. Vì thế tinh thần *tam giáo đồng qui* xưa chỉ có nghĩa rằng tất cả mọi thứ giáo lý, dù khác nhau ở hình-thức, rồi thì cũng phải gặp nhau ở một điểm cuối cùng. Và trong hoàn cảnh phức tạp, ta có thể dùng những danh-từ tam giáo đồng qui, tứ giáo đồng qui, ngũ giáo đồng qui, lục giáo đồng qui v.v...

Cho nên, sự nhắc nhở đến vấn-đề truyền thống không phải là vì đã nghe theo tiếng gọi của một thứ tâm-hồn hẹp hòi ích kỷ.

Đối với một quốc-gia nhược tiểu, bất cứ một lực-lượng ngoại lai nào cũng có thể là một sự đe dọa. Kinh-nghiệm lịch-sử đã dạy rằng chỉ có sự phấn-đấu mới sống còn. Nhưng phấn-đấu đây là một thứ phấn-đấu có lý tưởng, có mục-đích với một thái-độ vô-tư khách-quan trong ý-niệm quốc-gia. Nếu chúng ta còn công nhận tinh thần quốc-gia, còn cho rằng tinh-thần đó còn là một thứ khí giới để tự vệ, thì chúng ta chưa thể gạt bỏ được ý niệm truyền thống. Bao lâu ta còn hiểu được rằng chủ-nghĩa đại-đồng theo chủ trương của Cộng-sản chỉ là một hình-thức thôn tính đối với các quốc-gia tiểu nhược, thì ta cũng chưa thể gạt bỏ được ý niệm bản sắc đặc thù của mỗi giống dân mà trong tư tưởng cũng như trong thực-tế, là một điều hiển nhiên.

Vậy thì, vấn đề truyền thống phải được quan niệm như một hiện hữu tất yếu, và cụ thể hóa trong ý-niệm nghĩa vụ. Tất nhiên truyền thống, phải là một thứ truyền thống có ý thức.

★

Truyền thống nghĩa là nối tiếp. Sự nối tiếp kéo dài trong không-gian và thời-gian, mà môi giới là con người. Đó là một trong những điểm đặc sắc của văn hóa Đông-phương. Con người nhìn vũ trụ, một thực thể thiên nhiên, và coi nó rất gần gũi, gần gũi tới độ không muốn phân biệt *vật* với *tâm* để tạo nên những thực-thể mâu thuẫn nhau, chống đối nhau, đến nỗi phủ nhận nhau. Sự hòa hợp đó, chính là yếu-tố tạo nên niềm lạc quan trong tâm-hồn của những con người thuộc văn-minh Nông Nghiệp. Con người của nền văn minh Cơ khí, tất nhiên có một quan niệm về vũ trụ khác hẳn chúng ta. Hai nền văn minh được tạo nên do hai hoàn cảnh địa lý không giống nhau, thì không thể lầm lẫn với nhau được.

Nói như thế, không phải đã nghĩ rằng « *Đông là Đông mà Tây là Tây, Đông Tây không thể nào gặp nhau được* », như văn-hào Kipling nước Anh đã nói, mà muốn nói rằng khi sống, ta cần phải xác định theo đúng vị trí. Thế-giới ngày nay, với sự tiến-bộ của khoa-học, trở nên gần nhau. Và, tinh thần khoa-học mỗi ngày mỗi tăng tiến, có thể là đi tới chỗ độc tôn. Tinh-thần đó, vô tư, và vượt lên trên

mọi ý thức quốc-gia, không phân biệt biên giới nơi những giới tuyến được tạo nên do hoàn cảnh địa lý, chính-trị. Đến lúc đó, tinh thần Đại-Đồng đã được thực hiện — tất cả chỉ là một. Nhưng, thử hỏi đó có phải là ý hướng chung của tất cả mọi người không ? Hay chỉ là kết quả của sự sinh-hoạt tự nhiên ? Tuy thế, dù thế nào, mục đích cuối cùng mà tất cả ai nấy đều muốn đạt đến, đối với chúng ta ngày nay còn là chuyện xa vời. Trên con đường đi tới mục tiêu đó, con người không thể dùng cùng một phương tiện, như để đi từ nơi này tới nơi kia không thể ai cũng đi bằng máy bay hay xe hơi — mà sẽ có người đi tàu hỏa, tàu thủy, xe đạp, đi bộ... tùy theo hoàn cảnh của mỗi người.

Trường hợp của chúng ta cũng như vậy đó.

Tâm lý chung của con người là đứng núi này trông núi nọ. Hiện nay người Tây phương có tâm trạng hoảng hốt đang hướng về thế giới huyền diệu của Đông Phương. Thì thái độ hướng ngoại và chối từ nguồn lạc diệu của bản chất chúng ta, chỉ là một sự thả mồi bắt bóng mà thôi.

Việt Nam ở giữa hai khu vực văn-hóa vĩ đại : Ấn Độ và Trung Hoa. Tinh thần văn hóa Việt-Nam tất nhiên không thể không chịu ảnh hưởng hai khối văn hóa đó. Tuy nhiên với bản chất tự lập, người Việt Nam đón nhận những tinh thần đó, để đúc kết lại dựa trên căn bản của một nguồn gốc đã phát xuất nơi những hành động, nơi những khung cảnh thiên nhiên tú lệ, ở một thời xa xôi nào mà dấu vết còn để lại trên những chiếc trống đồng mà các nhà khảo cổ học đã đào được ở một vài địa điểm trên lãnh thổ Việt-Nam chừng ít chục năm nay. Người ta không thấy ở dân tộc Việt Nam cái tâm hồn quá thần bí như Ấn Độ, hay quá thực tiễn như của Trung Hoa. Người Việt Nam, dưới nhiều hình thức không bao giờ quên cái nghĩa vụ chống đối với bất cứ một lực lượng ngoại lai nào âm mưu đồng hóa. Chẳng hạn việc búi tóc chính là để muốn phân biệt với người Trung Hoa tết đuôi sam, việc nhuộm răng đen là để muốn phân biệt với người Trung Hoa răng trắng v.v... Khi đả kích những tục như thế, phải giải thích theo một khía cạnh khác, chứ không thể cho đó là những tục lệ hủ lậu được. Ta còn có thể tìm nhiều cá tính đặc thù khác nữa nơi những người bình dân. Những lực lượng ngoại lai khi đô hộ, đã

gieo rắc ảnh hưởng nơi những thành thị hơn là ở thôn quê. Người ở thành thị, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp qua sách vở, tiếp xúc nhiều hơn với những lực lượng ngoại lai đó. Người bình dân ở thôn quê ít học, và thường không đủ hoàn cảnh giao tiếp, cho nên còn giữ được bản chất của mình hơn. Vì thế, muốn đi tìm cái tinh thần truyền thống của dân tộc, phải là ở nơi nông dân mà đa-số chiếm tới hơn chín chục phần trăm.

★

Vào một buổi trưa hè nào, đi trong một vùng quê yên tịnh nghe nổi lên một giọng hát ru con. Tiếng hát êm đềm nhưng buồn buồn đó như khơi dậy trong ta cả một dĩ vãng đã được nuôi sống bằng những tình-cảm thiêng liêng và vĩnh-cửu. Sự xúc động trước âm thanh đó chính là sự cảm thông với hồn nước. Sự cảm thông đó thực giản dị đến có thể tưởng là vô nghĩa, nhưng kỳ thực đó là sự thể hiện cái tâm hồn truyền thống, mà trong những tháng ngày kế tiếp nhau nó vẫn sống động trong tiềm thức.

Lần theo những âm thanh như thế, để đi ngược giòng thời gian, cố tìm lại những hình ảnh của kỷ-niệm, ta có thể gặp lại được trạng-thái sống hồn nhiên của thủa ban sơ.

Tất cả những màu sắc *tình-cảm* đó, đối với người Việt-Nam quả là một yếu-tố quan-trọng trong việc tạo nên một ý thức thuần túy và không kém phần hùng hồn. Cho đến nay không ai còn có thể phủ nhận được những công-nghiệp hiển hách của các vị anh hùng liệt nữ. Vậy thì những gì đã thúc đẩy để có những sự-nghiệp đó ? Đó phải là sự tin-tưởng vào hình ảnh khởi thủy, vào nguồn gốc của dân-tộc. Cho nên bổn phận của ta không phải chỉ là kiêu hãnh với những sự nghiệp đó mà còn phải nuôi dưỡng và học hỏi cái truyền thống kiêu-hùng đó nữa.

Bản sắc *tình-cảm* đó là sản phẩm đặc trưng của xã-hội Nông-nghiệp Xã-hội nông-nghiệp với yếu tố tình-cảm, còn làm phát sinh ra những tính-chất, mà đối với dân tộc Việt-Nam đó là những tính-chất căn bản và thuần túy : *tâm hồn ưa hòa bình, tình yêu mến gia tộc quê hương*, và *tinh thần tôn cổ*.

Xét trong đời sống người bình-dân, ta không thấy những nguyên tắc phiền toái như ở nơi những người thành thị. Người bình-dân trong việc giao tiếp hàng ngày, dựa trên căn-bản *tình ý chí*, mà trải qua thời gian nó được coi như một định-luật tự nhiên. Ngày xưa, nước ta để điều hành nền trật-tự xã-hội, triều đình chỉ ban hành có hình luật, mà không có dân-luật để qui-định mối liên hệ giao tiếp của người dân với nhau như ngày nay (1). Xem như vậy, một đằng sống tin vào bản chất tốt của con người, một đằng sống trong sự nghi kị lẫn nhau, đâu hơn đâu kém tưởng chẳng còn phải luận bàn thêm nữa.

Chính trong cái căn bản tình-cảm trên mà tâm-hồn con người trở nên cao thượng. Những tư-tưởng *sống là phải tranh đấu*, là sản phẩm của phương tây. Người phương tây đứng trước vũ trụ bao la có phản ứng khác người phương Đông. Họ nảy sinh ra tư tưởng là phải tìm cách chế ngự thiên nhiên đó. Cho nên, cứ như vậy truyền lại, ý nghĩ đó ám ảnh tâm hồn người ta như một thứ mặc cảm, là hễ không chiến đấu ắt là chết. Khác với người phương Tây, con người phương Đông tìm cách hòa đồng cùng vũ trụ. Sự cảm thông đó đã làm nảy sinh ra thuyết *nhất nguyên luận* khác với thuyết *nhị nguyên luận* của người phương Tây. Tất nhiên, sự khác biệt đó còn là do ở hoàn cảnh lúc khởi thủy ; văn minh Á Đông phát xuất nơi những đồng bằng bình yên ; còn văn minh Âu Tây phát xuất ở Hy-Lạp La-Mã, nơi những bờ biển mà cuộc sống ngay từ phút đó đã phải chiến đấu với sóng biển bão bùng.

Tuy vậy, ta cũng phải nghĩ rằng : sự chiến đấu với thiên nhiên để sống còn là một yếu tố không thể không có. Nhưng coi chiến đấu là mục tiêu của cuộc sống thì chưa hẳn đã thỏa mãn được *nhu cầu* làm người của con người. Ý thức tranh giành chiến đấu từ khởi thủy với thời gian, nó như một thứ giây xích, hết chiến đấu với thù thì chiến đấu với đồng loại.

(*còn tiếp*)

1.— Khi người Pháp nắm quyền cai trị, họ đã soạn ra những bộ luật áp dụng cho mỗi địa phương ở Việt-Nam : Bộ luật áp dụng cho miền Nam gọi là Dân luật giản yếu (1883), Bộ luật áp dụng cho miền Bắc gọi là Dân luật Bắc-kỳ (1931), Bộ luật áp dụng cho miền Trung gọi là Dân luật Trung-kỳ (1936—1939)

sông thu

Trời vào thu cho sông đầy bóng nhớ,
Nước long lanh lặng chảy giữa bờ xưa,
Em đứng lại nhìn tình yêu thuở nhỏ,
Nghe rưng rưng từng kỷ niệm phai mờ.

Đời cũng buồn phải không anh ? Ảo tượng !
Tình vàng son mà cũng đến bơ vơ !
Tội riêng em có ai chung tiếng khóc !
Nhặt trong hồn từng kỷ niệm ngây thơ.

Vùng thương nhớ với trăm buồn ray rứt
Lời yêu xưa xin thầm hỏi lại người
Hẹn nhau chi cho em mong thêm tội !
Bên lề đời thả nhẹ tuổi vàng trôi.

Phải không anh, chỉ tại em mê đắm
Ảo tượng đời đem làm nghĩa tình yêu !
Giòng sông nhỏ mang bóng trời rực rỡ
Chiều lên mây sông trở lạnh đìu hiu !

Có bao giờ sống một lần xưa nữa ?
Sông mùa thu nước có chảy lại nguồn !
Em đứng nhìn tình yêu mình thuở nhỏ
Tự nhiên hồn chùng xuống nỗi bi thương :
Sống ở đời để dệt chuyện hoang đường

★ HOÀNG THỊ BÍCH NI

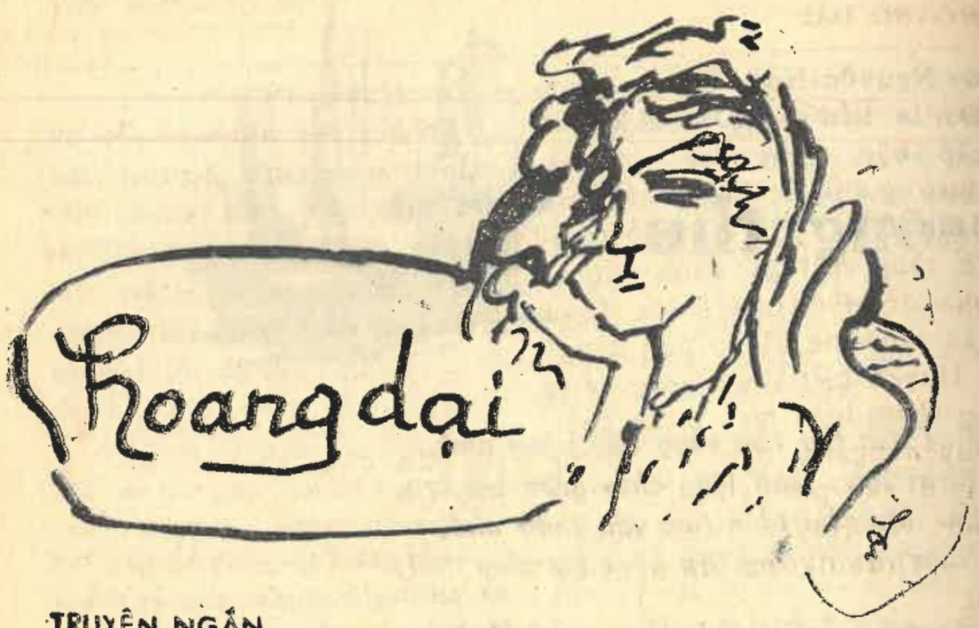

TRUYỆN NGẮN

★ Vương-kim-Liên

Bản nhạc « Tiễn đưa » vừa chấm dứt, Huyền gục đầu trên những phím đàn, u-buồn như luyến tiếc một cái gì xa xưa. Phải, Huyền đang nghĩ đến Hoan, người yêu của nàng. Tất cả đối với nàng không còn gì cả, tan vỡ. Huyền không hề biết gì về một điều bí mật ngầm ngầm của gia đình. Cho nên khi Hoan tình nguyện vào lính, không một lời từ biệt, nàng cho rằng Hoan phản bội. Hoan đi như chạy trốn Huyền vậy. Rồi một năm sau ở ngoài tiền tuyến điện tín báo cho nàng biết là Hoan đã tử nạn trong trận đánh oanh liệt với Việt-Cộng. Nàng tin. Nàng đau khổ.

Nhưng tất cả đã đảo lộn hẳn lại. Một hôm nàng đến nhà cô bạn chơi, vô tình cầm cuốn báo « Văn-nghệ chiến-sĩ » lật từng trang coi hình. Nàng suýt hét to lên, tấm hình chụp rõ ràng Hoan đang nghiêm chỉnh cho vị Đại tá gắn «lon» trung úy. Đúng rồi, dưới tấm hình đề tên « Thiếu

úy Nguyễn-Hoan đang được Đại tá tiểu đoàn trưởng gắn cấp bậc trung úy tưởng-thưởng chiến công trong trận đánh T.V. » Hai trang báo nói rõ ràng về trận đánh đó và nhắc đến tên Hoan luôn. Hoan vẫn còn sống, Hoan phụ nàng?

Huyền biết thế nhưng nàng âm thầm hiểu một mình thôi. Huyền ngẫng đầu lên, đứng dậy đi vào phòng dì Tư. Vừa bước vào Huyền đã nói ngay :

— Thưa dì, con đã nghĩ kỹ rồi.

Dì Tư ngồi dậy hỏi :

— Con nghĩ gì ?

Huyền ngồi bên cạnh dì nói:

— Dì hãy để cho con đi, ngày mai con đi, con đi thật xa.

— Con điên rồi sao Huyền. Đã mấy lần con đòi đi, dì ngăn cản con. Con muốn gì cứ nói với dì, bao giờ dì cũng thương mến con như con ruột. Con nói đi Huyền.

Huyền nhìn dì Tư rồi cúi đầu, tiếng nàng yếu ớt như một lời van xin thú tội :

— Con muốn nói về Hoan.

— Huyền !

Dì kêu lên như thế rồi cúi đầu thật nhanh, gương mặt trẻ biến đổi một cách mau chóng. Nhìn vào người ta cũng đoán có một sự gì, dầu kín. Tiếng dì nhỏ lại và run run :

— Hoan chết rồi !

Huyền choài người về phía dì, nắm chặt lấy cánh tay dì nức nở :

— Hoan chết ! con không tin và không bao giờ có. Dì tin là Hoan chết !

Tiếng khóc của Huyền trở nên chua xót hơn, Huyền gục đầu vào lòng dì khóc.

Căn phòng trở nên lạc lõng lạnh lùng. Dì Tư ngạc nhiên khi nghe Huyền nói về Hoan. Bà biết nói sao đây ? Có nên nói sự thật cho Huyền biết không ? Dì Tư cứ nghĩ rằng Huyền quên hẳn Hoan rồi kia chứ. Hai năm rồi còn gì. Cái tin Hoan chết đã hai năm thế mà bây giờ Huyền lại khơi ra. Huyền còn yêu Hoan. Dì băn khoăn vô cùng, dì quay

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

ra cửa sổ, gợi lại chuyện đã xảy ra.

Trước khi chết bà Hai — mẹ Huyền — đã giao phó Huyền cho dì Tư nuôi. Bà Hai đã nói thật tất cả và căn dặn tuyệt đối không được nói cho ai nghe nhất là Huyền. Hoan là con bà Hai cùng mẹ khác cha với Huyền. Hoan là đứa con tội lỗi của bà Hai trong khi ông Hai còn sống. Sanh Hoan ra bà trao cho cha nó nuôi. Thời gian khá lâu, Hoan lớn lên. Cha ruột Hoan chết, Hoan sống nhờ một người chú. Rồi Hoan-Huyền yêu nhau, dì Tư không hề biết gì. Đến khi Huyền ngỏ lời và dẫn Hoan về nhà. Dì Tư hoảng hốt lẫn sợ hãi, bà không muốn cho chúng nó gây thêm tội lỗi nữa nên dì Tư đã khôn khéo đến gặp Hoan nói thật cho Hoan biết Huyền là em gái. Ban đầu Hoan không tin nhưng sau dì mang hình ảnh của mẹ Huyền đưa Hoan xem, thì đúng vì ba Hoan chụp chung với mẹ Huyền nhiều. Thư từ hai người qua lại dì Tư đem ra cả. Hoan đau khổ vô cùng. Hai người bàn tán với nhau. Hoan đi lính không nói gì với Huyền cả, và Hoan mạo một tấm điện tín nói là tử trận. Thầm mong Huyền quên Hoan, đi lấy chồng sau đó sẽ về bày tỏ sau.

Huyền nấc lên những tiếng khóc nhỏ, nhìn dì van xin :

— Dì, xin dì để con đi. Con đi cho con quên tất cả. Dì Tư nghẹn ngào :

— Huyền, con nghe dì. Con nhớ lời mẹ con dặn... !

Huyền khóc thét lên đau khổ :

— Mẹ con ! ba con ! Người đã chết trong cơn đau đớn. Con nhớ ! nhưng dì hãy để con đi một thời gian ngắn.

Dì lắc đầu vuốt tóc Huyền :

— Con còn nhỏ, hơn nữa là con gái. Cách sinh sống khó khăn sẽ làm con khổ thêm.

— Con không còn nhỏ như dì nghĩ, con biết giữ thân con. Ở tỉnh T.Đ. có mở lớp Hộ-

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
13600/EXT/DPDC

sinh, có phần nhất con thi vào đó.

— Con nhất định đi ?

Huyền ngồi nhỏm dậy :

— Vâng ! thưa dì con nhất định. Dáng điệu dì thật buồn :

— Thứ bảy Chú ở dưới quận về, dì nói sao khi không thấy con !

— Xin dì bào chữa giúp con.

Xa con dì buồn lắm, dì không có con cái...

Huyền cúi đầu nói nhỏ :

— Xin dì tha thứ cho con.

Dì Tư thở dài thật buồn. Buổi chiều nhiều mây trắng nối tiếp bay dài như những làn khói trắng lan rộng mãi ra. Tiếng gió lướt qua, âm thanh rít dài ghê rợn, lạnh buốt. Tiếng dép của Huyền kéo ra khỏi phòng, rất nhỏ nhưng cũng đủ khuấy động cái không khí im vắng của buổi chiều nhạt nắng.

Huyền tựa lưng vào cánh cửa, phóng tầm mắt ra rất xa, ngừng lại trên con đường phố nhỏ trông rỗng nhưng đẹp, vắng. Huyền tìm lại những kỷ niệm xưa của Hoan. Hai người cứ mỗi buổi chiều tan

học đã đứng đón ở cổng trường rồi cùng nhau song vai đi trên đường đó. Năm sau Hoan vào đại học, Huyền vẫn là cô nữ-sinh đệ tứ. Hai người bắt đầu mơ mộng, cả hai cho rằng có quyền mơ mộng rồi vì trước mắt hai người Hoan đã sẵn có một tương lai đủ bảo đảm hạnh-phúc cho Huyền. Hai người trao nhau những mộng tưởng thật đẹp. Huyền mơ có một ngôi nhà nhỏ ở giữa một khu vườn chung quanh toàn trái cây mát mẻ. Hai người sẽ sống bên nhau với tình thương của chú dì. Hoan đi làm, còn Huyền ở nhà chăm lo cây cối cơm nước. « Nhà mình phải có chuồng chim bồ câu nghe anh. Em xin dì cái đàn dương-cầm, tối tối em đánh cho anh nghe. »

Thế mà, không còn gì cả. Giấc mơ đã loãng vào với mây khói rồi. Hoan phụ bạc đến thế sao ? Huyền luyến tiếc nói khẽ như thế.

Sáng hôm sau, Huyền khóc từ giã dì ra đi. Mang nặng một tâm tư nặng chĩu đè trên những bước đi hoang dại cô đơn. Huyền ra đi với một hy vọng nhỏ là sẽ gặp Hoan, vì sư đoàn của Hoan dời chỗ ở luôn như trong cuốn báo quân đội đã nói. Hai mươi mốt mùa xuân mà đã sớm mang nhiều nỗi riêng tư u ám.

Huyền thi đậu, nàng hăng say học tập cho quên tình xưa. Chung quanh nàng những bệnh nhân, những sản phụ họ đau khổ hơn nhiều, nhìn đó Huyền lắng đọng dần, hòa mình với bệnh nhân, với cái đau đớn chung của họ. Huyền không quên nửa tháng viết thư thăm dì chú một lần.

Thời gian học tập là hai năm, ngày thi ra trường Huyền may mắn được làm tại tỉnh. Cuộc đời bình thản đó cứ trôi dần với dòng thời gian. Huyền không màng tới tình yêu, Huyền chối bỏ lời cầu hôn của bác sĩ Tân, của thiếu úy Thân.

Sáng đó đang giờ vui vẻ với bệnh nhân thì nhận được điện tín của chú báo tin dì

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T/DPDC

lâm bệnh nặng. Huyền vội vã xin phép về.

Bước vào cửa phòng dì, Huyền đứng ngay lại. dì nằm lép trên nệm trắng. Chú đang pha thuốc. Một quân nhân ngồi sát cạnh dì đầu hơi cúi quay lưng ra cửa. Huyền biết là ai rồi. Nàng quá nghẹn ngào, kêu lên một tiếng rồi òa lên khóc chạy vào giường dì :

— Dì ! Con đã về.

Dì Tư yếu ớt nhìn Huyền thương hại. Huyền ngẩng đầu nhìn Hoan — Trung-úy Hoan trân trối rồi ôm chặt lấy tay dì để dằn cơn mừng rỡ đến tức tối.

Hoan biết là Dì chưa nói tất cả sự thật cho Huyền biết. Nên Hoàn chỉ nhìn lại mà không nói được lời nào.

Ngày hôm sau, dù mệt quá sức nhưng dì Tư cũng ráng ngồi dậy kể tất cả cho Huyền biết. Anh em Huyền bỡ ngỡ nhìn nhau.

Những dòng nước mắt chảy dài trên má Hoan, Huyền.

Dì Tư tắt thở trên tay Huyền và Hoan. Cả hai cùng nức nở thương tiếc người dì sớm lìa trần.

Chôn cất đám tang dì xong. Anh em Hoan thăm mộ mẹ xong đâu đấy mỗi người phải trở về với nhiệm vụ của mình.

Huyền lại bắt đầu đếm những bước đi hoang dại của mình trong lòng phố lạnh, nhộn nhịp. Trong bệnh-viện mọi người đều quý mến nàng nhưng tâm hồn hoang-dại, bước chân hoang dại đó vẫn thấy cô đơn vắng vẻ Nàng lại muốn ra đi, ra đi mãi.

Bước chân nàng sẽ ngừng lại ở một nơi nào đó mà mọi người cho là hoang dại.

Xa xôi người anh cùng mẹ khác cha của Huyền cũng đang xông pha dần mình trong vùng đất hoang dại.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T/DPDC

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP NHÀ ĐẠI TRIẾT-HỌC

DO THÁI FREUD

★ Thái-Dương

(tiếp theo P.T. 136)

● Những bất thường tính hằng ngày

CÁC dịch giả thường dịch chữ Fehlleistungen của Freud ra chữ acte manqué, tức là những hành động khiếm khuyết, những bất thường tính hoặc lãng quên, lầm lẫn, vụng về, mất mác v.v.. Đây là những sự kiện vẫn xảy ra ở đời. Tuy nhiên, nó cũng có thể trở thành một hành động khoa học nếu nó được nghiên cứu rõ ràng ra.

Những hành động mà mới thoạt nhìn tưởng như do ở sự tình cờ nhưng Freud đã đưa ra chứng minh lại, Freud bảo rằng đây là những « ý định bị dồn ép » một sự « không muốn » hay « ngược với ý muốn ».

Một vài cử chỉ chứng tỏ sự mệt mỏi tâm tư, hoặc một vài hành động mà bên ngoài ngỡ như không cố ý. Nhưng khi đưa ra nghiên cứu bằng lối tâm phân thì chúng ta thấy đây là do những lý lẽ gì đã vượt ra ngoài vòng ý thức. Những hành động ấy tỏ ra rằng con người đã trải qua những xúc cảm ngắn ngủi tạm thời, nhưng vẫn là có những phút cảm xúc chứ không phải do sự tình cờ hay vô ý vậy thôi.

Tiếng Đức, tất cả những chữ nào nói đến những hành

động khiếm khuyết đều bắt đầu bằng chữ Ver: Versprechen verlesen, verschreiben, vergreiten.

Sự dồn ép đưa đến những quên lãng, như quên tên, quên chữ, quên để sách. Thí dụ : Trong câu chuyện nói đến nguyên nhân của Thiên Chúa giáo, một cô gái tìm mãi không ra cái tên sách đã đề cập đến cuộc đời của Chúa. Đó là quyển Ben Hur của Lewis Wallace. Cô gái ấy quên cái tên sách chỉ vì nó có một từ ngữ mà cô và các cô gái khác không dám nói nhất là khi đứng trước những chàng trai. (Tiếng đức chữ Hure có nghĩa là làm điếm). Nếu nói cái tên sách ấy ra, cô ấy có cảm tưởng như muốn khiêu khích mời người đàn ông tìm đến mình, và sự lãngquên của cô gái tức là sự tự cấm đoán trước những thứ lôi cuốn ấy.

Những thứ quên lãng đó rất dễ truyền nhiễm. Ba cậu trai có mặt trong buổi nói chuyện đó cũng quên theo luôn, họ cố tìm cái tên sách đó nhưng cũng không thể nào nhớ ra : « Vì cái vô thức của họ đã thông cảm được vì sao có sự lãng quên của cô gái, nghĩa là họ đã hiểu cái ý ấy... Sự lãng quên của các cậu trai chứng tỏ sự kính trọng cái cử chỉ kín đáo của cô gái ».

Một thí dụ thứ hai để cho chúng ta được rõ thêm. Người ta thường hay quên những chữ ngoại quốc. Một cậu trai lúc đọc câu thơ của Virgile trong ấy có chữ aliquis, mà cậu ta không thể nào nhớ ra. Bằng lòng cho Freud phân tích cậu trai đã cắt đôi chữ a và chữ liquis ra, gợi nhắc đến chữ liquide, cậu nhớ đến St Simon bị hy sinh từ thuở nhỏ, rồi đến St Janvier và phép mầu nhiệm về sự hóa máu. Sau cùng cậu trai còn nghĩ đến một người đàn bà Ý. Cậu ta lo ngại sẽ nhận được một tin không vui... Freud hỏi ngay : « Có phải tin bà ấy bị ngừng

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DRDC.

kinh nguyệt không? » Ngạc nhiên cậu ta thú nhận.

Nỗi lo sợ ấy đã được tiếp diễn qua những ý nghĩ và lý do vì sao mà cậu trai không thể nào tìm ra chữ Aliquis trong câu thơ của Virgile.

Vì những lãng quên bất thường ấy, Freud đã trở lại với vấn đề bệnh lẫn trí ấu thơ. Freud bảo : « Người ta đã lầm mà chấp nhận sự lẫn trí ấu trĩ cho đó là một sự dĩ nhiên trái lại nếu cho đó là một nỗi bí hiểm đặc biệt ». Thí dụ một chàng trai 24 tuổi nhớ lại ngày lên năm đã ngồi học đánh vần với bà dì ở trong vườn. Chàng trai ấy bảo rằng mình nhớ mãi là vì hai chữ m và n.

Bà dì đã giảng rằng hai chữ ấy khác nhau một cái chân. Cái kỷ niệm ấy đã đập vào trí nhớ cậu bé vì hình ảnh đã gợi trí tò mò của cậu bé lên 5. Về sau lớn chàng trai muốn biết sự khác nhau giữa đứa con trai và đứa con gái, và rất thích được bà dì giảng cho.

Sự khác nhau giữa con trai và con gái cũng giống như sự khác nhau giữa chữ m và chữ n mà thôi.

Thời kỳ mà chàng trai học đến chuyện trai và gái ấy đã làm cho chàng nhớ lại cái kỷ niệm học đánh vần thuở bé.

Không phải chỉ có quên tên và chữ mà thôi, người ta còn quên cả cảm tưởng nữa. Ở trong sự quên lại cũng được chọn lọc những cảm tưởng nào hoặc những chi tiết nào. Sự lãng quên thường chỉ vì có một duyên cớ khó chịu, không làm cho vui lòng.

Ở trong công việc săn sóc người bệnh, các bác sĩ hay gặp những câu trả lời vu vơ chỉ vì quên lãng. Thí dụ như khi bác sĩ hỏi bệnh nhân mười lăm năm về trước anh có mắc bệnh giang mai không, hoặc hỏi người mẹ những chuyện trước của cô con gái mắc chứng loạn thần kinh... Ở những người bệnh thần kinh người ta lại còn tìm thấy một yếu tố thuộc về thiên tính chống đối cảm gợi lại

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/OPDC.

những gì làm nhớ đến những cảm xúc khó chịu. Một loại thiên tính mà ta chỉ có thể ví được với sự phản ứng lẫn tròn những kích thích đau đớn.

Freud còn bảo thêm rằng « Ngay cả với những người không mắc chứng thần kinh chúng ta cũng thấy sự kháng cự lại với những kỷ niệm, những cảm giác khó chịu nhọc nhằn không làm vui tâm trí. Freud nhắc một bài ngạn ngữ của Nietzsche ở trong tập Au dela du bien et du mal : « Chính tôi đã làm cái ấy, trí não tôi bảo ». « Vô lý, tôi không thể làm cái ấy được » lòng kiêu hãnh của tôi trả lời lại, và nhất định không chịu đổi ý. Cuối cùng trí não đành phải nhường. »

Ở trong tập tự sự của Darwin, Freud đã nhặt một đoạn mà ông cho rằng đúng và thích hợp với cái khoa học của ông nhất, Freud đã đặt tên là cái thước bằng vàng. « Mỗi khi tôi đọc được một sự kiện hay một ý kiến gì mới mà làm đảo ngược với những kết quả sưu tầm của tôi thì tôi vội vàng ghi chép lấy ngay, vì tôi biết chắc rằng những ý và câu ấy thường chóng bị xóa mờ trong trí nhớ của tôi hơn là những ý và lời của kẻ cùng quan điểm với tôi ».

Trong tình ái, cũng như trong nghề binh lính, sự lãng quên không bao giờ được tha thứ. Người đàn bà khi yêu thương trách người đàn ông nếu chàng không đến đúng hẹn : « Năm ngoái anh đâu có quên, thế tức là anh không còn yêu em nữa. »

Trong tấn bi kịch của Bernard Shaw tên gọi là César và Cléopâtre, khi César sắp rời Egypte ông bị thắc mắc vì không nhớ rằng mình còn một việc gì phải làm, thì ra ông đã quên từ giã Cléopâtre.

Sự quên lãng còn chứng tỏ rằng người ta không cho đó là một việc quan trọng. « Một thương gia quên thư của vợ nhờ gửi hộ, cũng như quên cả những thứ vợ dặn mua về nhà. » Người nào hay quên những gì các bạn bè nhờ mình, chứng tỏ rằng người ấy đã khinh rẻ những sự nhờ vả ấy.

Ngay cả những người rất lương thiện cũng hay lãng quên trong vấn đề tiền bạc. Sự ưa dành dực của trẻ thơ, khi thấy một thứ gì, thường

dành để bỏ vào miệng, đấy cũng là một sự ham muốn nguyên thủy, chỉ mất đi khi đứa trẻ lớn lên được giáo dục cẩn thận. Lắm người hay tưởng rằng mình đã trả xong món nợ mà sự thật là chưa trả.

Một nhà triết lý còn bảo « Chúng ta dễ quên những bức thư nào có kèm hóa đơn hơn là những bức thư có kèm ngân phiếu. Trong lúc đánh bài mặc dầu không có ăn thua lớn nhưng sự ham được tiền có thể biểu lộ ra, người ta hay phạm những lỗi tính sai, hoặc những sự gian xảo vặt. Rất nhiều người đàn bà tỏ ra dễ quên trả tiền cho bác sĩ, nghĩa là chỉ giả bằng một nụ cười.

Freud đã chân thành thú nhận rằng : « Ngày xưa trong số bệnh nhân mà tôi phải đến viếng, tôi thường hay quên những người bệnh không tính tiền. » Đã thế ông còn nói : « Tôi gửi thiệp chia buồn cho những tang gia thì tôi nhớ mà đến những lúc sinh nhật, lễ đại xá, mừng đám cưới thì tôi lại hay quên ».

Ông giảng rằng vì tính ông ghét những gì bắt buộc gò ép mà ông thấy vô ích.

Cũng như sự lãng quên, những câu hoặc chữ nói lẫn lộn cũng chứng tỏ một lỗ thủng trong trí nhớ.

Những thí dụ mà Freud đưa ra toàn bằng tiếng đức, nhưng ở tiếng xứ nào thì cũng giống nhau, thí dụ một chàng trai xin phép một thiếu nữ để đưa nàng về (begleiten) nhưng chàng ta nói lầm và dùng chữ begleitdigen chữ trên là đưa về mà chữ dưới là khiêm lễ. Sự nhầm lẫn nầy đã tố cáo cái ý nghĩ thầm kín của chàng ta.

Trong thời kỳ chiến tranh, có người hỏi một bà mẹ, con bà phục vụ ngành nào : đáng lẽ trả lời ở trong đội súng cối (moerser) bà ấy nói lầm ra chữ moerder nghĩa là giết người. Một người nữa trong buổi tiệc mừng ông chủ, ông này hơi ganh với chủ nên khi nâng cốc đáng lẽ phải nói « để mừng sự thịnh vượng » (anstossen) thì ông ta nói lầm chữ aufstossen nghĩa là đề đạp đổ sự thịnh vượng.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Thêm vào những sự nói lầm còn những sự viết lầm, đọc lầm để chứng tỏ sự chờ mong thầm kín của mình. Một anh chàng đang đau bụng, lúc bước vào một gian hàng bán yểm anh chàng ngạc nhiên đọc thấy chữ klosethause nghĩa là phòng đại tiện. Sự thật chữ ấy viết là korsethause, nhà bán yểm.

Có những cử chỉ vụng về, gần như hung tợn do sự điều khiển, hướng dẫn của một ý chí nào và đạt được mục đích một cách chắc chắn hơn những cử chỉ mà ta đã làm với tất cả sự cố gắng. Hai đức tính hung tợn và quả quyết cũng giống nhau tựa như sự cuồng loạn và tính mộng du. Freud, một hôm nghe cô em gái phàn nàn cái bình mực ở bàn viết, bên cạnh các đồ vật mỹ thuật khác, trong một cử chỉ vô tình Freud đã gạt phăng cái nắp đậy xuống đất mà không động đến các đồ vật khác.

Một hôm khác Freud chạy vội đến chiếc ghế cho một ông khách già, có cô gái khác chạy đến dành làm hộ, bỗng nhiên Freud bắt gặp mình đang vòng tay qua lưng cô gái, không ngờ mình đã làm một cử chỉ rất vô ý, tuy vô ý nhưng lại còn gọn gàng đẹp đẽ hơn một cử chỉ cố gắng.

Có những cử chỉ làm không cố ý, hoàn toàn bất ngờ nhưng sự thực đấy là một triệu chứng, tỏ ra một ý nghĩ hay một cảm xúc mà chính tác giả không ngờ đến.

Tất cả mọi thay đổi trong sự ăn mặc hằng ngày, thí dụ như một cái khuy cài không cẩn thận, những cố ý để lộ một chỗ hở nào trong thân hình đều mang một ý nghĩa mà tác giả không muốn nói rõ, và lệ thường tác giả cũng không ngờ đến.

Sự mất đồ đạc cũng có một ý nghĩa « Người ta đánh mất một vật gì khi dùng đã cũ, khi có ý định mua một cái

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

khác thay thế vào, hoặc khi không thích nữa. Với một kẻ mà ta hết muốn gặp, hoặc khi nó gợi đến những hoàn cảnh mà ta không muốn nghĩ đến. » Sự mất mát ấy có khi lại được xem như là sự hy sinh cho một vị thần hộ mệnh thầm kín nào, mất khăn chẳng hạn là bớt sự khó khăn v.v... Mất nhẫn cưới là điềm xui có khi còn là triệu chứng báo trước sự đổ vỡ ly dị.

Một vài sự lầm lẫn do ở những ý nghĩ bị dồn ép, thí dụ một cậu trai sau khi đưa người yêu đi. Lúc quay trở về cũng vẫn hỏi mua hai vé tàu điển. Sáu tháng sau khi cưới vợ về, hôn nhân đã làm mất hết thơ mộng nên đi chơi với vợ mà vào mua vé chỉ hỏi mua có một vé.

Một vị bác sĩ đến thăm người bệnh sau khi khám và cho thuốc xong nhất định không chịu lấy tiền. Lúc ra về đi xe lầm thế lúc đổi ở bến xe lại đi trở lại nhà người bệnh. « Cái vô thức của tôi nhất định muốn đòi tiền cho kỳ được ». Bác sĩ ấy viết như thế.

Tất cả những sự kiện kể trên chứng minh rằng cuộc sống tâm linh của chúng ta đều có lệ thuộc ở một ngõ hẹp nào nhất định mà chúng ta không ngờ đến. Có thể bảo rằng sự ngẫu nhiên hay tự cổ ý đều không đúng. Những nhận xét khác cũng đưa đến một kết quả ấy. Khi nghe ai nghêu ngao một bài hát gì, chúng ta có thể tìm được sự liên can giữa lời ca và cái ý nghĩ đã làm vương vấn người đang ca đó. Thế nào cũng có lý do khi một chữ nào đã đến luôn ở trong câu chuyện của người ấy. Thí dụ có người đàn bà vừa làm quen với một người bạn từ một thành phố Nga tên gọi là Taganrock đến, bà ấy cứ bị ám ảnh mãi với chữ Taganrock, thì ra vì bà đang muốn mua một cái áo khoác trong nhà (Morgen-rock). Mà chiếc áo không phải chỉ mặc buổi sáng khi ngủ dậy mà còn dùng để mặc luôn cả ngày (Tag-an-rock).

Những con số người ta hay kể ra cũng thế, lắm khi tưởng như cố ý nhưng sự thực vì có một lý do mà người nói không ngờ đến. Freud đưa ra một vài thí dụ mà lắm khi nó

là những con tính khá phức tạp, thí dụ người ta mời một bà hãy nói lên một con số, bà ấy bảo : 79. Đồng thời trong lúc ấy bà ta đang nghĩ đến chiếc mũ bà muốn mua giá 158 marks, mà 158 là gấp đôi số 79 con số đang nằm trong trí bà. Bà ấy đã nghĩ : «Giá cái mũ chỉ trị giá độ nửa phần tiền thì ta sẽ mua ngay ».

Chẳng có sự tình cờ nào ở nội tâm hay tâm linh cả. Một vài người bệnh, như bệnh mê sảng cuồng loạn hay giải thích tất cả những hành vi cử động của người khác, và tìm những kết thúc thường quá đáng ; nhưng cũng có một vài phần đúng.

Những kẻ hay tin dị đoan, họ đã lầm mà tin rằng một hiện tượng ngoại giới, (mà phần tâm linh không dự vào) có thể báo hiệu những triệu chứng xảy đến trong tương lai. Nhưng họ sẽ không lầm nếu họ giảng nghĩa rằng đấy chỉ là vì tâm linh họ đã phát giác ra mà họ không ngờ đến. Khi một người La Mã đình chỉ trước một công việc gì họ sắp làm vì họ bị vấp chân lúc bước ra ngõ, như thế tức là họ đã tỏ ra biết rộng hơn chúng ta ngu ngốc vì họ đã tự chứng rằng họ thạo về khoa tâm-linh.

Cái vập chân đó là chứng cớ của một sự ngờ vực đang tiềm tàng, một sự chống đối của nội tâm với ý định. Ngờ vực và chống đối hợp lại có đủ sức để tiêu hủy cái ý định trong lúc hành động.

Chúng ta sẽ hiểu lý do vì sao sự nghiên cứu về những bất thường tính hằng ngày hôm nay sửa soạn cho sự nghiên cứu những giấc mộng và bệnh cuồng loạn về sau. Vì ở giữa trạng thái thần kinh bệnh hoạn không có sự chia cách rõ rệt. Chúng ta đều không ít thì nhiều mang chứng yếu thần kinh.

Có thể kết luận rằng, những gì thuộc về các việc làm và cử chỉ khiếm khuyết : « Tất cả những hiện tượng ấy, không loại trừ một cái nào đều là vì những lý do ngăn cấm trong tâm linh, mặc dầu đã được ý thức dồn ép lại cũng không thể mất hẳn, vẫn trở về nhắc nhở biểu dương một vài khi... »

(còn tiếp)

TUYÊN - NGÔN

của

TAO - ĐÀN BẠCH - NGA

★ ★ Hình thức, và nhạc-điệu trong thơ Bạch-Ngọ

(tiếp theo P. T. 137)

Có những tiết điệu còn rung mãi trong lòng đời. *Thơ do rung cảm mà có, vì rung cảm mà còn*, nên trong thơ tự nhiên có nhạc tính. Thơ còn tạo ra nhạc ngữ như mây bay gió đẩy, văng vẳng âm thanh của trời đất giao hòa. Cũng như về xu-hướng, thơ Bạch-Nga phủ nhận thời gian và phân loại, về hình thức thơ Bạch-Nga không phân biệt thơ cũ và thơ mới. Nó bắt nguồn từ *hai chữ* rộng ra đến *12 chữ, và lần đầu tiên, nó áp-dụng lối gieo vần mới như thơ Tây phương mà còn dồi dào hơn.* Trong Thi-phẩm *Hoang-Vu của Nguyễn-Vỹ có những bài như « Tiếng sáo đêm khuya, Đêm giao thừa tắm biển, Cảm ơn ngài, Gởi Trương-Tửu »*, v.v... làm điển hình.

Chúng tôi xin nhắc lại chút ít Lịch sử để nhận định rõ vị-trí của thơ Bạch-Nga, và do đó làm sáng tỏ hơn về thể thơ Bạch-Nga.

Danh-từ « Trường thơ Bạch-Nga » chính thức xuất hiện mùa thu năm 1936. Trước đó 4 năm và sau đó 4 năm (1932-1940) có những tập thơ nầy ra đời :

• 1932 :
Mấy bài thơ cổ-phong biến thể của Phan-Khôi và Tản-Đà.

• 1933 :
« *Người sơn nhân* » của Lưu-trọng-Lư, trong đó có *mấy* bài thơ đầu tiên của Lư.
— Mấy bài thơ đầu tiên của *Thế-Lữ*.
— Tập thơ « Yêu dương » của *Phạm-huy-Thông*.

• 1934 :
— « Tập thơ đầu » của Nguyễn-Vỹ.
— « Anh Nga » của Phạm-Huy-Thông.
— « Anh với em » của Lam-Sơn.

• 1935 :
— « Mấy vần thơ » của Thế-Lữ.
— Thơ tám chữ của Thao-Thao.
— « Tiếng địch sông Ô » của Huy-Thông.
— « Ngày xưa » của Nguyễn-Nhược-Pháp.

• 1936 :
— « Hận chiến trường » của Thanh-Tịnh.
— « Gái Quê » của Hàn-mặc-Tử.
— Trường thơ Bạch-Nga ra đời :
— « Chương dân thi-thoại » của Phan-Khôi.

• 1937 :
— « Tần Ngọc » của Huy-Thông.
— « Điêu tàn » của Chế-Lan-Viên.

• 1938 :
— « Thơ thơ » của Xuân-Diệu.

• **1939 :**

— « Tiếng Thu » của Lưu-Trọng-Lư.

• **1904**

— « Lỡ bước sang ngang » của Nguyễn-Bính.

— « Lửa thiêng » của Huy-Cận.

Trước 1932, chưa có « Phong-trào Thơ Mới ». Các thi-sĩ lớp trước 1932, đều làm thơ Đường Luật, hoặc Lục bát, hoặc ca trù, hoặc các điệu cổ phong, từ khúc. Thực ra, « Thơ mới » không phải đột nhiên mà có. Nó đã nứt mầm ngay từ trong các bài từ-khúc, cổ-phong biến thể hồi 1932, đã phảng phất trong ít nhiều bài thơ của Nguyễn-khắc-Hiếu, của Phan-Khôi và của Lưu-Trọng-Lưu trong hai năm 1932-1933.

Những bài nầy không còn là Thơ cũ nữa, nhưng cũng chưa hẳn là Thơ mới. Người ta đã thấy các nhà thơ có dụng ý thoát khỏi hình thức cũ, tìm một nẻo mới, và đã « mới » được phần nào. Nhưng sự biến chuyển từ đây tiến triển rất nhanh chóng, các Thi-sĩ trẻ tuổi của những năm 1932-1933 đã tiêm nhiễm Thi-ca của Pháp, đã bị ảnh hưởng bởi lối thơ Pháp, và kết quả hiển nhiên là *sự dung hòa của các loại Thơ cổ-phong của ta với thơ cổ điển của Pháp, thành ra « Thơ mới ».*

Xin chú ý đến sự kiện lịch-sử chúng tôi vừa trình bày trên đây thì mới hiểu rõ trường hợp phát sinh ra « Thơ mới » và tính chất của « Thơ mới » lúc ban sơ. Năm 1932, 1933, vài ba bài « Thơ mới » đã được đăng rải rác và dè-dặt trên một vài tờ báo ở Saigon và Hà-nội, chưa được đặc biệt hoan-nghênh. Năm 1933, quyển «Người Sơn nhân » của Lưu-trọng-Lư ra đời ở Huế. Đó là một chuyện ngắn có hàm ý-nghĩa triết-lý, và ở mấy trang « phụ-lục » có năm sáu bài « Thơ mới ». Cũng năm ấy, báo Phong-hóa ở Hà-Nội đăng mấy bài thơ đầu tiên của Thế-Lữ. Vào giữa năm 1933, Phạm-Huy-Thông xuất bản tập thơ « Yêu đương » đặc biệt theo thơ trữ-tình của Pháp.

Để nhấn mạnh ảnh hưởng của Thơ Pháp, chúng tôi tưởng nên nói

thêm rằng lúc bấy giờ Thế-Lữ là cựu học-sinh trường Trung-Học Hải-Phòng lớp đệ tam niên vừa mới thôi học. Lưu-trọng-Lư học lớp đệ tam niên trường Quốc-học Huế cũng vừa thôi học, Phạm-Huy-Thông, cựu học-sinh trường Trung-Học Pháp Albert Sarraut, vừa thi đỗ Tú-tài toàn phần và đang ghi tên vào trường Cao-Đẳng Luật-Khoa.

Tiếp theo đó, tháng 9 năm 1934, Tập *thơ đầu* của Nguyễn-Vỹ ra đời, trong đó có đưa ra nguyên tắc *thơ Bạch-Nga*. Lúc bấy giờ, rất nhiều những bài thơ của Thế-Lữ là lối thơ cổ-phong biến chuyển thành *thơ mới 8* chữ, như :

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ
Gương mặt bé điểu oai linh rừng thẳm
. . . . . .

Thơ Lưu-Trọng-Lư có khác hơn :

Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng Giáp mộ
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ
Chàng ngâm thơ
. . . . . .

Hoặc là :

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức
Em không nghe rạo rực
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?
. . . . . .

Ngoài ra, Thế-Lữ và Lưu trọng Lư còn làm khá nhiều thơ *Lục Bát*, hoặc tứ tuyệt liên ngâm. Huy-Thông thì gần như bỏ hẳn thơ Lục-Bát, và làm theo lối thơ Tây nhưng chỉ một lối thơ độc nhất 8 chữ, vần liền hoặc vần tréo.

Thơ của Thế-Lữ, Lưu-trọng-Lư, Phạm-Huy-Thông, theo cái hình thức như trên, lúc bấy giờ đã là mới lắm rồi và thực sự đã được gọi là « Thơ mới ».

Năm 1934, nghĩa là sau đó một năm, « Tập Thơ đầu » của Nguyễn-Vỹ ra đời với một hình thức tiến xa hơn nữa, cởi mở khuôn khổ rộng hơn, và lối gieo vần cũng khác. Như một vài đoạn thơ trích sau đây :

— 2 *chữ*, vần tự do như bài « Sương Rơi » :

Sương rơi
Nặng chĩu
Trên cành
Dương liễu,
Nhưng hơi
Gió bấc
. . . . .
. . . . .

— 3 *chữ*, xen lẫn với 2 *chữ* hoặc 1 *chữ* như trong bài « *Tiếng chuông chùa* » :

Bốn phương trời
Sương sa,
Tiếng chuông chùa
Ngân nga.
Trời lặng êm,
Nghe rêm
Tiếng chuông
Rơi,
Thảnh thơi,
Êm đềm,
. . . . .
. . . . .

hoặc như bài « Đêm tù nghe mưa »

Mưa róc rách
Ngoài vách

Mưa luôn...
Suốt canh trường
Nhớ thương
Ngàn phương
Quê hương
Xa cách.
Mưa rỉ rách
Ngoài vách
Mưa tuôn...

— *4 chữ, vần tréo, như bài « Nhớ ai »*

Nhẩn mây thui thủi } Thủi vần vơi núi
Về Phủ Lạng Thương
Hỏi rừng hỏi núi } Thương vần với dương
Hỏi bóng tà dương

Và hỏi tất cả } Cả vần với tá
Muôn vật tiêu điều
Vắng đi đâu tá
Bóng người ta yêu } điều vần với yêu

Ta buồn, buồn lắm, } lắm vần với thẳm
Hỡi cánh mây sầu !
Núi rừng thăm thẳm, } sầu vần với đâu
Mộng-Sơn ta đâu ?

(tập thơ đầu, 1934)

— *hoặc 4 chữ, vần liền và vần tréo xen lẫn nhau,* như trong bài « Chim hấp hối » :

Ta cũng như chim } chim — tim
Mang một trái tim
Đìu hiu tan tác, } tác
Nặng vết sầu thương } thương — vương
Hết kiếp tơ vương } hát
Mà ta vẫn hát
. . . . .

— *hoặc 4 chữ xen lẫn với 3 chữ, 2 chữ*, như trong bài « Đêm nay xuân về » :

Đêm nay xuân về,
Bốn bề,
Vui xuân.
Bốn bề
Tràn trề
Ái ân.
Nhưng đêm xuân về
Lòng ta nặng nề,
Rỉ rả,
Buồn bã
Bâng khuâng
. . . . .
. . . . .

— *5 chữ vần tréo*, như trong bài « Sao băng » :

Đường thiên-thai mờ tối } tối vần với trối
Một vì sao chết oan,
Một linh hồn đã trối
Tiếng hận của thời gian... } oan — gian

— hoặc như trong bài « Con chim trong tù » :

Em ca hát líu lo } lo vần với do
Trong mây ngàn gió nội, } nội « bụi
Chàng sav sưa tự-do
Trong cuộc đời gió bụi.

Em vẫy vùng non nước, } nước vần với bước
Chim của trời muôn phương; } phương — hương
Chàng mải mê cất bước,
Người của gió muôn hương

— hoặc như trong bài « Tiếng Việt » :

. . . . . .
Tiếng ta như gió mới } mới vần với phới
Dân ta như con thuyền } thuyền — tiên
Buồm căng bay phăt phới
Mang sự nghiệp Rồng Tiên

Bơi đua cùng thế-giới } giới - khởi - tới
Khắp phương trời mông mênh } Mênh - lên - lèn
Dân ta càng quật khởi
Tiếng ta càng vươn lên
Dân ta ngày tiến tới
Tiếng ta ngày vang lên !

— *hoặc 5 chữ, vần liền và vần cách xen nhau*, như trong bài « Nã-phá-Luân » :

. . . . . .
Trong giây phút mê man } man — tan
Vũ - trụ đều tiêu tan } chiếu
Tôi, nàng, trên manh chiếu
Ôm nhìn nhau lặng thinh } thinh — mình
Chỉ khẽ gọi nhau : «Mình !» } điệu
Tiếng nhạc lòng muôn điệu.
. . . . . .

— *hoặc 5 chữ, xen lẫn với 4, 3, 2 chữ*, như trong bài « Đô bóng » :

Ai tương tư trên lầu,
Phải người yêu thơ ?
Tóc sầu
Buông tơ,
Mắt sầu
Buông mơ,
Nhìn sao Mai,
Hỏi ai
Chờ ai
Bên cầu ?
. . . . .

(còn tiếp)

Giải TAO - ĐÀN BẠCH - NGA 1964

★ THÙY-DƯƠNG-TỪ

Tên thật **Nguyễn-kim-Tuấn,** *sinh năm 1944 tại Thuận Nam Đà-nẵng, Trung-Việt.*

Con Cụ Nguyễn-Mẫn, danh-y của triều đình Huế, và cũng là thi-sĩ trứ danh, và bà Đinh Thị Hường, tu-sĩ.

Ít ở nơi sanh quán. Đã có bằng Tú-Tài, và từng lưu lạc khắp Trung và Nam. Ở tù 2 lần vì hoạt-động hăng-hái trong phong trào tranh đấu Phật-Giáo 1963 tại Saigon. Hiện nay sống về nghề viết và dạy học.

● **Những tác phẩm đã sáng tác :**

— *Tiếng hát hôm nay (thơ)*
— *Đất nước tôi (thơ)*
— *Ngôn ngữ tình yêu (thơ)*
— *Máu lửa và tình yêu (truyện dài)*
— *Mối tình của Thâm Tâm và Trần thị Khánh.*
— *Hồ Thấu và những Thi nhân cách-mạng.*

★ người mẹ việt-nam

Việt-Nam ơi
Tuổi đời con bé nhỏ
Bỏ làm chi rãi rác biên cương
Giòng sông cách biệt đôi đường
Kẻ người bên nớ sầu thương bên này
Sắn khoai
Ngô lúa chưa đầy
Mà nghe máu lửa :
Đọa đầy quê hương !
Việt-Nam ơi ! con thương mẹ từ lúc nằm nôi
Biết ăn, biết nói, biết ngồi
Biết đau, biết khổ, biết lời nào hay
Việt-Nam ơi ! con biết mẹ đớn đau từ khi mẫu !
Xác-xơ rồi... vách lá nhà tranh
Ngày xưa Trịnh-Nguyễn phân tranh
Ngày nay Bến Hải làm ranh giới người
Việt-Nam ơi !
Mẹ khóc mẹ cười
Lòng con cảm thấy...
Bùi ngùi ra sao
Nhớ anh nhớ chị phương nào
Nhớ em nhớ mẹ sầu bao la sầu.
Việt-Nam ơi ! con yêu mẹ từ lúc nằm nôi
Con biết mẹ đau lòng khi khói lửa
Việt-Nam ơi !
Con quì lạy xin thưa :
Những người anh ra đi — nói rằng yêu mẹ lắm
Yêu từ bốn ngàn năm văn hiến
Đổi máu xương — dạp đổ gông xiềng
Việt-Nam ơi — con biết mẹ đã từng đau ngăn cách
Từng đói rách nuôi con
Từng hao mòn ngày tháng
Nên những người anh con bạo dạng — kháng chiến giết Tây

Những người xa hơn nữa :
Đánh đuổi quân Tàu — giữ gìn bờ cõi
Việt-Nam ơi ! mẹ sinh ra nỡ nào chúng con lại bỏ
Lủy tre xanh, luống cày đất đỏ
Đã từng đi Âu-Á năm châu
Việt-Nam ơi !

Con biết mẹ đang sầu
Sầu vì thân mẹ — nhịp cầu hỏi ai?
Mẹ sinh ra
Nam, Bắc chạy dài
Trường Sơn là ruột
Gái trai hai đầu
Việt-Nam ơi ! con biết mẹ đau lòng
Ru con mẹ thường hát :
Hỡi giòng chia đôi
Bao giờ giao lứa kết đôi
cho người mẹ ấm chiếc nôi ban đầu
Hát rằng : xin hát đôi câu
Ừ... ơ... con ngủ ruộng sâu luống cày
Mong rằng đừng có phân màu
Dẹp tan máu lửa nhường ngày êm thinh
Nhưng không
Hiện tại bất bình
Ru con mẹ thường hát :
Tâm tình ai trao ?

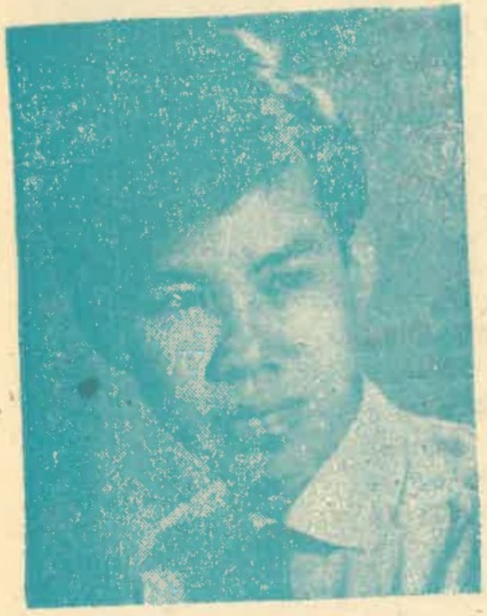

Nguyễn hùng Trát (1)

sinh ngày 30-6-1944 tại Phước-Thạnh — Gò-dầu-hạ, Tây-Ninh, Nam-Việt. Con ông Nguyễn-văn-Kích và bà Vương-thị-Đẹt sống về nghề nông.

Hiện đang theo học ở Đại-học Văn khoa Saigon, đã có 2 chứng chỉ Cử-nhân Triết.

— Đã sáng tác nhiều thơ đăng trong các báo Văn nghệ.

(1) *Trước lấy bút hiệu là* **Trác-Li**, *nhưng từ khi có Thi-sĩ khác tên là Hoàng Trúc Ly, anh bỏ bút hiệu kia để tránh sự trùng tên.*

• cuồng vọng

Ta muốn như Người, hỡi Orphée !
Ngâm thơ theo sáo để đê mê
Rừng sâu, núi thẳm muôn loài thú
Ngoan ngoãn theo ta chuyển bước về.
Gió vẫn ngân vang khúc não nùng ;
Thơ tan vào mạch máu cuồng hung.
Thơ êm đềm rót vào cân não.
Mãnh thú vây quanh dáng phục tùng.
Kìa chúa sơn lâm đứng dịu hiền.
Bầy voi thần phục cúi bình yên
Xà vương uốn khúc thân đờ đẫn,
Lũ báo im nghe phép diệu huyền.
Dã thú từ nay thuần trở lại
Mơ màng theo mấy giọng thơ đưa.
Nép mình ren rén dồn hơi thở
Mà đứng hầu quanh lắng tiếng thơ.
Ta muốn như Người, hỡi Nguyễn Thuyên !
Để cho đời được sớm bình yên,
Đọc bài văn tế âm sang sảng
Giục sấu bơi ra ngược dốc triền.
Cuồn cuộn sông sâu sôi nước bạc,
Bài văn chính khí ném ra giòng,
Thủy thần cũng phải nghe lời chính
Thì nghĩa gì đâu con sấu cuồng.
Gió động còn run câu khí khái
Sông còn ròn rợn vặn mình trôi,
Đôi bờ cây cỏ xôn xao lá,
Sấu cuốn mù xa lặn trốn rồi;
Chìm sâu sấu dữ sống im lìm,
Sóng gợn lòng sông cợt mạn thuyền,
Cây ngã bóng dài soi nước biếc ;
Từ nay sông nước chảy êm đềm.
Ta muốn như Người, hỡi Orphée !
Ngâm thơ dã thú cúi đê mê,
Ta muốn như Người, hỡi Nguyễn Thuyên !

Đọc văn đuổi sấu lặn bình yên,
Ta sẽ dạo rừng sâu, núi thẳm ;
Và chơi trên bề rộng, sông dài
Đi tìm mãnh thú kình ngư để
Cảm hóa cho ngoan hết mọi loài,
Ôi ! biết bao giờ thơ thoát xác,
Bút ngời rừng rực nảy hoa tươi
Giọng ngâm kỳ ảo lưng chừng gió
Cảm hóa cho ngoan hết mọi loài ?

★ ĐỖ QUÝ BÁI

Bút hiệu **Lạc Thủy**, *sinh ngày 23 tháng chạp năm Mậu-Dần tại Tây Mỗ tỉnh Hà Đông, Bắc-Việt.*

Giòng giỏi Đỗ-Nhuận, phó tao đàn nguyên soái triều Lê. Di cư vào Nam năm 1954.

Năm 1957-1958 học Đại học Y khoa, và Luật-khoa nhưng hiện nay vì công vụ không thể theo đuổi cả hai ngành nên chỉ tiếp tục học Luật-khoa.

Mồ côi cha từ tấm bé, xa cách mẹ năm 1954 vì chia đôi đất nước.

Năm 1956 chiếm giải thi thơ của Đài phát thanh VNCH với bài « Nhớ Nhung ».

Đã đăng thơ trên các báo Ngôn Luận, Tiếng Miền Nam, Tự Do (đàn ngang cung) Văn Mới, Đại học xá, và Tiếng Vang.

★ Những tác phẩm đã xuất bản
- *Mộng ban đầu (thơ)*
- *Giữa những mùa thi (thơ)*

★ Chưa xuất bản
- *Mây hàng (thơ)*
- *Nải Mộng (thơ)*

• người biển cả

Tay ràng buộc sao tâm hồn thư thái ?
Phải chăng người nguồn bác ái hiện thân ?
Máu trào tuôn sao mặt ngọc tươi lần ?
Nhịp tim rối, sao tinh thần sảng khoái ?
Ôi đẹp đẽ hy sinh cho nhân loại !
Trời thua cao mà đại hải thua sâu :
Tình tương thân mờ ám cả sao Ngâu,
Dạ hỷ xã sáng làu chòm Thiên-Mã.
Tay dang rộng uy nghi như Thánh-Giá
Người sẵn sàng dâng hiến cả toàn thân
Rờ rỡ hiện hình ! Ôi Thiện-Mỹ-Chân !
Hỡi nghệ sĩ băn khoăn chưa thỏa mãn !
Mau ghi lấy bầy màu mây sáng lạn,
Mau đem đàn mà lọc gạn thanh âm,
Chọn giọng vàng mau trỗi điệu cao ngâm
Mà ca ngợi, mà thành tâm ca ngợi
Sau khi thét cho vang sông chuyển núi
Cho lũ người lạc lối sớm quay về,
Thuyền thế nhân mau thoát khỏi bờ mê
Cho trái đất nặng nề quay ngược lại,
Để thức tỉnh lũ cuồng si rồ dại
Dùng súng gươm giết hại lẫn nhau chi,
Xương máu nhau chớ lấy đắp đường đi,
Oán trả oán xanh rì mầm hậu họa !
Hãy ca ngợi những con người biển cả !
Những con người vì nghĩa xã thân mình !
Những con người hiến máu dựng Trường-Thành !
Chặn thần chết giữ cho anh sự sống !
Ôi ! Đẹp thay mảnh lòng son lồng lộng !
Vũ trụ nào lớn rộng được hơn chưa ?
Tạo loài người quyền Thượng-Đế ban sơ
Tái tạo họ phải nhờ người Hiến Huyết
Người Hiến Huyết sáng lòa như biển tuyết
Sẽ thiên thu bất diệt với trăng sao !

TOKYO OLYMPICS 1964

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA THẾ VẬN HỘI ĐÔNG - KINH 1964

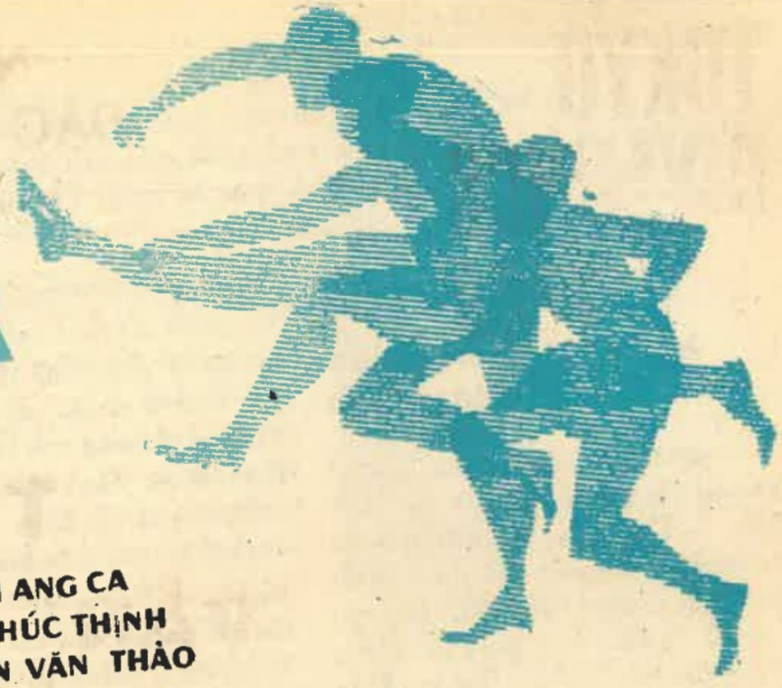

★ NGUYỄN ANG CA
★ TRẦN PHÚC THỊNH
★ NGUYỄN VĂN THÀO
● *Ảnh của Air France*

Thế vận Hội Đông-Kinh, một kỳ công không những của dân tộc Phù-tang mà là của nhân loại, đánh dấu một tiến triển vượt bực, làm hãnh diện chung cho toàn cõi Á-châu, sắc dân da vàng mủi xẹp.

Tại sao gọi là kỳ công ? Vì các tân kỷ lục Thế-vận do lực-sĩ khắp thế-giới, đủ các màu da, quy tụ về Đông-Kinh để tranh đua vượt quá mức dự tưởng của mọi người.

Nơi đây, sức lực dẻo dai của con người đã chứng minh càng ngày càng tiến triển theo đà tiến của thế-kỷ hai mươi này : nhanh phải nhanh hơn, cao phải cao hơn, xa phải xa hơn, mạnh phải mạnh hơn v.v...

Đồng thời, một câu hỏi khác cũng được nêu ra :

— Nhờ lý do nào Nhật-bản, một nước chiến-bại, từng bị tàn phá khốc liệt của chiến tranh lại đủ sức tổ-chức Thế-Vận-Hội và thu lượm được một sự thành công vẻ vang làm chấn động khắp hoàn vũ.

Câu hỏi nầy còn đưa ta đến một sự khám phá khác. Tại sao nền kinh-tế Nhật lại chóng phục hưng và quá ư mạnh mẽ.

Đối với những ai từng quen biết hay đã sống ở Nhật, mà năm nay không có dịp về Đông-Kinh dự mùa Thế-vận, chắc chắn cũng muốn hiểu Đông-kinh ngày nay có gì mới mẻ.

Nhằm mục đích giới thiệu và giải đáp các câu hỏi trên, bạn Nguyễn-Ang-Ca đặc phái viên của nhật-báo Dân-Ta và tạp-chí Phổ-Thông, ngoài việc tham dự Thế Vận Hội, còn viếng thăm các cơ sở báo chí, Đài Phát thanh, Vô tuyến truyền hình và nhiều cơ xưởng sản xuất lớn hiện nay ở Nhật, để có thể cống hiến quý độc giả đầy đủ tài-liệu hầu tìm biết Nhật-bản ngày nay.

Cùng với bạn Nguyễn Ang Ca, có kỹ-sư Hóa học Trần Phúc-Thịnh, hiện còn tu-nghiệp ở Nhật, rất giỏi về Nhật và Hán ngữ, và bạn Nguyễn văn Thảo tức Chi-Lan-Thảo, cử-nhân Văn-chương, một học giả trẻ tuổi Việt-Nam giỏi Đức, Anh, Hán và Nhật-ngữ.

Do đó, chúng tôi tin tưởng rằng bạn đọc sẽ được hài lòng với những bài vở mang nhiều tính cách mới mẻ, tươi trẻ của một thế hệ trẻ trung, yêu đời, thích hợp cho mùa Thế-vận Đông-kinh 1964.

★

★ Từ Djakarta đến Đông-Kinh

Cuộc tranh luận chung quanh những chi tiết về Đệ tứ Á Vận Hội ở Djakarta là điều gây ồn ào nhất trong giới thể thao Nhật Bản trong năm 1962-63. Indonesia đã từ chối không chấp chiếu khán cho các lực sĩ Trung Hoa Quốc gia và Do Thái. Cả hai quốc gia nầy đều là nhân viên của liên đoàn Á-vận, và cấm không cho họ dự vào cuộc thi tài 12 hôm bắt đầu từ ngày 24-8-62.

Hiệp hội điền kinh Trung Hoa Quốc Gia và Ấn Độ nhiều lần yêu cầu Indonesia, với tư cách là quốc gia chủ xướng cấp chiếu khán. Giới chánh thức Djakarta đã bao phen xin lỗi nhưng những lực sĩ nói trên vẫn chưa bao giờ nhận được chiếu khán. Ủy ban chấp hành của liên đoàn Á Vận thương thuyết với Indonesia cho đến hôm trước ngày khai mạc nhưng vô hiệu.

Các nước khác đã gởi phái đoàn đến dự hội đều chua chát phê bình về hành động của Indonesia. Sau khi Á Vận hội bế mạc, họ bị tổ chức thể thao quốc tế ghi như là đã dự một cuộc gặp gỡ quốc tế thường mà không phải là Đệ Tứ Á Vận Hội chánh thức

Đường lối đã được chấp nhận ở ủy hội quốc tế điền kinh là « chánh trị không được can thiệp vào thể thao » Indonesia, khi đưa một quyết định chánh trị loại trừ một vài nước, đã nêu cho người ta thấy những nghi vấn về chánh sách trung lập của Indonesia như là một trong những lực lượng thứ ba không thuộc khối Cộng mà cũng không thuộc thế giới Tự do.

Những sự trợ giúp để sửa soạn cho Đệ Tứ Á Vận Hội ở Djakarta gồm có một sân vận động do Nga-Sô đài thọ về tài chánh và kỹ thuật, một con đường đi vào sân vận động được thiết lập với tiền của Hoa Kỳ và những xe chuyên chở được Tây Đức hiến tặng.

● Nhựt thu rút kinh nghiệm

Liên đoàn puốc tế tài tử điền kinh (The International Amateur Federation) nghiêm trọng khiển trách sự phá lệ luật Á Vận

Ngọn đuốc thiêng tại Thế Vận hội Đông-Kinh 1964 đang bừng cháy

Hội của Indonesia và rút lại quyết định nhìn nhận những thành tích của đệ tứ Á Vận Hội. Liên đoàn cử tạ quốc tế cũng ra lịnh cho các lực sĩ cử tạ của các quốc gia hội viên không được dự cuộc đua tài ở Djakarta. Dư luận càng ngày càng lan rộng cho rằng các lực sĩ đã đến Djakarta không nên trở thành nạn nhân của một cuộc tranh chấp chánh trị. Sau cùng, 14 cuộc đua tài được tổ chức mặc dù không có môn cử tạ. Lực sĩ Nhật quét sạch cuộc gặp gỡ, thu hoạch được 73 huy chương vàng, 56 huy chương bạc và 23 huy chương đồng.

★ Thể thao và chánh trị

Giận điên về sự tố cáo của Liên đoàn lực sĩ quốc tế, Indonesia rút khỏi Liên đoàn. Một ngày trước khi Á Vận Hội bế mạc, một đám đông đã đuổi đại biểu Ấn Độ, G.D. Sondi vì ông này đã binh vực cho Do Thái và Trung Hoa Quốc Gia được cử phái đoàn lực sĩ đến. Quần chúng tấn công Tòa Đại Sứ Ấn Độ và Sứ quán trong đó phái đoàn Ấn trú ngụ.

Cô Bera Caslavska người đẹp của Thế-Vận

mới phát triển ». Đó là vào cuối tháng 4-63 và Indonesia tuyên bố rằng liên đoàn nầy sẽ gặp nhau trong một cuộc tổ chức ở Djakarta vào tháng 11 tiếp đó.

✱ Chủ tịch Uỷ Ban Thể vận Nhật bị chỉ trích

Một hậu quả khác của cuộc tranh luận về Á Vận Hội Djakarta là sự xôn xao ở Nhật Bản về cách xử sự của Juichi Tsushima, lúc đó là chủ tịch ủy ban Thế Vận Nhật Bản và Masaji Tabata, tổng thơ ký. Tại ủy ban thế vận Nhật Bản, trong đại hội triệu tập tháng 9-62, người ta cho rằng sự tham dự của Nhật Bản vào Vận Động Hội Djakarta, mặc dù có sự loại trừ Do Thái và Trung Hoa Quốc Gia vì phạm thể lệ của Liên Đoàn Á Vận Hội, là do ở những cố gắng không thích đương của hai giới chức đó tại chỗ. Họ bị kết án là cạn suy xét khi gởi lực sĩ Nhật Bản đến Djakarta mà không biết rằng thái độ ương ngạnh của Indonesia là nhắm vào khía cạnh chánh trị của vấn đề.

Những việc xảy ra là một vết nhơ về cuộc gặp gỡ quốc tế. Cuộc tranh luận lôi đến cao độ khi tại buổi họp ở Lausanne của ủy ban chấp hành Thế Vận Hội vào tháng 2-63, Indonesia bị cấm không được dự vào Thế Vận Hội. Indonesia phản ứng lại bằng cách rút ra khỏi ủy ban Thế Vận và kêu gọi các nước « đang lên » ở Á Châu và Phi Châu tổ chức một « Liên đoàn vận động hội cho các lực lượng

● Và... Nhật-Bản tìm người mới

Lúc đó, Tsushima còn là chủ tịch của ủy ban tổ chức Thế Vận Hội Đông Kinh ; Tabata còn

Đội nữ bóng chuyền của Nhật bản đấu với đội bóng Mỹ

kiêm tổng thơ ký của Ủy ban tổ chức Thế Vận Hội Đông Kinh. Sự phê bình nổi lên như giông tố ở Nhật Bản khiến cả hai đều từ chức. Ủy ban tổ chức Thế Vận Hội được tổ chức lại với những nhà lãnh đạo mới nhắm làm sao cho chắc chắn không có sự gì làm trở ngại Thế Vận Hội Đông Kinh năm 1964.

Việc tìm những giới chức xứng đáng để dẫn dắt ủy ban tổ chức Thế Vận Hội Đông Kinh gặp phải vài khó khăn sau khi những kinh nghiệm của Tsushima và Tabata cho thấy rằng cả đến những ý định tốt nhất cũng có thể đi đến kết quả là bị một quần chúng phẫn nộ đả kích. Nhưng vào tháng 11-62, Shigera Yosano được chọn làm tổng thơ ký. Trước đây Shigera Yosano là sứ thần ở Tây-Ban-Nha hiện nay phục vụ ở Bộ Ngoại Giao.

Đến tháng 2-63, các giới lý tài ủng hộ Daigoro Yasu-kawa, chủ tịch công ty nguyên tử năng Nhật Bản và chủ Hiệp Hội kinh tế của quận Kyushu — Yamagachi, vào chức chủ tịch Ủy Ban Tổ Chức Thế Vận Hội Đông Kinh.

Tsuneyoshi Takeda và Mitsujiro Ishii thay thế Tsushima ở chức vụ chủ tịch ủy ban Thế Vận Nhật Bản và chủ tịch Hiệp Hội Thể Thao Tài Tử Nhật. Còn Hanji Aoki thì thay Tabana ở chức vụ Tổng Thư Ký Ủy Ban Thế Vận Nhật Bản.

● Vận động trường Tokyo

Sau khi vụ rắc rối Indonesia qua rồi, Thế Vận Đông Kinh được sửa soạn và người ta ghi nhận một sự tiến bộ. Viễn ảnh của một sự thành công của Thế Vận Đông Kinh vào tháng 10 càng ngày càng sáng sủa hơn. Việc bành trướng và sửa sang Vận Động Trường Quốc Gia ở công trường « Đền Minh Trị » là vận động trường chính của Thế Vận Đông Kinh được hoàn thành vào tháng 6-1963. Vận động trường có thể chứa được 100.000 khán giả kể cả 80.000 chỗ ngồi.

Một trung tâm thứ hai của Thế Vận ở công trường Komazawa tại Đông Kinh cũng được hoàn thành nhanh chóng. Trung tâm có một diện tích 430.000 thước vuông và có đủ tiện nghi cho 6 môn thể thao bao gồm sân chơi bóng tròn và khúc côn cầu (hockey), sân chơi bóng chuyền (volley-ball) và vòng đấu, thời hạn chót để hoàn thành trung tâm thể thao là tháng 3-64. Đồng thời 28 tiện nghi thể thao khác được cải thiện và thiết lập. Công trình thiết lập sau cùng phải được hoàn thành là vòng đua xe đạp ở Hachioji gần Đông Kinh mà thời hạn chót là tháng 9-63.

Maroelle Garroni, tổng thơ ký Ủy Ban Tổ Chức Thế Vận Hội La Mã đến viếng Đông Kinh vào tháng 4-63 để kiểm tra công việc. Ông ta tuyên bố sự tiến bộ rất khả quan so với tình trạng của La Mã một năm trước Thế Vận La Mã 1960. Ông ta tán thưởng việc dùng máy móc tối tân đồ sộ để xúc tiến công việc.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

✱ Chi phí tổ chức Thế Vận Hội Đông-Kinh

Chi phí về các khoảng lên tới 11.300 triệu đồng yen, do tổ chức thế vận, Hội Đồng Thành Phố Đông Kinh và chánh phủ Nhật đài thọ. Tiền của tổ chức Thế Vận bao gồm 20 phần cục được gởi tới lần lần. Vào năm 1963, năm thứ ba của công tác, 80 phần trăm mục tiêu đã đạt được một hoạt động điển hình là việc đưa ra thị trường thuốc lá « Olympias » hồi tháng 3-63. Hãng sản xuất và buôn thuốc lá Japan Monopoly Corporation, đóng vào quỹ của Thế Vận Hội 10 yen cho mỗi bao bán được. Những nguồn tài chánh khác gồm có số tiền thu được trong các cuộc tranh tài về đua ngựa, đua xe đạp, đua xe hơi và đua thuyền máy. Hãng đồng hồ Seiko bảo đảm mọi kỹ thuật bấm giờ, tính giờ điện tử.

Công chúng hoàn toàn ủng hộ một cách nhiệt thành để xây dựng quỹ hầu đạt được mục tiêu và vào mùa xuân 1964 có rất nhiều hy vọng nền tài chánh được sung túc.

✱ Lực sĩ Nhật nỗ lực phi thường

Dĩ nhiên là những lực sĩ Nhật Bản bắt đầu thao dượt với một nỗ lực phi thường. Đặc biệt sự tiến bộ tốt đẹp được ghi nhận trong môn Marathon từ năm 1962. Những lực sĩ chạy đua đường trường Nhật đã tham dự cuộc đua ở Auckland (Tân Tây Lan) vào tháng 10-62. Takayuki Nakao một nhân viên của hãng Tokyo Electrie Express Raiways đã thắng cuộc đua Marathon với 2 giờ 18 phút 52 giây. Toru Terapawa của hãng dệt Kanegafuchi chiếm hạng nhì và hạng 3. Đó là một cuộc toàn thắng trên đấu trường quốc tế.

Vào tháng 12-62, Terazawa thắng luôn cả những tay đua lão luyện Phần Lan, Nga Sô và Tiệp Khắc trong cuộc đua quốc tế

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

Lực sĩ Mỹ Hansen vô địch nhảy cao 5 th 10)

Marathon đặt dưới sự bảo trợ của nhật báo Asahi ở Fukuoka thuộc đảo Kyushu. Terazawa thắng với 2 g,16p.18,4 gi. Một lần nữa các tay đua Nhật lại chiếm hạng nhì và hạng ba: Nakao thực hiện với 2g.16p.53,4gi. và Kenji Hara (của hãng kim khí Yawata) với 2g.18p.8gi.

Vào 12-5-63, cuộc đua Marathon của Thế Vận Hội Đông Kinh được đem ra thử lần đầu tiên, bắt đầu chạy từ Vận Động Trường Quốc Gia, xuyên qua Shiujuku, và dọc theo quốc lộ Koshu đến điểm quanh ở thị xã Chofu thuộc vùng ngoại ô Đông Kinh. Cuộc đua quốc tế Marathon do nhà báo Mainichi bảo trợ lôi cuốn được 65 tay đua. Kenji Kimihara đoạt giải với 2g. 20p. 24,8gi. được xem như là một thơi gian tốt dưới một thời tiết nóng ấm. Cuộc đua nầy cũng chứng minh được rằng Cảnh Sát Đông Kinh đã có thể dẹp được đùng cục thường xảy ra trên lộ trình và kiểm soát được đám đông để bảo đảm cho cuộc đua được êm đẹp. Những giới chánh thức đến viếng thăm và các tay đua đều khen ngợi, cuộc đua đó là một trong những cuộc đua hoàn hão nhất thế giới. (Trong cuộc chạy Marathon ở T.V.H. Đông-kinh, lực-sĩ Nhật về ba).

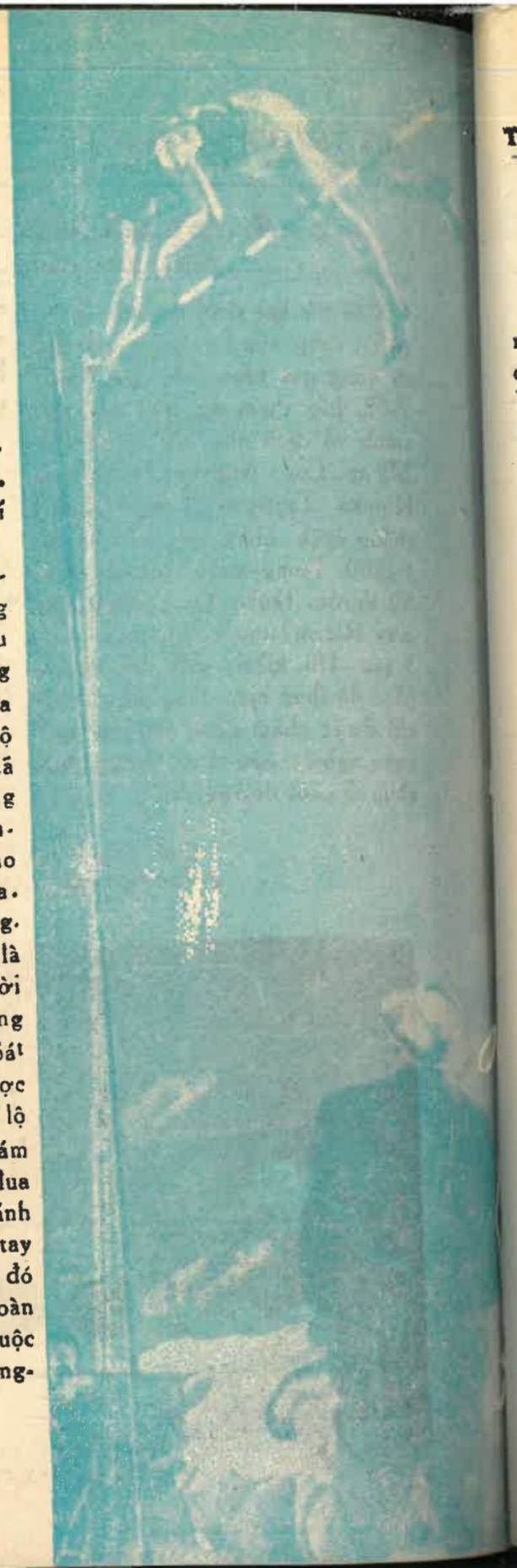

● Sức gái nào kém tài trai

Các nữ lực sĩ Nhật Bản đã tỏ rõ tài năng của họ trong một dịp đi vòng qua Hoa Kỳ vào tháng 7-62. Họ tham dự vào các giải tranh vô địch phụ nữ Quốc Gia Mỹ tại Los Angeles. Nữ lực sĩ Kinuko Tsutsumi (hãng Hitachi) thắng cuộc nhảy cao với kỷ lục 1 th60. Trong cuộc đua nhảy rào 80 thước, Ikuko Yoda (hãng máy may Riccar) tạo kỷ lục với 11gi, 3 sau khi kiểm soát ảnh chụp. Mặc dù thực hiện đồng giờ, Yoda chỉ được chấm hạng nhì sau một cuộc nghiên cứu tỉ mỉ trong hình chụp ở cuối đường thi.

● Những con cá kình Á Châu

Các tay bơi cũng làm xôn xao khi 10 hảo thủ phụ nữ và 12 tay bơi nam học sinh trung học danh tiếng đến viếng Úc Châu trong hai tuần lễ vào tháng 2-63. Satoko Tanaka 20 tuổi nhân viên hãng kim khí Yawata, phá kỷ lục thế giới trước đây trong môn bơi 100 và 200th. có virage. Số giờ được công nhận ở cuộc tranh giải bơi lội vô địch quốc gia Úc tại Perth là 1 phút 10 giây cho cuộc đua110 th. anh (yard) và 2 phút 28 giây 5 cho cuộc đua 220 thước anh.

Cuộc tranh tài Nhu-đạo giữa Anton Geesink và Akio Kaminaga

Một kỷ lục thế giới khác được thực hiện tại cuộc gặp gỡ nầy do Eiko Takahashi, 17 tuổi học sinh năm thứ hai trường Trung học Kakujo ở phủ Oita trong cuộc đua lội bướm với 2 p.32 giây 2.

Một phái đoàn bơi lội Úc đã đến Nhật Bản tháng 4-63 trong một cuộc gặp gỡ thiện chí được tổ chức ở cả hai chỗ Đông Kinh và Beppu thuộc đảo Kyushu. Vì là đã quá mùa đối với các tay đua Úc cho nên họ không thực hiện được mức tốt đẹp thường lệ. Đội bơi Nhật đã thắng cả hai cuộc bơi đua. Trong 4 ngày tỉ thí 2 kỷ lục thế giới và 7 kỷ lục Nhật Bản được ghi nhận Robert Windle của Úc thắng Makoto Fukui và Tsuyoshi Yamanaka của Nhật trong cuộc đua 200 th. bơi tự do với tân kỷ lục thế giới 2 phút 0 giây 3 Đội Nhật Bản gồm Tatsuo Fujimoto ; Yukiaki Okabe ; Fukui và Yamanaka tạo tân kỷ lục thế giới với 8 phút 9 giây 8 trong cuộc đua tiếp sức 800 thước.

○ Thể thao mùa Đông

Tháng 2 63, giải vô địch trượt băng được tổ chức ở trung tâm trượt băng Karuizawa trên chỗ nghỉ mát ở ngọn núi trứ danh Karuizawa gần Đông Kinh. Nhiều kỷ lục thế giới mới được tạo nên trong cuộc gặp gỡ 5 ngày và kỹ thuật Nhật Bản làm sân trượt băng nhân tạo đoạt được danh tiếng. 84 tay trượt băng từ 18 quốc gia đã đến tham dự cuộc tranh tài được tổ chức lần thứ hai tại Nhật-Bản.

Đội Nga Sô đánh bại tất cả các đội về phe nữ. Tuy vậy Thụy Điển đã hạ Nga Sô sát nút trong cuộc tranh tài giữa các đội nam.

Lidia Skoblikova của Nga S đã thắng 4 trận về phe nữ do à lần thứ nhất trong lịch sử cuộ thi tài trượt băng quốc tế. Lidia tạo tân kỷ lục thế giới trong cuộc đua trượt băng 1000 th. t ong 1 phút 31 giây 8.

Về phần đội nam, Jonny Nilsson của Thụy Điển đánh bại địch thủ lợi hại Nga Sô với

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

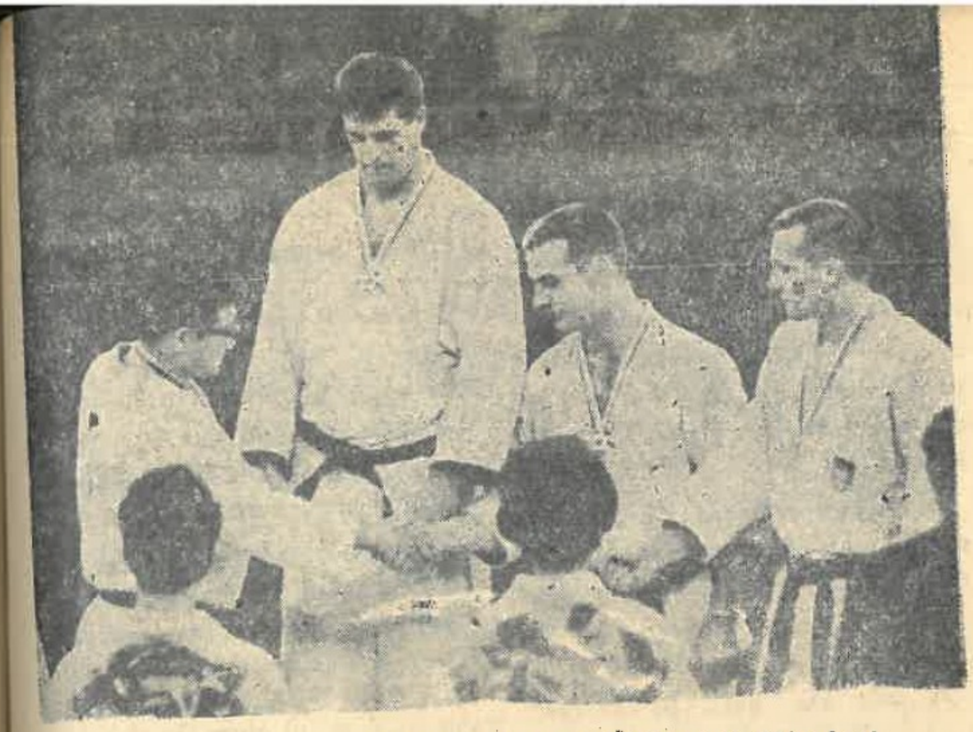

Vô địch Nhu đạo thế giới 1964, Anton Geesink (Hòa lan) huy chương vàng đứng giữa, trái là Kaminaga (Nhật) huy chương bạc, phải Boronovskis (Úc), và Glahn (Đức)

hai tân kỷ lục trong cuộc thi 5000 th. với 7 phút 34 giây 3 và 10.000 th. với 15 phút 33 giây. Nilson cũng đoạt giải nhất trong toàn cuộc.

Cuộc thắng giải 10.000 th của Nilsson được thể hiện trong trận bão tuyết và chứng minh phẩm chất của băng nhân tạo.

Evgeny Grishin của Nga Sô tạo kỷ lục thế giới bằng cách thắng giải 500 th. với 39 giây 8.

Cuộc biểu diễn của đội nam và nữ nhật bản không được tốt đẹp lắm. Kể về khéo trong lúc trượt băng thì sự nhập cuộc của Trung Cộng đã lôi cuốn được sự chú ý quan trọng.

✱ Khúc-côn-cầu

Trong các cuộc thịnh diễn thể thao quốc tế khác tổ chức ở Nhật Bản năm 1962 có đệ tam giải vô địch khúc côn cầu, tài tử thế giới ở sân Fuji tại Kawana (thị xã Ito, phủ Shziuoka). 43 quốc gia gửi đến những đội 4 người để tranh giải trong 4 ngày kể từ 10 10-62. Cuộc đấu diễn ra gay go. Đội Mỹ quốc gồm Billy Patton, Dick Sikes, Labron, Harris, và Deane Beman đoạt giải vô địch với tỷ số 854, đánh bại đội hạng nhì là đội Gia Nã Đại với 8 điểm cách biệt.

Đội Nhật-Bản trong những năm

gần đây đã tiến triển nhưng đành lãnh hạng 9 sau Trung Hoa Quốc Gia sắp hạng 6.

Lữ quán Kawana hoa lệ, cuộc thi hão hạng, và sự sắp xếp tốt đẹp đã được sự ngợi khen của đội khách.

Trong cuộc tranh giải Á Châu vô địch thứ nhất giữa các đội Golf tài tử ở Manila tháng giêng 1963 đội Nhật Bản đã quật lại đội Trung Hoa Quốc Gia và thắng với một số cách biệt rất xa. Đội Nhật Bản gồm có Yoshikane Hirose, Kiyoshi Ishimoto, To Kuyuki Miyoshi, Naomoto Nabeshima Hiroyasu Tomita và Takayuki Yoshikawa.

Đệ nhị giải (liên hoàn) Golf ở Đông Á được tổ chức ở 5 chỗ Manila, Tân Gia Ba, Kuala-Lumpur, Hong Kong và Nhật Bản. Cuộc tranh giải ở Nhật Bản được tổ chức ở nơi nghỉ mát Yoniruri gần Đông Kinh.

Tay chơi golf Nhật là Tomoo Ishii hai lần được sắp hạng nhì trong các cuộc dụng độ. Các tay đánh golf nhà nghề khác Teruo Sugihara, Tadashi Kitta và Hideyo Sugimoto cũng đoạt được hạng nhì. Những tay chơi golf Nhật đã bắt đầu chơi với mức độ quốc tế. Nhưng những người Nhật mô điệu đều đặc biệt chú trọng đến kỷ thuật đồng đều của tay chơi golf Úc Kel Nagle là người đã thực hiện được một tỷ số chung tốt đẹp nhất và chú trọng đến lối chơi can đảm của hão thủ Hoa-kỳ Dong Sanders, người thắng giải Yomiuri mặc dù chơi dưới gió to và lần đầu tiên tham dự cuộc tranh giải quốc tế.

✶ Nhờ chuẩn bị, được tưởng thưởng

Chuẩn bị chu đáo, ráo riết đào tạo lực sĩ, cải tiến thành tích, Nhật Bản đã được phần thưởng quí giá : chiếm chức đệ tam hào kiệt trong 94 nước qui tụ về Thế vận Hội Đông-kinh.

Nhật chỉ chịu kém nhường hạ đại cường quốc Mỹ, Nga và hơn xa Đức, Hung... các quốc gia từ lâu vang danh thế giới.

Còn Việt-Nam ?

Cũng thời Á châu, cũng thời da vàng mũi xẹp, thấy thành tích Nhật, nghĩ phận mình, chua xót làm sao ? !

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Những hình ảnh khó phai mờ

Có nguồn dư luận nổi lên công kích sự tham gia Thế vận hội Đông Kinh của phái đoàn lực sĩ Việt-Nam. Thật sự ra sự công kích nầy có đúng mà cũng không đúng. Đúng là ở chỗ trước ngày ra đi, Ủy Hội Thế Vận Việt-Nam cần phải có một chương trình hoạt động chu đáo, một sự tuyển chọn lực sĩ công phu; để đừng cho người ngoài thấy quá rõ sự hơn kém giữa lực sĩ quốc tế và lực sĩ nhà. Nhưng Việt-Nam không thể không có mặt tại Thế vận hội lần thứ 18. Lẽ thứ nhất nếu ta không có mặt thì quốc kỳ Việt-nam sẽ không được kéo lên ở khắp các vận động trường tranh đua mà có thể khắp các phố phường nữa. Vì, Thế vận hội tổ chức ở quốc gia nào thì quốc gia đó xem thời gian diễn hành Thế vận hội như là quốc lễ. Chẳng những ở Đông Kinh, mà khắp cả nước Nhật, từ các đô thị lớn đến các quận, làng nhỏ, dân chúng Nhật đều treo cờ, tụi, lồng đèn, chào mừng ngày Thế vận hội.

Riêng quốc kỳ Việt-Nam thì trước ngày khai mạc Thế vận hội có nơi nhầm cờ, có nơi làm cờ chỉ có hai sọc đỏ. Lẽ tức nhiên Ban Tổ chức Nhật Bổn cấp tốc sửa sai những khuyết điểm nói trên.

Ở ngày bế mạc, có điểm nầy đáng cho đồng bào Việt Nam lưu ý là khi Đại Úy Nguyễn Trung Thu cầm cờ Việt tiến vào vận động trường quốc gia, thì có 4, 5 lực sĩ, đủ màu da, đến công kênh Đại Úy Thu, tức là quốc kỳ Việt-Nam lên. Khán giả đông nghẹt quanh bốn bề sân, lối 80.000 người đồng vỗ tay hoan hô vang dậy một góc trời.

Cử chỉ này, phải chăng dân chúng Nhật và lực sĩ các nước đã bày tỏ lòng mến phục đối với quốc gia yêu quí Việt Nam chẳng may bị nạn binh đao khói lửa trong khoảng thời gian quá dài, gần 20 năm ? !

Là người dân Việt, chúng tôi đã ứa nước mắt nhìn hoạt cảnh

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

đó diễn ra trước mắt trong khi quanh tôi bao tiếng hoan hô thi nhau và kế tiếp vang rền.

Trên mái vận động trường Quốc Gia Nhật, bên phải cột cờ nơi bản điện quang, hiện ra hàng chữ : « Sayonara, chúng tôi sẽ gặp nhau tại Mexico ».

Chưa 6 giờ chiều.

Nhưng màn đêm đã xuống.

Ngọn lửa thiêng chấp chóa rồi chết dần và tắt hẳn sau khi tiếng hát giã biệt sau cùng vừa chấm dứt.

Từng hàng khăn trắng như đàn bướm trắng quơ qua rồi quơ lại, một loạt, ăn nhịp theo tiếng nhạc.

Dưới sân, hàng ngàn nữ sinh vận đồng phục, thật trật tự, tay cầm đuốc quơ chào theo tiếng nhạc, cùng nhịp với từng hàng bướm trắng xinh xinh...

Trong 80.000 khán giả, đủ mọi hạng người, có người lao động nhưng vì tinh thần Thế vận thúc đẩy đã cầm quần bán áo, năn nỉ vợ con để cố mua được một vé vào xem cho đã mắt. Có người dám bỏ ra từ 400.000 Yens (theo lời ông Nguyễn Ngọc Huy ở Tòa Đại sứ Việt Nam tại Đài Bắc) đến 100.000 yens (anh Nguyễn Thanh Nam, Giám đốc hãng National Saigon đã mua một vé vào xem với giá cắt cổ đó Nếu tính giá đen, 400.000 chạy nhằm 120.000 và 100.000 tức 30.000 đ một vé vào cửa quả thật là đắc đỏ đến không ai ngờ. Cũng trong số khán giả đó, trên 1.000 ký giả ngoài nước Nhật và mấy ngàn đại diện báo chí Phù Tang, có các ký giả Việt Nam. Giờ khắc sắp xếp không thừa không thiếu, kỷ luật và trật tự của Ban tổ chức Nhật đã khiến toàn thể các quan sát viên ngoại quốc đều như rơi từ Cung trăng xuống đất.

Hẹn nhau về Mexico.

Nhưng liệu trong khoảng thời gian dài đến 4 năm, Mexico có thể nào làm cho mọi người có dự Thế vận hội Đông Kinh không tiếc rẻ một hình bóng đã qua ?

Rất có thể trong một vài Thế vận hội sau này, một số lực sĩ khác sẽ lội nhanh hơn, nhảy cao hơn, ném xa hơn và cũng có thể một ngày nào đây, thành tích Mỹ

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1300/BYT/DPDC.

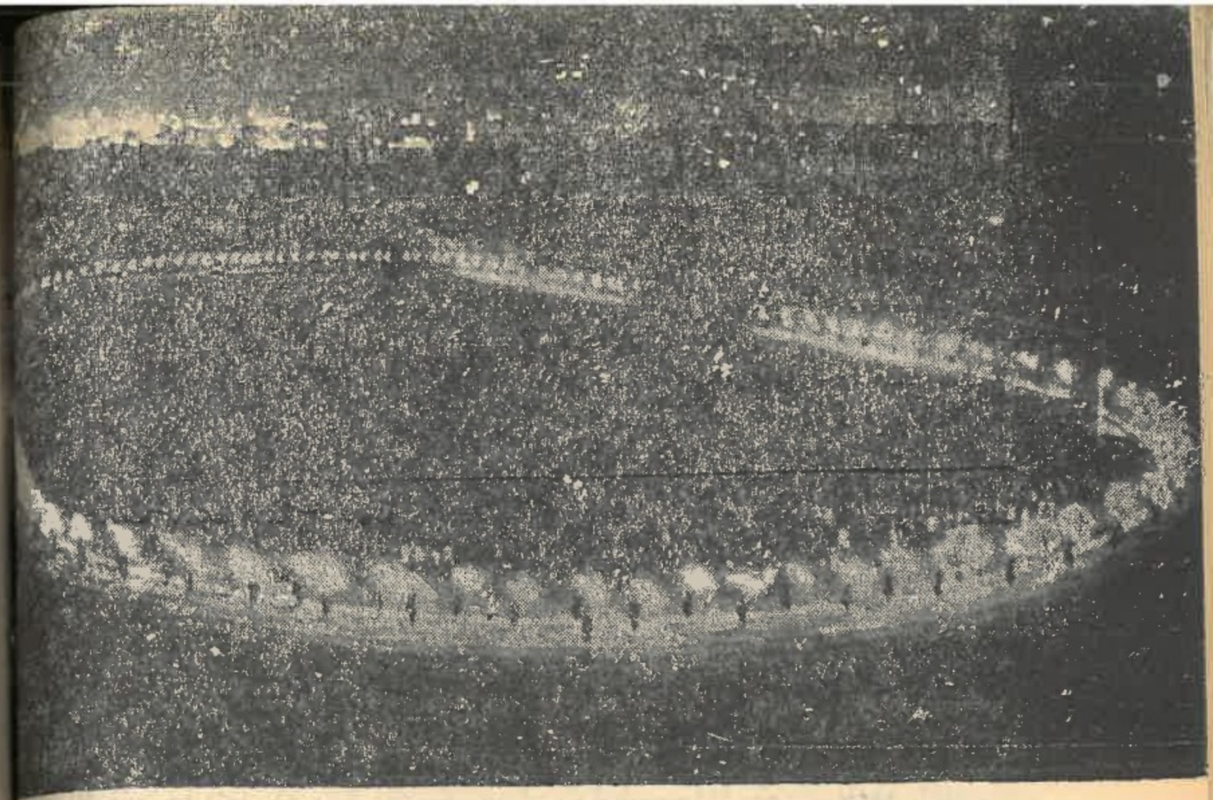

Đêm giã biệt Thế Vận Hội Đông-kinh 1964 tại Vận động trường Quốc-gia Nhật

thắng Nga không còn giá trị như bây giờ. Nhưng không ai bao giờ quên được những hình ảnh bất hủ. Tôi còn nhớ rõ tay đua Mỹ *Bob Schul*, người đầu tiên của Hoa-kỳ thắng môn 5.000 thước về đến mức, nước mưa dầm dề, mặt đầy bùn dơ, nhưng khi ngực cắt đứt lằng chỉ vinh quang thì trên gương mặt lọ lem đen đúa kia, nở một nụ cười trắng toát.

Tôi còn nhớ nữ lực sĩ *Elviro Zolina* của Nga thất vọng quá nặng nề vì bị loại trong môn phóng lao xả hết tốc lực chạy tìm một tiệm làm tóc để cắt bớt mớ tóc hồng như đề rửa mối hận khó nguôi.

Tôi còn nhớ võ sĩ *Dong kih Choh* của Đại Hàn bị xử thua trong hạng ruồi, ngồi lỳ mãi ở một góc đài trong... 50 phút, chờ cho các nhà dìu dắt của anh nói mãi, mới chịu bước xuống... võ trường.

Tôi làm sao quên được cảnh võ sĩ Nhu Đạo Akio Kaminaga rơi nước mắt khi bị võ sĩ Hòa lan Anton Geesink đè gần mất thở.

Thế vận hội Đông-kinh có cái đặc điểm này :

Tuần đầu tất cả vinh quang đều về Hoa-kỳ nhưng qua tuần sau, có thêm nhiều nước nổi bật.

Đến ngày bế mạc thì tất cả có 41 nước chia nhau đồng mề đay mà ban tổ chức Phù Tang đã hết sức công phu đúc ra.

Trong cuộc chiến đấu gần như tay đôi giữa hai Đại Cường, nhiều lực sĩ các nước gọi là nhỏ, cũng đã có dịp nêu cao tên tuổi. Như anh chàng *Willi Holdorf* của Đức, 24 tuổi mà sói như ông già, đã làm cả nước Trung hoa Quốc gia thất vọng vì loại được *Dương Tử Quang* để đoạt môn thể thao 10 thứ.

Tân Tây Lan nhỏ bé được một lực sĩ vô song là *Peter Snell* chạy bán tốc độ xuất sắc thắng luôn hai môn 800 và 1.500 thước.

Úc Đại Lợi ngoài các tay bơi xuất sắc còn có nữ lực sĩ *Betty Cuthbert* từng đoạt 3 huy chương vàng tại Melbourne, năm nay đã 26 tuổi, mà vẫn còn thắng được môn 400 thước chạy nhanh.

Lực sĩ Nga gây thất vọng nặng nề trong tuần đầu qua tuần sau mới lấy được 2 huy chương vàng nhờ *Romuald Klim* về ném búa và *Valery Brumel* về nhảy cao.

● Một vài bất ngờ

Ngay tại nhà báo chí, tôi đã đọc được vài bản dịch của báo Nga *Pravda* tỏ ra thất vọng quá nặng nề đối với lực sĩ của họ. Họ đưa ra lý do là huấn luyện viên cũng như lực sĩ Nga tự tin một cách quá đáng và không biết rút kinh nghiệm từ trận Mỹ thắng Nga cách đây mấy tháng tại Hoa Kỳ. Và chưa chi đã có một vài huấn luyện viên đòi từ chức.

Đối với dư luận quốc tế đây là một chuyện hơi bất ngờ nhưng ai cũng thấy Mỹ đã thành công trong việc đào tạo mầm non từ học đường.

Mỹ có 300.000 hồ bơi.

Pháp có 20.000 hồ bơi.

Còn Việt Nam, trời đất ơi, xin đừng có nhắc.

Về bóng chuyền Mỹ tỏ ra rất kém và đây là một môn thể thao mà phần lớn chỉ có người Mỹ lớn tuổi chơi. Người Mỹ có thể tự an ủi họ kém vì môn này mới đưa vào chương trình giờ chót. Đây là một môn thể thao mà Nhựt đạt đến mục đích nhứt là phía phụ nữ. Báo chí Nhật có thuật chuyện thủ quân *Masae Kasai* 31 tuổi đã hy sinh cuộc hôn nhơn của mình đã đạt hết thì giờ vào việc thao luyện.

Sau trận chung kết mà Nhật hạ Nga đậm đà, nghe đâu các nữ đấu thủ Nga đã đóng kín cửa phòng để mà khóc.

Nên biết rằng các nữ đấu thủ bóng chuyền Nhật phần lớn thuộc hãng dệt *Nichibo* (hãng này đã cung cấp mền cho làng Thế vận và nhà Báo chí).

Huấn luyện viên của đội bóng chuyền vô địch *Nichibo* cho biết rằng ông ta có một lối thao dượt có thể gọi là tàn nhẫn. Trong suốt mấy tháng trường, ông ta đã cho các đấu thủ nghỉ ngơi từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều rồi từ 4 giờ 30 dợt mãi đến nửa đêm chỉ nghỉ có 15 phút thôi. Một đặc điểm khác của sự thao dượt là đấu thủ phải đỡ cho được banh bằng bất cứ cách nào dầu là phải phóng chùi hết mình trên sân.

Trong tập báo này, hình ảnh thế vận hội Đông Kinh sẽ sống lại gần đầy đủ qua nhiều bài vở và hình ảnh thu thập suốt hai tuần đốt lửa thử vàng tại đệ thập Bát thế vận hội.

Hướng về tương lai, tràn trề niềm tin là qua thế hệ suy yếu hiện thời, nước Việt Nam yêu quý sẽ có nhiều bạn trẻ làm sáng danh đất tổ trong các kỳ hợp mặt về sau.

Quốc Kỳ Việt Nam được kéo lên.

Quốc thiều Việt Nam được trỗi lên, lực sĩ Việt Nam đứng trên bục đài chiến thắng, nổi bật trên màn bạc vô tuyến và màn ảnh, khiến mọi người đều khâm phục.

Nhưng chừng nào ?

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Giải đáp bài toán trẹo họng

« NGŨ HỔ TRANH TU »

(của ô. NHI-BẮT-UẨN, Paris — P.T. số 137)

Tá	Doanh	Xe	Thích	Râu
Tham-mưu	Cây Mai	Ben lê	Vộng-cồ	Ba chòm
Không-quân	— Xoài	Fe-ra-ri	Cờ	Quai nón
Thủy-quân	— Cam	Lô-tuýt	Chiếu bóng	Dê
Bộ-binh	— Mít	Ca-đi-giắc	Hát bộ	Cạo
Nhảy dù	— Quít	Mác-xè-dét	Đàn	Mép

- **Tá Bộ Binh đã cạo râu**
- **Tá Tham Mưu thích vọng cổ**

★ **Các bạn đáp trúng :**

Lê tự-Rô, Đại học Sư phạm Toán, Huế. Nguyễn-Tô-Huệ, Trung-học Bồ-Đề, Bảo-Lộc. Đặng-Kỳ, Giáo-viên Tiểu-học Phù-Mỹ, Bình-Định. Phạm thanh Vân, Lê văn Trung, Tây-Ninh. Công-tôn-nữ Mỹ-Trân, Thành-nội, Huế. Phạm thị Yến-Nhàn, Đại-học y-khoa Sàigòn. Trung-Úy Tình KBC. 4177. Đại-Úy Tâm-Châu, Biên-Hòa. Trần-Bình Thanh, Bộ Tài-chánh. Lê-văn-Mỹ, Đại-học Luật-khoa, Sàigòn. Lệ thị-Thoa, Đại-học Văn-khoa, Sàigòn. Vân-Thủy Nha Viễn Thông, Saigon. Châu-Kỳ, đường Phan-Bội-Châu, Huế. Lưu Hồng Khánh, nữ-sinh Qui nhơn. Cao-thị Tuyền, Etudiante en Médecine Paris. Lê hữu Nhơn, Châu-phú. Đại-Úy Vân-Sơn, Bộ Binh Sư-đoàn II. Nguyễn Vũ Phượng Hoàng, Trường Hồ ngọc Cẩn, Saigon. Ngô Phước Thọ, Saigon. Nguyễn nho Thương, cư xá Lữ gia Phú thọ.

K.N. số 25/BYTBQCD/18-10-62

(tiếp theo P.T. 137)

THẾ hệ sinh-viên và học sinh Việt-Nam từ ngày cụ Phan Bội-Châu về nước, năm 1925, đến ngày khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, năm 1930, có thể gọi là thế hệ Nguyễn Thái-Học. Mặc dù Tuấn hãy còn là một cậu học sinh quê-mùa ngây-ngô, nhưng chàng đã bắt đầu lớn lên trong thế hệ đó nên đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của các trào-lưu ái quốc đang ngầm ngầm xáo-trộn các từng-lớp tuổi trẻ, hoặc đã vùng dậy, đã bùng lên, trong các lớp đàn anh. Tuy đa số học-sinh sinh-viên chăm-lo học-hành, chỉ cốt thi đậu ra « làm việc Nhà-nước », lánh xa các phong trào cách-mạng, hầu hết là bí mật, nhưng những phần-tử thanh-niên được tiêm-nhiễm tư-tưởng ái-quốc đã biết kết-hợp lại với nhau mặc dầu không tổ-chức và không người dẫn dắt. Mạnh nhất và sâu-đậm nhất là ảnh hưởng của Văn-hóa và Lịch-sử. Hầu hết lớp thanh niên trung học ấy đều nghiền ngẫm say sưa các triết học Pháp của thế kỷ XVIII, J. J. Rousseau, Montesquieu, mà các nhà cách-mạng lão-

thành Việt-nam thường nhắc đi nhắc lại hàng trăm nghìn lần bằng những danh-từ phiên-âm theo Hán-tự : Lư-thoa, Mạnh-đức Tư-Cưu, v.v.. Thanh niên học sinh cũng ưa học Lịch sử cách-mạng Pháp từ 1789 đến Triều-đại Napoléon, mà họ say mê những giai-đoạn hấp-dẫn nhất : cuộc đánh phá ngục Bastille, các cuộc biểu-tình của dân-chúng Paris, xử tử vua Louis XVI và Hoàng-hậu Marie Antoinette, các trận chiến-thắng vẻ-vang của Bonaparte, v.v..

Thanh-niên học-sinh của thế-hệ Nguyễn-thái-Học còn nam đọc Lịch-sử cuộc chiến-đấu dành độc-lập của nhân-dân Hoa-kỳ, cũng như tiểu-sử của Georges Washington, Lịch-sử cuộc Cách-mạng Trung-Hoa 1911 do Tôn-Dật-Tiên cầm đầu, các tác-phẩm của nhà học-giả cách-mạng Lương khải-Siêu, nhất là quyển « Ẩm-Băng », Lịch-sử nước Nhật từ đời vua Minh-Trị đến chiến-tranh Nhật-Nga 1904-1905, và cuộc chiến-thắng vẻ-vang của Nhật tại eo bể Tsushima.

Ngoài ra, các loại sách mỏng, bán với « giá bình-dân», bằng «quốc-ngữ», của *Nam-Đồng Thư-xã*, Hànội, của *Nữ-Lưu Thư-quán*, Gò-Công, của *Quan-Hải Tùng-Thư*, Huế, các báo cách-mạng tích-cực bằng Pháp-văn ở Saigòn, do những thanh-niên trí-thức cách-mạng Việt-nam chủ-trương, lừng-lẫy tiếng tăm, như *La Jeune Indochine* của Vũ-đình-Dy, *La Cloche Fêlée* của Nguyễn-an-Ninh, *L'Echo Annamite* của Nguyễn-phan-Long, *La Lutte* của Tạ-thu-Thâu, cả tờ *La Tribune Indochinoise* của Bùi-quang-Chiêu, chủ-tịch « Đảng Lập-Hiến Đông-Dương », và sau nữa là tờ *L'Argus Indochinois* của Amédée Clémenti, ở Hànội, — đã tạo ra một không-khí vô cùng sôi nổi trong các giới trí-thức thượng-lưu và trung-lưu, nhất là giới thanh-niên trí-thức cách-

Calvit B12 TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GẦY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN PHONG PHÚ

mạng ở các Đô thị lớn, nhất là ở Hà-nội và Sài-gòn, hai thủ-đô hành-chánh và chánh-trị của Đông-Dương.

Bỗng nhiên, giữa không-khí náo-nhiệt ấy, nổ lên một tiếng súng lục càng làm cho tình-hình xao-động thêm lên. Tiếng súng nổ chiều ngày 30 Tết, tức là ngày 9-2-1929, tại Route de Huế (phố chợ Hôm) ở ngoại-ô Hà-nội, cùng một lúc với vài tràng pháo tết-niên lẻ-tẻ trong thành phố.

Ngay tối hôm đó, trong đêm giao-thừa Xuân Kỷ-Tị, Tuấn nghe vài bạn học thầm-thì cho biết dư-luận đồn rằng hình như kẻ bắn mấy phát súng-lục hồi 5 giờ 30 chiều ở phố Chợ Hôm là một chàng thanh-niên độ 18, 19 tuổi, khá đẹp trai, và nạn-nhơn đã chết ngay tại chỗ là một người Pháp tên là René Bazin, có người vợ An-nam đẹp lắm. Dư-luận cho rằng đây chỉ là cuộc « án-mạng vì tình », và có lẽ vì giành nhau cô « me tây » kia mà chàng thanh-niên An-nam bắn chết ông Tây Bazin. Chàng thanh niên có lẽ con nhà giàu và « vào dân Tây » (nhập quốc-tịch Pháp), cho nên mới có súng lục. Nhưng Tết xong, một tháng sau, lại có dư luận trong giới sinh-viên học-sinh đồn rằng thủ-phạm đã bị Mật Thám bắt, là một học-sinh An-nam của trường Trung-học Pháp, (Lycée Albert Sarraut) đã đỗ Tú Tài I, tên là Léon Sanh. Nạn-nhơn, René Bazin, là chủ sở mộ phu đồn điền, nhà ở phố Chợ Hôm, ngay nơi xảy ra vụ ám sát bằng súng lục. Hắn là tên « thực-dân Pháp » bị nhiều người An-nam thù ghét vì hắn chuyên môn bốc lột những dân nghèo ở các thôn quê Bắc-Kỳ, lừa gạt bắt họ ký giao kèo đi làm các đồn-điền Anh ở « Tân Thế Giới » bằng một giá tiền rẻ mạt. Sự thực, không phải là đi Tân Thế-Giới, mà là Tân-Đảo, Nouvelle Zélande, một đảo lớn ở Úc-châu, thuộc-địa Anh.

Calvit B12 TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GẦY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN PHONG PHÚ

TiếngAnh gọi là New Zealand.

Sau đó vài tháng, Tuấn lại nghe các bạn thầm-thì một tin rất quan trọng : Léon Sanh là con trai cụ Cả-Mộc, một bậc Nữ-lưu trí-thức có danh tiếng ở Hà-thành, hội trưởng một Hội Dưỡng-Nhi ở phố Sinh-Từ, và vụ ám-sát René Bazin có dính liếu với Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, của anh Nguyễn-Thái-Học. Lúc bầy giờ giới học-sinh «có đầu óc cách mạng » thường gọi Nguyễn - Thái - Học bằng « anh », vì anh là Sinh-Viên trường Cao-đẳng Thương-Mại, tuy anh đã 37 tuổi, và đã nghe nói đến Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng tuy hãy còn là một đảng bí-mật.

Léon Sanh bị giam mấy tháng rồi được trả tự do vì không có một bằng chứng cụ-thể nào tỏ rằng anh là thủ phạm. Sau đó anh ta vào làm ký-giả ở một nhật báo Pháp, *L'Ami du Peuple Indochinois* của ông Michel.

Mặc dầu Léon Sanh được sở Mật-thám trả tự do, vụ Léon Sanh vẫn tiếp tục gây xúc động mãnh-liệt trong giới sinh viên học-sinh.

Tuần có đến tòa báo *L'Ami du Peuple Indochinois* để hỏi thăm Léon Sanh, vì Tuấn muốn biết mặt người bạn thanh niên ấy và hỏi về các chi tiết trong vụ anh ta bị bắt bị giam như thế nào. Nhưng Tuấn không gặp anh.

Không khí Hà-nội sau vụ ám sát Bazin, rất là nghẹt thở. Bộ mặt của thành phố, ban ngày vẫn hoạt động như thường lệ, nhưng ban đêm có vẻ lặng lẽ bí-mật. Suốt cả năm 1929, dân Hà-nội có cảm giác rằng có một biến cố gì trầm trọng sắp sửa xảy ra.

Đồng thời, chánh phủ thuộc địa Đông-dương (gồm 5 xứ : Bắc Kỳ, Trung Kỳ, NamKỳ, Ai Lao, Cao Miên), bị các báo Pháp ngữ của các thanh niên cách mạng Saigon tấn công và đả kích hăng hơn lúc nào hết. Hà-nội lặng lẽ, nhưng những hăm dọa ngầm ngầm lại có phần tầm trọng và nguy hiểm hơn đối với chánh quyền thuộc-địa. *(còn nữa)*

Calvit B12
TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GẦY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN
PHONG-PHÚ

Jean Paul SARTRE

Giải Nobel 1964

J.P. Sartre, tác giả những quyển truyện và kịch *La Nausée, Mur, Huis Clos, Les Mouches, « l'Etre et le Néant », « Les Mots », v.v...*

Vừa được Hàn-Lâm-Viện Thụy điển tuyên bố tặng giải thưởng Văn Chương Quốc Tế Nobel 1964.

Nhưng tác giả không nhận giải, và sự ông được giải Nobel cũng bị đa số các giới Trí-thức, Đại-học, và Văn-nghệ Pháp chỉ-trích cho là không xứng đáng.

Tiếp tục các năm 880, 876,.. 724, 720, 716, 712, 708 v.v... trước J.C. cứ đều-đều 4 năm một lần, các lực sĩ Hy-Lạp ở các thành phố danh tiếng như **Athènes, Delphes, Sparte,** đều tụ hội về Olympie để dự lễ tế thần Zeus, và kể đó, tranh tài về 5 môn điền kinh Pentathlon, mà 5 vòng tròn là tiêu biểu cho sức mạnh toàn vẹn của Lực-sĩ Hy-Lạp.

Nhưng đến năm **394** sau J.C. Hoàng-đế **Théodore** rất ngoan đạo Thiên-Chúa, ra sắc lệnh cấm hẳn các cuộc chơi Điền-Kinh, vì ông cho rằng tế thần Zeus và biểu-diễn Điền-Kinh là trái với giáo-lý của Đạo Chúa Trời. Nhà Vua lại truyền lịnh đốt Đền thờ thần Zeus ở Olympie. Thế là từ năm **394** sau J.C., các cuộc Điền-Kinh Hy-Lạp bị bỏ hẳn, do một quyết định độc-tài của một Hoàng-đế quá sùng Đạo.

— Rồi đến năm nào Hội Điền-Kinh mới được tổ chức lại, hả Mình ?

Lực-sĩ Hy-Lạp **MYRON**, *năm 708 trước J C., đã ném cái dĩa sắt 5 k 700 xa 22 mét.*

— Mãi một ngàn năm trăm năm sau, đúng vào năm **1896**, Hội Điền-Kinh mới được tổ-chức lại, do một người Pháp khởi xướng, **Pierre de Coubertin**, và được khai-mạc tại thành phố **Athènes** của Hy-Lạp để tưởng niệm lại nguồn gốc, và lần nầy có cả sự tham gia của **285** Lực-sĩ Quốc-tế.

Calvit B12
TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GẦY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN
PHONG PHÚ

TÌNH YÊU LỰC SĨ

Lực-sĩ Mỹ **Conolly** *vô địch ném búa tạ : 63m19, mề đay vàng*

1956 : *Thế-vận-hội Melbourne, Nữ lực-sĩ Tiệp - khắc :* **Olga Ficotova**, *vô địch ném đĩa : 53m69, mề đay vàng.*

←

hai người yêu nhau và 3 tháng sau, 26-2-57, cặp vô-địch quốc-tế nầy (nàng cộng-sản, chàng tư bản) làm lễ thành hôn tại Prague.

Hiện nay chàng và nàng vẫn sống ở Mỹ, đầy hạnh phúc, đã có đứa con trai 7 tuổi Mark, một vô - địch tí hon, mà Ba má nó hứa là sẽ huấn luyện thành vô - địch quốc - tế tương lai.

Pierre de Coubertin được toàn thể các nước trên Thế giới cử làm chủ-tịch Ủy-ban Điền Kinh Quốc tế, liên tiếp trong 30 năm.

Và từ đây, theo thông lệ từ Thượng-cổ Hy-Lạp, cứ 4 năm Thể-vận Hội được tổ chức một lần, luân phiên ở mỗi nước :

I	1896	ở Athènes (Hy-Lạp)	285 Lực-sĩ	
II	1900	ở Paris (Pháp)	1066 »	(có 6 Phụ nữ)
III	1904	ở Saint Louis (Mỹ)	496 »	
IV	1908	ở London (Anh)	2059 »	(36 phụ nữ)
V	1912	ở Stockholm (Thụy điển)	2541 »	(57 »)
VI	1916	ở Berlin (Đức) bị bỏ vì Thế giới Đại chiến I		
VII	1920	ở Anvers (Pháp)	2606 »	(63 phụ-nữ)
VIII	1924	ở Paris (Pháp)	3092 »	(136 »)
IX	1928	ở Amsterdam (Hòa Lan)	3015 »	(290 »)
X	1932	ở Los Angelès (Mỹ)	1408 »	(127 »)
XI	1936	ở Berlin (Đức)	4069 »	(326 »)

1937, ngày 2-9, Pierre de Coubertin chết. Trái tim của ông được chôn trong một chiếc lư đồng, ở Olympie, nơi nguồn gốc Thể-vận-Hội.

XII	1940 và XIII 1944. Bị bỏ vì Thế-giới Đại-chiến II			
XIV	1948	London (Anh) —	4468 Lực-sĩ	(438 phụ nữ)
XV	1952	Helsinki (Phần Lan) —	4925 »	(518 »)
XVI	1956	Melbourne (Úc) —	3539 »	(353 »)
XVII	1960	Rome (Ý) —	5336 »	(537 »)
XVIII	1964	Tokyo (Nhật) —	8000 »	(842 »)

— Biết chừng nào Thủ-đô Sàigòn của mình được vinh-dự tổ-chức Thể - Vận - Hội, Mình hè?

Ông Tú nhún vai:

— Hết chiến tranh, hết đảo chánh, hết « xuống đường », họa may!

Diệu-Huyền

← *Sau 1502 năm bị bải bỏ, Thế-vận-hội được tổ chức tại Athènes (Hy-lạp) lần đầu tiên năm* **1896**, *có 285 lực-sĩ quốc tế tham dự. Cuộc chạy đua 100 mét.*

HOÀN-TOÀN TU-BO VÀ CHẤN-CHỈNH VỚI ĐÃY
ĐỦ TIỆN-NGHI TÂN-THỜI

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn Ông (R. Théâtre cũ) -- CHỢ-LỚN

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Lãnh đặt tiệc liên hoan và Đám cưới
- Sạch sẽ, vệ sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép,

★

Có máy điều-hòa không - khí ở lầu 3 lộ thiên có không - khí thiên-nhiên trong một khung - cảnh huy - hoàng diễm-ảo.

- Ăn bánh trưa từ 12 giờ tới 15 giờ.
- Ăn cơm tối từ 18 giờ tới 23 giờ.

Quí khách chiếu cố, thưởng thức và phê bình để chúng tôi sửa chữa đặng cải tiến

Nước Ngọt « CON CỌP »

Nguồn mạch Sức Khỏe và Vui Tươi

Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

HO, **Bổ-phế linh-đơn Thụy-Lâm loại A**

TRỊ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho dàm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới, **hoàn Thụy-Lâm**

TRỊ : Cứng đầu côn, ngứa cửa mình, ra huyết trắng *(Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)*

Nhà thuốc **THỤY-LÂM**, *191 Gia-Long Saigon*

KN. số 425 ngày 25-9-63

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống: **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. *Nhà thuốc* **Ông Tiên,** Phú Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, *Ghẻ chốc, lở lói, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà Tết, uống* **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** *30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.*

Nhà thuốc **Ông Tiên** *Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63*

---

1) CÁC CHƯNG HO Ho Phong, ho đàm, ho siễng Ho rang tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HƯỢT PHẬT PHÒNG LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, để mạnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xầm chóng mặt, Dung để an thần định trí, mat gan dễ ngủ.

3) ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH : Thuốc bổ cho người lao tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bịnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt mét, đau lưng, bạch đái hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quí Bà dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**

5) Bịnh Phong Thấp đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn hay đổ mồ hôi tứ chi bải hoải dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa

6) Quí Bà có thai bị bịnh thiếu máu sanh ra ụa mửa, bần thần, mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO SẢN HOAN** Di An Hòa.

7) Ai có bịnh Phong ngứa, ghẻ chốc lở lói ngoài da tìm thuốc **PHONG NGỨA** Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có để bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYTK êm Nhận ngày 18-12-1963

CÙ-LÀ

古 AJI 腊

VIỆN BÀO CHẾ NGUYỄN-CHÍ

KN 697-BYT/QCDP-21/2/64

GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KẸO SINH TỐ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC

NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỮ ÂU-DƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại 23.187

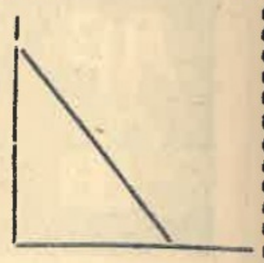

Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961
Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**
In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon